

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

PHÂN LOẠI TIỂU BỘ 3
THÁNH TẶNG
(XẾP THEO CHỦ ĐỀ)

T

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	74
1 Ta chính là con trai, Con chính tông đức Phật - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242	79
2 Ta chờ đợi thời đến, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172.....	81
3 Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335	83
4 Ta chờ thời gian đến, Tỉnh giác, giữ chánh niệm - Kinh Revata – Tiểu III, 352	87
5 Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tủy, duyên thành - Kinh Gotama – Tiểu III, 207.....	91
6 Tà khổ hạnh - Đứng chỉ một chân - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216.....	93
7 Ta không có sợ chết, Không ưa thích sanh mạng - Kinh Ajita – Tiểu III, 30.....	95
8 Ta không có tư duy, Những tư tưởng phạm phu - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59.....	96
9 Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172	97

- 10 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360..99
- 11 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Revata – Tiểu III, 352.....105
- 12 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335 109
- 13 Tà kiến - Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221.....113
- 14 Tà kiến - Chúng lôi cuốn trôi ta, Vào đại dương tà kiến - Kinh Kelakani – Tiểu III, 379 115
- 15 Tà kiến - Quán đánh một bến nước - Kinh Senaka – Tiểu III, 218 121
- 16 Tà kiến - Tắm sông tẩy sạch điều ác - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242.....123
- 17 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240 125
- 18 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 127
- 19 Ta là con đức Phật - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312.....130

- 20 Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152 135
- 21 Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89.....137
- 22 Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221.....138
- 23 Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260.....140
- 24 Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30 143
- 25 Ta sẽ chế ngự người, Như cửa khóa ngăn voi - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246.....144
- 26 Ta sẽ giết nó - Nhiếp phục dục tướng - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120 147
- 27 Ta sẽ không nằm xuống, Với đầu bị bẻ nát - Kinh Mahàkàla – Tiểu III, 145 149
- 28 Ta sống không mong chờ, đời này hay đời sau - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20.....151
- 29 Ta sống trong hạnh phúc, Thọ hưởng được pháp vị - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110.....153

- 30 Ta thấy người cư sĩ, Trì pháp với lời nói - Kinh
Isidinna – Tiểu III, 167 155
- 31 Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch
- Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242.....157
- 32 Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay đồi cao
- Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444.....159
- 33 Tai nạn - Cách quán khi gặp tai nạn - Kinh
Uttara – Tiểu III, 127 171
- 34 Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường
thọ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 174
- 35 Tái sanh - Cách quán để nhằm chán tái sanh -
Kinh Uttara – Tiểu III, 127 182
- 36 Tái sanh - Nay không còn tái sanh - Kinh
Anuruddha – Tiểu III, 422.....185
- 37 Tái sanh - Tăng nghĩa địa hải hùng, Chết chứa
sự tái sanh - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281
.....193
- 38 Tái sanh - Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong
địa ngục - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 ..196
- 39 Tái sanh là đau khổ - Kinh Abhibhùta – Tiểu III,
206.....204

40	Tái sinh là đau khổ - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165	206
41	Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335	208
42	Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339.....	212
43	Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291.....	216
44	Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Eraka - Kinh Eraka – Tiểu III, 100.....	221
45	Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 105.....	223
46	Tàlaputta – Tiểu III, 479.....	225
47	Tâm - Cách điều phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29.....	245
48	Tâm - Gương nhiếp phục tâm - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479	247
49	Tâm - Gương nhiếp phục tâm dao động - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246.....	267

- 50 Tâm - Gương tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186 270
- 51 Tâm - Gương tu tập - Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88 272
- 52 Tâm - Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 274
- 53 Tâm - Lời dạy của Trưởng lão Brahmadata - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277 278
- 54 Tâm - Đây tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....281
- 55 Tâm - Đây tâm, ta gọi ngươi, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186.....301
- 56 Tâm - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170.....303
- 57 Tâm - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95.....305
- 58 Tâm - Trong chồi nhỏ, năm cửa, Có con khi đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131 306

- 59 Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170.....308
- 60 Tam canh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342 ..310
- 61 Tâm định trên thân - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62 314
- 62 Tâm không định được thì làm sao_ - Kinh Kula – Tiểu III, 29 317
- 63 Tam minh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342 ..319
- 64 Tám mươi bốn ngàn pháp - Kinh Ananda – Tiểu III, 455 323
- 65 Tám mươi tuổi xuất gia, chứng quả - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192.....335
- 66 Tâm phục - Chưa tâm phục vì ganh, mạn lừa dối - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254 337
- 67 Tâm ta thật trắng bạch, Vô lượng, khéo tu tập - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319 340
- 68 Tâm tăng thượng ẩn sĩ - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79.....345

69	Tâm thường hằng, hướng mạnh về Chánh pháp - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34.....	347
70	Tâm trạo cử - Kinh Sìha – Tiểu III, 93.....	349
71	Tám tư duy của bậc đại nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422	350
72	Tầm uý - Bị quả trách, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174	358
73	Tán thán Đức Phật - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252	360
74	Tán thán Đức Phật - Kinh Mettajì – Tiểu III, 102	362
75	Tán thán Đức Phật - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269.....	363
76	Tán thán Đức Phật - Kinh Sela – Tiểu III, 399	365
77	Tán thán Đức Phật - Kinh Senaka – Tiểu III, 218	373
78	Tán thán Đức Phật - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365	375

79	Tán thán Đức Phật - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516.....	380
80	Tán thán giữ giới - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339	404
81	Tán thán trưởng lão Kassapa - Kinh Mahā Moggallāna – Tiểu III, 499.....	408
82	Tảng đá - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170	425
83	Tánh không sầu não - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370	427
84	Tánh sanh diệt các uẩn - Kinh Gosāla – Tiểu III, 32.....	432
85	Té khi kinh hành vì buồn ngủ - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212	434
86	Té thân - Bị cướp bắt đem té thân nhưng không sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370.....	436
87	Té xuống vì quá buồn ngủ - Kinh Kāṭiyāna – Tiểu III, 266	442
88	Tekicchakārī – Tiểu III, 256	445

- 89 Thà làm cho chấm dứt các kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102.....448
- 90 Thai - Có thai nhưng không biết, xin xuất gia - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 451
- 91 Tham sân si - Hai mươi lăm năm không khởi dục tưởng, sân tưởng - Kinh Ananda – Tiểu III, 455 454
- 92 Tham sân si - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89 .466
- 93 Tham vị - Nếu tham đắm các vị, Ý không vui tu thiền - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 468
- 94 Tham vị - Nếu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con - Kinh Brahmadaṭṭa – Tiểu III, 277 472
- 95 Tham vị - Người siêng tham đắm vị, Bỏ địch đem an lạc - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295.....475
- 96 Thân - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 478
- 97 Thân - Góm thay, vật hôi thối, Đầy sắc mùi hôi tanh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215 481

- 98 Thân - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281 483
- 99 Thân - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 486
- 100 Thân - Quán bất tịnh để diệt dục - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499.....494
- 101 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260 511
- 102 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215 514
- 103 Thân - Quán vô thường, vô ngã đối với thân - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145 516
- 104 Thân - Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30 518
- 105 Thân - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 519
- 106 Thân - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165 522

- 107 Thân cận bạn lành - Cho đến kẻ ngu si, Được
đổi thành người trí - Kinh Susàrada – Tiểu III,
86.....524
- 108 Thần cây - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16 525
- 109 Thần chết - Ai đuổi đi thần chết - Kinh Bhalliya
– Tiểu III, 16 527
- 110 Thần chết - Bầy mối của thần chết - Kinh
Nàgasamàla – Tiểu III, 211 529
- 111 Thần chết - Chờ để cho thần chết, Lường gạt,
chiến thắng ông - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266
.....531
- 112 Thần chết - Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần
chết gieo mối - Kinh Sundara Samudda – Tiểu
III, 284 534
- 113 Thần chú - Bùa chú sọ người - Kinh Migasira –
Tiểu III, 163 537
- 114 Thần chú - Kinh Sela – Tiểu III, 399 540
- 115 Thần chú, bùa phép - Kinh Pilinda Vaccha –
Tiểu III, 19 548
- 116 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng -
Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275.....550

117 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243	553
118 Thân cuối cùng - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239	557
119 Thân do ý tạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422	560
120 Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157	568
121 Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156	570
122 Thân hành niệm - Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286.....	572
123 Thân hình bằng vàng mịn - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347	575
124 Thần mưa - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234	580
125 Thần mưa hãy mưa đi - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9.....	583

- 126 Thân này luân chuyển vậy, Dẫn đi bởi xe nghiệp
- Kinh Kappa – Tiểu III, 325 585
- 127 Thân niệm - Kiên trì hộ thân niệm - Kinh Sīla
Vaniya – Tiểu III, 16 588
- 128 Thân ở làng, Tâm hướng về rừng núi - Kinh
Sīvaka – Tiểu III, 24 589
- 129 Thần rừng - Khen Tỳ kheo tu tập Tướng bộ
xương - Kinh Singālar Pitar – Tiểu III, 28 ...591
- 130 Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn -
Kinh Khitaka – Tiểu III, 111 593
- 131 Thân thể nặng nề, khó tu - Kinh Adhimutta –
Tiểu III, 119 594
- 132 Thân thể trong sạch như giọt sương trên lá sen -
Kinh Vimala – Tiểu III, 60 595
- 133 Thân thể yếu đuối, sợ tu không được - Kinh
Lomasakangiya – Tiểu III, 36 597
- 134 Thần thông - Chứng thần thông lúc bảy tuổi -
Kinh Sumana – Tiểu III, 274 599
- 135 Thần thông - Ngăn sông không cho dâng cao -
Kinh Gavampati – Tiểu III, 47 602

- 136 Thần thông - Như bông thổi trước gió, Thân ta nhẹ trôi bay - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111 .604
- 137 Thần thông - Trưởng lão Cùla Panthaka - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323.....605
- 138 Thần thông của Đức Phật - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291 608
- 139 Thần thông đệ nhất - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 613
- 140 Thân tích tụ - Kinh Sīha – Tiểu III, 93 630
- 141 Thần túc - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331 632
- 142 Thanh lương - Không chậm, tỏ chậm chạp, Thường sống thật thanh lương - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 635
- 143 Thánh quả - Giới hạnh không thanh tịnh nên không đạt được Thánh quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39.....647
- 144 Thánh quả - Pháp đạt đến Thánh quả - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34 649

- 145 Thanh tịnh - Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự
bậc trong sạch - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III,
242.....651
- 146 Thanh tịnh đạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III,
422.....653
- 147 Thanh tịnh pháp sanh khởi, Thanh tịnh hành tiếp
tục - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 661
- 148 Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ
- Kinh Devasabha – Tiểu III, 108.....667
- 149 Thánh yên lặng - Kinh Valliya Kanhamitta –
Tiểu III, 155 668
- 150 Tháp của đức Phật Kassapa - Kinh
Khandasumana – Tiểu III, 104 670
- 151 Thấp và cao - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87 671
- 152 Thât vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc - Kinh
Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 673
- 153 Thầy chớ có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta
– Tiểu III, 171 675
- 154 Thấy dục như lửa hừng, Thấy vàng như dao đâm
- Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 677

155	Thấy được giới bất tử - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221.....	685
156	Thấy được quả bất tử - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239.....	687
157	Thầy hãy làm tự ngã, Được thâm nhuần hương thượng - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38.....	690
158	Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá hủy - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96.....	692
159	Thấy pháp tánh các pháp - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33	693
160	Thấy sắc, mắt chánh niệm, Tác ý tưởng luyến ái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106	694
161	Thấy sắc, niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392	696
162	Thầy thuốc - Biết người khác phần nộ, Chánh niệm, tự lắng dịu - Kinh Brahmadaṭṭa – Tiểu III, 277.....	703
163	Thầy thuốc - Họ giống như thầy thuốc, Họ làm các công việc - Kinh Pārāpārīya – Tiểu III, 429	706

- 164 Thế giới là vô thường, đi đến hoại diệt - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385.....714
- 165 Thế giới này bị ái triền trói buộc - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 722
- 166 Thế Tôn - Bảy Đức Phật - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295 724
- 167 Thế Tôn - Đức Phật độ cho vua cha - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 727
- 168 Thế Tôn - Đức Phật Sikhì - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188 729
- 169 Thế Tôn - Thần thông của Ngài - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291 731
- 170 Thế Tôn - Thế Tôn bị đau nhức mũi - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166.....736
- 171 Thế Tôn - Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312.....738
- 172 Thế Tôn độ trưởng lão Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466.....743
- 173 Thế Tôn Kassapa - Ác Tử kheo từ thời đó - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200.....756

- 174 Thí chủ tiếp tục cho, Tiếp tục lên Thiên giới -
Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312 758
- 175 Thị giả - Gương trưởng lão Ananda - Kinh
Ananda – Tiểu III, 455 763
- 176 Thiên - Tâm quan trọng của quán - Kinh Sumana
– Tiểu III, 237 775
- 177 Thiên - Trong thiên định năm chi, Thiên nhân ta
thanh tịnh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422
.....777
- 178 Thiên - Vị Hành thiên đệ nhất - Kinh
KankhaRevata – Tiểu III, 12 785
- 179 Thiên định - Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh
tịnh này - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323
.....786
- 180 Thiên định được chứng đạt, thiên quán được
triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281
.....789
- 181 Thiên định, thiên quán và chứng quả - Kinh
Sumangala – Tiểu III, 52 792
- 182 Thiên định, thiên quán, trời dễ chịu và chứng
quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50 794

183	Thiện duyên đời trước - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111.....	796
184	Thiện duyên đời trước - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112	797
185	Thiện hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 274 ..	798
186	Thiên nhân - Bị Thiên nhân khích lệ, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167....	801
187	Thiên nhân - Đệ nhất Thiên nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422	803
188	Thiên nhân - Kiết tập Kinh lần thứ nhất - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196.....	811
189	Thiên nhân động viên tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73	813
190	Thiên nhân muốn chỉ cho chứng quả - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177.....	815
191	Thiên nhân nhắc nhở Tỳ kheo muốn làm chồi lá mới - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67	818
192	Thiền quán - An trú thiền quán và chứng quả - Kinh Usabha – Tiểu III, 173.....	820

193	Thiền quán - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325	822
194	Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Candana – Tiểu III, 222	825
195	Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230	827
196	Thiền quán - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328	830
197	Thiền quán - Chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189.....	834
198	Thiền quán - Chứng quả khi đạt đến thiền quán - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144	836
199	Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền quán - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32	838
200	Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền quán - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9	840
201	Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Ajita – Tiểu III, 30.....	843
202	Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27	844

- 203 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38.....846
- 204 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19 ...848
- 205 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28.....850
- 206 Thiền quán - Chứng quả khi triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92 852
- 207 Thiền quán - Chứng quả nhờ triển khai thiền quán - Kinh Sìha – Tiểu III, 93.....854
- 208 Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí - Kinh Matanga Putta Con Của Mātanga – Tiểu III, 195 856
- 209 Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí với thiền quán - Kinh Gotama – Tiểu III, 207.....858
- 210 Thiền quán - Đề tài Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260 860
- 211 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Bốn sự thật - Kinh Gotama – Tiểu III, 331 863

- 212 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Nghĩa địa - Kinh Mahākāla – Tiểu III, 145 866
- 213 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự kiện về con bò - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158 868
- 214 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89870
- 215 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 237 872
- 216 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới luật - Kinh Hatthārōha Putta – Tiểu III, 88.....874
- 217 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Hàm răng - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286 ...876
- 218 Thiền quán - Đề tài thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 879
- 219 Thiền quán - Dục vọng tấn công, thiền quán và chứng quả - Kinh Uttarapāla – Tiểu III, 205881
- 220 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212 883
- 221 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Nāgasamāla – Tiểu III, 211 885

- 222 Thiền quán - Phát triển thiền quán các dục và
chứng quả - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120
.....887
- 223 Thiền quán - Phát triển thiền quán chứng Thắng
trí thứ sáu - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342 889
- 224 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi bị quở
trách - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174...893
- 225 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi gặp nạn
và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 127..895
- 226 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi tâm được
Tịnh chỉ - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III,
168.....898
- 227 Thiền quán - Phát triển thiền quán trên thiền
định và chứng quả - Kinh Migasìra – Tiểu III,
163.....900
- 228 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Anupama – Tiểu III, 186 903
- 229 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 905
- 230 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Dhammika – Tiểu III, 224.....913

- 231 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41.....916
- 232 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Jambuka – Tiểu III, 216 918
- 233 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162 920
- 234 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Kutivihārim – Tiểu III, 65.....922
- 235 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Kutivihārim – Tiểu III, 67 924
- 236 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115.....926
- 237 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112 928
- 238 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Mānava – Tiểu III, 85.....930
- 239 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Paccaya – Tiểu III, 191 932
- 240 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87.....934

241	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221	936
242	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385	938
243	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280	946
244	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142	949
245	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171.....	951
246	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232	953
247	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Tissa – Tiểu III, 146	955
248	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 152	957
249	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243.....	959
250	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 209.....	963

- 251 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng Sáu
thắng trí - Kinh Phussa – Tiểu III, 437.....965
- 252 Thiền quán - Phát triển thiền quán về bệnh đau
mắt và kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102
.....973
- 253 Thiền quán - Phát triển thiền quán về chế ngự
căn - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375.....976
- 254 Thiền quán - Phát triển thiền quán về con khi
tâm và chứng quả - Kinh Valliya – Tiểu III, 131
.....982
- 255 Thiền quán - Phát triển thiền quán về hộ trì căn
và chứng quả - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III,
392.....984
- 256 Thiền quán - Phát triển thiền quán về nguy hiểm
của dục và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III,
107.....991
- 257 Thiền quán - Phát triển thiền quán về thân và
chứng quả - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156 ..993
- 258 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng quả
lúc bảy tuổi - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288 ..995
- 259 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu
thắng trí - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166.....998

- 260 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu
thắng trí - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu
III, 183 1000
- 261 Thiền quán - Phát triển thiền quán, nhờ thiền
Định - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 1002
- 262 Thiền quán - Quán sự nguy hiểm của đời thế tục
- Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250 1004
- 263 Thiền quán - Quán tánh vô thường của sự vật,
thiền quán, chứng quả - Kinh Nàgasamàla –
Tiểu III, 211 1007
- 264 Thiền quán - Rời ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy
- Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284 ...1009
- 265 Thiền quán - Thiền định được chứng đạt, thiền
quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu
III, 281 1012
- 266 Thiền quán - Thiền quán về sự nguy hiểm của
các dục - Kinh Eraka – Tiểu III, 100 1015
- 267 Thiền quán - Triển khai thiền quán khi mẹ dục về
- Kinh Atuma – Tiểu III, 84 1017
- 268 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109 1019

- 269 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79 1021
- 270 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88 1023
- 271 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Nita – Tiểu III, 94.....1025
- 272 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73 1027
- 273 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng Sáu
thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83 .1029
- 274 Thiền quán - Triển khai thiền quán về các dục
và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74 1031
- 275 Thiền quán - Triển khai thiền quán về đau khổ
và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu
III, 78.....1033
- 276 Thiền quán - Trôi mát, tâm định, thiền quán,
chứng quả - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184 ...1035
- 277 Thiền quán - Tu tập thiền định, trí tuệ chín muồi,
phát triển thiền quán - Kinh Brahmàlì – Tiểu III,
180.....1037

278	Thiền quán chứng được Sáu thắng trí - Kinh Lomasakangìya – Tiểu III, 36	1039
279	Thiền quán đệ nhất - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11.....	1041
280	Thiền quán đề tài Bốn Sự Thật - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20.....	1043
281	Thiền quán sau khi chế ngự buồn ngủ, chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212	1045
282	Thiền quán sau khi đoạn tận kiêu mạn và chứng quả - Kinh Harita – Tiểu III, 208.....	1047
283	Thiền quán Tánh sanh diệt của ngũ uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32.....	1049
284	Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sìla Vaniya – Tiểu III, 16	1051
285	Thiền quán và chứng 6 thắng trí - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31	1052
286	Thiền quán và chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215	1053
287	Thiền quán và chứng quả - Kinh Upàli – Tiểu III, 203	1055

- 288 Thiền quán và chứng quả vào ngày thứ bảy -
Kinh Sela – Tiểu III, 399 1057
- 289 Thiền quán về giới hạnh - Kinh Ràmaneyyaka –
Tiểu III, 60 1065
- 290 Thiền quán, thiền định và chứng quả - Kinh
Sumangala – Tiểu III, 52 1066
- 291 Thiền quán, thiền định, trời dễ chịu và chứng
quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50 1068
- 292 Thiền tư về giới hạnh - Kinh Ujiaya – Tiểu III,
58.....1070
- 293 Thiện xảo tâm diễn khởi, Khéo nắm giữ các
tướng - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu
III, 328 1071
- 294 Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly -
Kinh Sunàga – Tiểu III, 95 1075
- 295 Thiểu dục tri túc - Kinh Bhaddiya
Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407 1076
- 296 Thiểu kinh nghiệm, không nhiệt tâm tu tập -
Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98.....1082
- 297 Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh
Kàludàyin – Tiểu III, 312 1084

- 298 Thịnh vượng - Kinh Samiddhi – Tiểu III, 57
.....1089
- 299 Thọ - Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna –
Tiểu III, 266 1091
- 300 Thọ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ -
Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 1094
- 301 Thọ cung tên làm cây tên ngay thẳng - Kinh
Hàrita – Tiểu III, 38 1096
- 302 Thọ gồm xuất gia chứng quả - Kinh Dhaniya –
Tiểu III, 194 1098
- 303 Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275
.....1100
- 304 Thờ lửa - Từ bỏ thờ lửa, theo chánh pháp, chứng
Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III,
189.....1103
- 305 Tho tháo - Ta tho tháo dao động, Say đắm trong
tham dục - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 1105
- 306 Thọ tướng thuần túy - Kinh Mālunkyaputta –
Tiểu III, 392 1107

- 307 Thời tiết dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 1114
- 308 Thuần túy - Thọ tướng thuần túy - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392.....1116
- 309 Thức ăn - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99.....1123
- 310 Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191.....1125
- 311 Thương hại vợ cũ - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281.....1127
- 312 Thường nắm giữ chánh niệm - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79 1130
- 313 Thuyết pháp - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183 1132
- 314 Thuyết pháp - Đệ nhất Thuyết pháp lành lợi - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 1134
- 315 Thuyết pháp - Họ thuyết pháp quần chúng, Vì lợi, không vì nghĩa - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429.....1137

- 316 Thuyết pháp - Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con
Của Pancàlì – Tiểu III, 183.....1145
- 317 Thuyết pháp - Vị Thuyết pháp đệ nhất - Kinh
Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13 1147
- 318 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Mahà Kappina –
Tiểu III, 319 1149
- 319 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna
Mamtàniputta – Tiểu III, 13 1154
- 320 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Vangìsa – Tiểu III,
516.....1156
- 321 Tịch tịnh - Đạt được đạo tịch tịnh - Kinh Cùla
Gavaccha – Tiểu III, 22 1180
- 322 Tịch tịnh - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16 1181
- 323 Tịch tịnh - Mong rằng ta sẽ được, Tịch tịnh thật
tối thượng - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42....1183
- 324 Tịch tịnh - Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula
– Tiểu III, 221 1184
- 325 Tịch tịnh tối thượng - Kinh Yasadatta – Tiểu III,
248.....1186

- 326 Tịch tịnh và chỉ tức - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11.....1188
- 327 Tiến trình tu tập - Kinh Uttara – Tiểu III, 152 1190
- 328 Tiếng rống con sư tử đê nhất - Kinh Pindola Bhàradvàja – Tiểu III, 129.....1192
- 329 Tình cảm trai gái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106 1194
- 330 Tịnh Phạn Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312.....1195
- 331 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ cây lau - Kinh Usabha – Tiểu III, 116.....1200
- 332 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56 1202
- 333 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con nai mẹ - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115.....1204
- 334 Tỉnh thức giữa người ngủ, Vị ấy, đòi không uổng - Kinh Dhammapàla – Tiểu III, 179..1206
- 335 Tình yêu trai gái - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107 1208

336 Tissa – Tiểu III, 105.....	1210
337 Tissa – Tiểu III, 146.....	1212
338 Tissa – Tiểu III, 48.....	1214
339 Toàn bộ khổ uân là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91	1215
340 Tóc - Hãy cạo tóc cho ta, Người cạo tóc đã đến - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156	1217
341 Tội - Mưa rất là nặng hạt, Trên tội được che giấu - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280	1219
342 Tội lỗi - Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như mây trời - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 ...	1222
343 Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói - Kinh Revata – Tiểu III, 352.....	1234
344 Tôn giả Ananda - Việc làm lằng xằng này, Có nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124.....	1238
345 Tôn giả Mahà Moggallàna - Xuất gia bảy ngày chứng quả - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444	1240
346 Tôn giả Sàriputta - Nguyên soái chánh pháp - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444	1252

- 347 Tôn giả Sàriputta - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn
đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91
.....1264
- 348 Tôn giả Sàriputta - Tướng quân, Thừa tự Như
Lai vị - Kinh Sela – Tiểu III, 399 1266
- 349 Tôn trọng - Là mũi tên nhỏ nhiệm, Thật khó
được rút ra - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III,
295.....1274
- 350 Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân -
Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 1277
- 351 Trăm hai mươi tuổi, chứng Ba minh - Kinh Phụ
Thân Của Dhammasava – Tiểu III, 114 1280
- 352 Trắng - Như trắng thoát vùng mây - Kinh Mahà
Kappina – Tiểu III, 319 1281
- 353 Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo mồi
- Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284 ...1286
- 354 Tránh ác, gần thiện - Kinh Vimala – Tiểu III,
209.....1289
- 355 Trạo cử - Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến ta phải
đánh - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174 .1291

- 356 Trạo cử - Được Đức Phật nhắc nhở và chứng quả
- Kinh Sìha – Tiểu III, 93 1293
- 357 Trạo cử - Sấm trạo cử nổ vang, Mây kiết sử bao phủ
- Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379.....1295
- 358 Trạo hồi - Nay tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc
- Kinh Anupama – Tiểu III, 186 1301
- 359 Trí kim cang - Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì của thức
- Kinh Migajàla – Tiểu III, 269 1303
- 360 Tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta –
Tiểu III, 407 1305
- 361 Trí tuệ - Bình khí trí tuệ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 1311
- 362 Triển khai thiền quán dục vọng và chứng quả -
Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205 1317
- 363 Triển khai thiền quán khi mẹ dụ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84 1319
- 364 Triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa –
Tiểu III, 92 1320
- 365 Triển khai thiền quán tánh sanh diệt của năm uẩn
và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32.1322

366	Triển khai Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16	1324
367	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109.....	1325
368	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32	1327
369	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79.....	1328
370	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88.....	1330
371	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94	1332
372	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Sīha – Tiểu III, 93	1334
373	Triển khai Thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9	1336
374	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39.....	1338
375	Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73.....	1340

- 376 Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí -
Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83 1342
- 377 Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả -
Kinh Pakkha – Tiểu III, 74.....1344
- 378 Triển khai thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn -
Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 1346
- 379 Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã -
Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78
.....1348
- 380 Triển khai thiền quán về sự nguy hiểm của dục
vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89 1350
- 381 Trời dễ chịu, Tâm được thiền định - Kinh
Cùlaka – Tiểu III, 184.....1352
- 382 Trời dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả
- Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168....1354
- 383 Trời mát, tâm định và chứng quả - Kinh Vimala
– Tiểu III, 60 1356
- 384 Trời mát, thiền định, thiền quán, và chứng quả -
Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50 1358
- 385 Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu -
Kinh Girimànaṇḍa – Tiểu III, 234.....1360

- 386 Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất - Kinh
Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62
.....1363
- 387 Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích tụ hội
- Kinh Nita – Tiểu III, 94.....1366
- 388 Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào -
Kinh Valliya – Tiểu III, 131 1368
- 389 Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước
- Kinh Sunita – Tiểu III, 342 1370
- 390 Trong hai mươi lăm năm, Đoạn dứt được ngũ
ngũ - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 1374
- 391 Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi ta -
Kinh Uttiya – Tiểu III, 39.....1382
- 392 Trống rỗng - Ta quán sát thân này, Trống rỗng
cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 2601384
- 393 Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi lằng đốt cắn -
Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41 1387
- 394 Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều cõi -
Kinh Vajjita – Tiểu III, 187 1389
- 395 Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác -
Kinh Vasabha – Tiểu III, 137 1391

396 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88	1393
397 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....	1395
398 Trưởng lão Abhaya - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106.....	1415
399 Trưởng lão Abhaya - Kinh Abhaya – Tiểu III, 35.....	1416
400 Trưởng lão Abhibhùta - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206	1417
401 Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119	1419
402 Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370	1420
403 Trưởng lão Ajina - Kinh Ajina – Tiểu III, 133	1425
404 Trưởng lão Ajita - Kinh Ajita – Tiểu III, 30	1427
405 Trưởng lão Ajjuna - Kinh Ajjuna – Tiểu III, 97	1428

406 Trưởng lão Ananda - Kinh Ananda – Tiểu III, 455.....	1429
407 Trưởng lão Anganika Bhàadvàja - Kinh Anganika Bhàadvàja – Tiểu III, 189	1441
408 Trưởng lão Angulimàlà - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412	1443
409 Trưởng lão Anjana Vaniya - Kinh Anjana Vaniya – Tiểu III, 64	1453
410 Trưởng lão Anna Kondanna - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360	1455
411 Trưởng lão Anupama - Kinh Anupama – Tiểu III, 186	1461
412 Trưởng lão Anuruddha - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422	1463
413 Trưởng lão Atuma - Kinh Atuma – Tiểu III, 84	1471
414 Trưởng lão Bàkula - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192	1472
415 Trưởng lão Bandhura - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110	1474

416 Trưởng lão Belatthakàni - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109	1476
417 Trưởng lão Belatthasàsa - Kinh Belatthasàsa – Tiểu III, 26	1478
418 Trưởng lão Bhadda - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288.....	1479
419 Trưởng lão Bhaddaji - Kinh Bhaddaji – Tiểu III, 153.....	1482
420 Trưởng lão Bhaddiya Kàligodhàyaputta - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407	1484
421 Trưởng lão Bhagu - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212	1490
422 Trưởng lão Bhalliya - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16.....	1492
423 Trưởng lão Bhàradvàja - Kinh Bhàradvàja – Tiểu III, 161	1494
424 Trưởng lão Bharata - Kinh Bharata – Tiểu III, 160.....	1496
425 Trưởng lão Bhùta - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307	1497

426	Trường lão Brahmadata - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277	1501
427	Trường lão Brahmàlì - Kinh Brahmàlì – Tiểu III, 180.....	1504
428	Trường lão CakkuPàla - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102	1506
429	Trường lão Candana - Kinh Candana – Tiểu III, 222.....	1509
430	Trường lão Channa - Kinh Channa – Tiểu III, 80	1511
431	Trường lão Cittaka - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32	1513
432	Trường lão Cùla Gavaccha - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22	1514
433	Trường lão Cùla Panthaka - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323	1515
434	Trường lão Cùlaka - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184	1518
435	Trường lão Dabba - Kinh Dabba – Tiểu III, 14	1520

436 Trưởng lão Dàsaka - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27	1522
437 Trưởng lão Devasabha - Kinh Devasabha – Tiểu III, 108	1524
438 Trưởng lão Devasabha - Kinh Devasabha – Tiểu III, 97.....	1525
439 Trưởng lão Dhammapàla - Kinh Dhammapàla – Tiểu III, 179	1526
440 Trưởng lão Dhammasava - Kinh Dhammasava – Tiểu III, 114	1528
441 Trưởng lão Dhammika - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224	1529
442 Trưởng lão Dhaniya - Kinh Dhaniya – Tiểu III, 194.....	1532
443 Trưởng lão Ekadhamma Savanniya - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78	1534
444 Trưởng lão Ekavihàriya - Kinh Ekavihàriya hay Tissa Kumàra – Tiểu III, 316	1536
445 Trưởng lão Ekudàniya - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79.....	1539

446 Trưởng lão Eraka - Kinh Eraka – Tiểu III, 100	1541
447 Trưởng lão Gahvaratìrya - Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41	1543
448 Trưởng lão Gangàtìriya - Kinh Gangàtìriya – Tiểu III, 132	1544
449 Trưởng lão Gavampati - Kinh Gavampati – Tiểu III, 47.....	1546
450 Trưởng lão Gayà Kassapa - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242	1548
451 Trưởng lão Ghodhika - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62	1550
452 Trưởng lão Girimànanda - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234	1553
453 Trưởng lão Godatta - Kinh Godatta – Tiểu III, 355.....	1556
454 Trưởng lão Gosàla - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32	1560
455 Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 136.....	1562

456 Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 207.....	1564
457 Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331.....	1566
458 Trưởng lão Harita - Kinh Harita – Tiểu III, 208	1569
459 Trưởng lão Hàrita - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38	1571
460 Trưởng lão Hatthàroha Putta - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88.....	1573
461 Trưởng lão Herannakàni - Kinh Herannakàni – Tiểu III, 141	1575
462 Trưởng lão Isidatta - Kinh Isidatta – Tiểu III, 125.....	1577
463 Trưởng lão Isidinna - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167.....	1579
464 Trưởng lão Jambugàmika - Kinh Con Trai Của Jambugàmika – Tiểu III, 37.....	1581
465 Trưởng lão Jambuka - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216.....	1583

466 Trưởng lão Jenta - Kinh Jenta – Tiểu III,	117
.....	1585
467 Trưởng lão Jenta - Kinh Jenta – Tiểu III,	270
.....	1586
468 Trưởng lão Jotidàra - Kinh Jotidàra – Tiểu III,	140.....
	1590
469 Trưởng lão Kàludàyin - Kinh Kàludàyin – Tiểu III,	312
	1592
470 Trưởng lão Kanhadinna - Kinh Kanhadinna – Tiểu III,	162
	1597
471 Trưởng lão KankhaRevata - Kinh KankhaRevata – Tiểu III,	12
	1599
472 Trưởng lão Kappa - Kinh Kappa – Tiểu III,	325
	1600
473 Trưởng lão Kappata Kura - Kinh Kappata Kura – Tiểu III,	174
	1603
474 Trưởng lão Kassapa - Kinh Kassapa – Tiểu III,	92.....
	1605
475 Trưởng lão Kàtiyàna - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III,	266.....
	1607

476	Trường lão Kelakàni - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379.....	1610
477	Trường lão Khadira Vaniya - Kinh Khadira Vaniya – Tiểu III, 51	1616
478	Trường lão Khandasumana - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104	1618
479	Trường lão Khitaka - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111.....	1619
480	Trường lão Khitaka - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170.....	1620
481	Trường lão Khujja Sobhita - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196.....	1622
482	Trường lão Kimbila - Kinh Kimbila – Tiểu III, 147.....	1624
483	Trường lão Kimliba - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123.....	1625
484	Trường lão KosalaVihàrim - Kinh KosalaVihàrim – Tiểu III, 69	1627
485	Trường lão Kosiya - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252	1629

486	Trưởng lão Kula - Kinh Kula – Tiểu III, 29	1631
487	Trưởng lão Kulla - Kinh Kulla – Tiểu III, 260	1633
488	Trưởng lão Kumàra Kassapa - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177.....	1636
489	Trưởng lão Kunda Dhàna - Kinh Kunda Dhàna – Tiểu III, 25	1639
490	Trưởng lão Kutivihàrim - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65	1640
491	Trưởng lão Kutivihàrim - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67	1642
492	Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286	1644
493	Trưởng lão Langha Rakkhita - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115	1647
494	Trưởng lão Lomasakangìya - Kinh Lomasakangìya – Tiểu III, 36	1649
495	Trưởng lão Mahà Cunsa - Kinh Mahà Cunsa – Tiểu III, 139	1651

496	Trường lão Mahà Gavaccha - Kinh Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22	1652
497	Trường lão Mahà Kaccàyaṇa - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295	1653
498	Trường lão Mahà Kappina - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319	1656
499	Trường lão Mahà Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466	1661
500	Trường lão Mahà Moggallàna - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499.....	1674
501	Trường lão Mahà Nàga - Kinh Mahà Nàga – Tiểu III, 259	1691
502	Trường lão Mahà Panthaka - Kinh Mahà Panthaka – Tiểu III, 304	1693
503	Trường lão Mahàkàla - Kinh Mahàkàla – Tiểu III, 145	1696
504	Trường lão Mahàkotthita - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11	1698
505	Trường lão Mahànàma - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120	1700

506	Trưởng lão Malitavambha - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112	1702
507	Trưởng lão Mālunkya-putta - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262.....	1703
508	Trưởng lão Mālunkya-putta - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392.....	1706
509	Trưởng lão Mānava - Kinh Mānava – Tiểu III, 85.....	1713
510	Trưởng lão Matanga Putta - Kinh Matanga Putta Con Của Mātanga – Tiểu III, 195.....	1715
511	Trưởng lão Meghiya - Kinh Meghiya – Tiểu III, 77.....	1717
512	Trưởng lão Melajina - Kinh Melajina – Tiểu III, 134.....	1719
513	Trưởng lão Mendasira - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89.....	1721
514	Trưởng lão Mettaji - Kinh Mettaji – Tiểu III, 102	1722
515	Trưởng lão Migajāla - Kinh Migajāla – Tiểu III, 269.....	1723

516	Trường lão Migasàra - Kinh Migasàra – Tiểu III, 163.....	1725
517	Trường lão Mogharàjam - Kinh Mogharàjam – Tiểu III, 181	1728
518	Trường lão Mudita - Kinh Mudita – Tiểu III, 227	1730
519	Trường lão NadiKassapa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240	1732
520	Trường lão Nàgasamàla - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211	1734
521	Trường lão Nàgita - Kinh Nàgita – Tiểu III, 95	1736
522	Trường lão Nanda - Kinh Nanda – Tiểu III, 148	1737
523	Trường lão Nandaka - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158.....	1739
524	Trường lão Nandaka - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215.....	1741
525	Trường lão Nandiya - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34.....	1743

526 Trưởng lão Nhàlaka Muni - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275	1745
527 Trưởng lão Nigrodha - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31.....	1748
528 Trưởng lão Nisabha - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172.....	1749
529 Trưởng lão Nita - Kinh Nita – Tiểu III, 94.	1751
530 Trưởng lão Paccaya - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191.....	1753
531 Trưởng lão Pakkha - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74	1755
532 Trưởng lão Pàràpariya - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121	1757
533 Trưởng lão Pàràpariya - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375	1758
534 Trưởng lão Pàràpariya - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429	1763
535 Trưởng lão Paripunnaka - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99	1771

536	Trường lão Passsika - Kinh Passsika – Tiểu III, 199.....	1773
537	Trường lão Pavittha - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96.....	1775
538	Trường lão Phụ Thân Của Dhammasava - Kinh Phụ Thân Của Dhammasava – Tiểu III, 114	1776
539	Trường lão Phussa - Kinh Phussa – Tiểu III, 437	1777
540	Trường lão Pilinda Vaccha - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19.....	1785
541	Trường lão Pindola Bhàradvāja - Kinh Pindola Bhàradvāja – Tiểu III, 129.....	1787
542	Trường lão Piyanjaha - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87.....	1789
543	Trường lão Posiya - Kinh Posiya – Tiểu III, 44	1791
544	Trường lão Punna - Kinh Punna – Tiểu III, 81	1793
545	Trường lão Punna Mamtàniputta - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13	1795

546 Trưởng lão Punnamàsa - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157	1797
547 Trưởng lão Punnamàsa - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20	1799
548 Trưởng lão Ràdha - Kinh Ràdha – Tiểu III, 134	1801
549 Trưởng lão Ràhula - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221	1803
550 Trưởng lão Ràjadatta - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230	1805
551 Trưởng lão Rakkhita - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89.....	1808
552 Trưởng lão Ràmaneyyaka - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60	1810
553 Trưởng lão Ramaniya Vihàrim - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56	1811
554 Trưởng lão RamaniyaKutika - Kinh RamaniyaKutika – Tiểu III, 67.....	1813
555 Trưởng lão Ratthapàla - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385	1815

556 Trưởng lão Revata - Kinh Revata – Tiểu III,	352
.....	1823
557 Trưởng lão Sabbaka - Kinh Sabbaka – Tiểu III,	225.....
	1827
558 Trưởng lão Sabbamitta - Kinh Sabbamitta –	
Tiểu III, 144.....	1830
559 Trưởng lão Sabbhakàma - Kinh Sabbhakàma –	
Tiểu III, 281	1832
560 Trưởng lão Sabhiya - Kinh Sabhiya – Tiểu III,	213.....
	1835
561 Trưởng lão Sàmannakàni - Kinh Sàmannakàni –	
Tiểu III, 45	1837
562 Trưởng lão Sambhùta - Kinh Sambhùta – Tiểu	
III, 219	1839
563 Trưởng lão Sambula Kaccàna - Kinh Sambula	
Kaccàna – Tiểu III, 168	1841
564 Trưởng lão Sàmidatta - Kinh Sàmidatta – Tiểu	
III, 98.....	1843
565 Trưởng lão Samiddhi - Kinh Samiddhi – Tiểu	
III, 57.....	1845

566 Trưởng lão Samitigutta - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91	1847
567 Trưởng lão Sandhita - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188.....	1849
568 Trưởng lão Sanjaya - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59.....	1851
569 Trưởng lão Sankicca - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335.....	1852
570 Trưởng lão Sànu - Kinh Sànu – Tiểu III, 53	1856
571 Trưởng lão Sappadàsa - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264	1859
572 Trưởng lão Sarabhanga - Kinh Sarabhanga – Tiểu III, 295	1861
573 Trưởng lão Sàriputta - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444.....	1864
574 Trưởng lão Satimattya - Kinh Satimattya – Tiểu III, 202	1876
575 Trưởng lão Sela - Kinh Sela – Tiểu III, 399	1878

576 Trưởng lão Senaka - Kinh Senaka – Tiểu III, 218	1886
577 Trưởng lão Setuccha - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110.....	1888
578 Trưởng lão Sīha - Kinh Sīha – Tiểu III, 93	1889
579 Trưởng lão Sīla Vaniya - Kinh Sīla Vaniya – Tiểu III, 16	1891
580 Trưởng lão Sīlavat - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339	1892
581 Trưởng lão Singàlar Pitar - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28	1896
582 Trưởng lão Sirimanda - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280	1898
583 Trưởng lão Sirimat - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150.....	1900
584 Trưởng lão Sirimitta - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302.....	1902
585 Trưởng lão Sivàka - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165	1905

586 Trưởng lão Sīvaka - Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24	1907
587 Trưởng lão Sivàli - Kinh Sivàli – Tiểu III, 70	1909
588 Trưởng lão Sobhita - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154.....	1911
589 Trưởng lão Somamitta - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142	1913
590 Trưởng lão Sona Kolivisa - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347	1915
591 Trưởng lão Sona Potiriyaputta - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171	1920
592 Trưởng lão Sonakutikanna - Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250	1922
593 Trưởng lão Sopàka - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291.....	1925
594 Trưởng lão Sopaka - Kinh Sopaka Một TỷKheo Trẻ Con – Tiểu III, 42.....	1930
595 Trưởng lão Subàhu - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62	1932

596	Trường lão Subhùta - Kinh Subhùta – Tiểu III,	232.....	1935
597	Trường lão Subhùti - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9		1937
598	Trường lão Sugandha - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33.....		1939
599	Trường lão Suhemanta - Kinh Suhemanta – Tiểu III, 113		1940
600	Trường lão Sumana - Kinh Sumana – Tiểu III, 237.....		1941
601	Trường lão Sumana - Kinh Sumana – Tiểu III, 274.....		1943
602	Trường lão Sumangala - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52.....		1946
603	Trường lão Sunàga - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95		1948
604	Trường lão Sundara Samudda - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284		1949
605	Trường lão Sundata - Kinh Sundata Bạn Của Con Kumà – Tiểu III, 46		1952

606 Trưởng lão Sunita - Kinh Sunita – Tiểu III, 342	1954
607 Trưởng lão Suppiya - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42.....	1958
608 Trưởng lão Suràdha - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135.....	1959
609 Trưởng lão Susàrada - Kinh Susàrada – Tiểu III, 86.....	1960
610 Trưởng lão Suyàman - Kinh Suyàman – Tiểu III, 85.....	1961
611 Trưởng lão Tàlaputta - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479	1962
612 Trưởng lão Tekicchakàrì - Kinh Tekicchakàrì – Tiểu III, 256	1982
613 Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 105	1985
614 Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 146	1987
615 Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 48	1989

616	Trường lão Udàyin - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365.....	1990
617	Trường lão Ugga - Kinh Ugga – Tiểu III, 90	1995
618	Trường lão Ujiaya - Kinh Ujiaya – Tiểu III, 58	1996
619	Trường lão Ukkhepakàta Vaccha - Kinh Ukkhepakàta Vaccha – Tiểu III, 76.....	1997
620	Trường lão Upàli - Kinh Upàli – Tiểu III, 203	1999
621	Trường lão Upasena - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328.....	2001
622	Trường lão Upavàna - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166.....	2005
623	Trường lão Uruvelà Kassapa - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254.....	2007
624	Trường lão Usabha - Kinh Usabha – Tiểu III, 116.....	2010
625	Trường lão Usabha - Kinh Usabha – Tiểu III, 173.....	2012

626 Trưởng lão Uttara - Kinh Uttara – Tiểu III, 127	2014
627 Trưởng lão Uttara - Kinh Uttara – Tiểu III, 152	2017
628 Trưởng lão Uttarapàla - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205	2019
629 Trưởng lão Uttiya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62	2021
630 Trưởng lão Uttiya - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107	2024
631 Trưởng lão Uttiya - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39	2026
632 Trưởng lão Vacchagotta - Kinh Vacchagotta – Tiểu III, 118	2028
633 Trưởng lão Vacchapàla - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83	2029
634 Trưởng lão Vaddha - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239.....	2031
635 Trưởng lão Vaddhamàna - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49	2034

636	Trường lão Vajji Putta - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124	2035
637	Trường lão Vajji Putta - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73.....	2037
638	Trường lão Vajjita - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187	2039
639	Trường lão Vakkali - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243.....	2041
640	Trường lão Valliya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62	2045
641	Trường lão Valliya - Kinh Valliya – Tiểu III, 131.....	2048
642	Trường lão Valliya Kanhamitta - Kinh Valliya Kanhamitta – Tiểu III, 155	2050
643	Trường lão VanaVaccha - Kinh VanaVaccha – Tiểu III, 118	2052
644	Trường lão VanaVaccha - Kinh VanaVaccha – Tiểu III, 23	2054
645	Trường lão Vangìsa - Kinh Vangìsa – Tiểu III, 516.....	2055

646 Trưởng lão Vappa - Kinh Vappa – Tiểu III, 72	2079
647 Trưởng lão Vàrana - Kinh Vàrana – Tiểu III, 198	2081
648 Trưởng lão Vasabha - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137.....	2083
649 Trưởng lão Vigitasena - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246	2085
650 Trưởng lão Vijaya - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100	2088
651 Trưởng lão Vimala - Kinh Vimala – Tiểu III, 209.....	2089
652 Trưởng lão Vimala - Kinh Vimala – Tiểu III, 60	2091
653 Trưởng lão Vimala Kondanna - Kinh Vimala Kondanna – Tiểu III, 75	2093
654 Trưởng lão Vira - Kinh Vira – Tiểu III, 18	2094
655 Trưởng lão Visàkha - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183	2096

656 Trưởng lão Vitàsoka - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156.....	2098
657 Trưởng lão Yasa - Kinh Yasa – Tiểu III, 122	2100
658 Trưởng lão Yasadatta - Kinh Yasadatta – Tiểu III, 248	2102
659 Trưởng lão Yasoja - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200	2104
660 Trường thọ - Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường thọ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385	2106
661 Từ bỏ - Hạnh từ bỏ - Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119.....	2114
662 Từ bỏ ngôi vua đề xuất gia - Trưởng lão Kimliba - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123	2115
663 Từ bỏ sáu xúc xú, Căn môn khéo chế ngự - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121.....	2117
664 Từ đâu phần nộ khởi, Với người không phần nộ - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277	2118
665 Tứ Động tâm - Nhân duyên ba mối kiếp trước - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188.....	2121

- 666 Từ khi ta xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà -
Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59 2123
- 667 Tự kiêu - Kinh Harita – Tiểu III, 208.....2124
- 668 Từ mẫn ngài hộ trì - Kinh Sumana – Tiểu III,
237.....2126
- 669 Tự mình sách tấn và chứng quả - Kinh Sīvaka –
Tiểu III, 24 2128
- 670 Tự ngã - Kinh Gotama – Tiểu III, 207 2130
- 671 Tự ngã - Người khác tán thán nó, Kẻ tự ngã chưa
định - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150 2132
- 672 Tự ngã - Thầy hãy làm tự ngã, Được thắm nhuần
hương thượng - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38.2134
- 673 Tự ngã - Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người
khác - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137 2136
- 674 Tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III,
186.....2138
- 675 Tứ như ý túc - Trưởng lão Gotama - Kinh
Gotama – Tiểu III, 331 2140
- 676 Tứ niệm xứ - Trưởng lão Kelakàni - Kinh
Kelakàni – Tiểu III, 379 2143

677	Tự phụ với địa vị của mình - Kinh Tissa – Tiểu III, 48.....	2149
678	Tự phụ, tự đắc - Kinh Channa – Tiểu III, 80	2150
679	Tự sách tấn mình nhiếp phục Dục tướng - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120	2152
680	Tự sách tấn mình với ví dụ cây lau - Kinh Usabha – Tiểu III, 116	2154
681	Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56	2156
682	Tự sách tấn mình với ví dụ con nai mẹ - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115	2158
683	Tự sát - Định tự sát vì bị dục tướng quấy rối - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120	2160
684	Tu tập - 3 phương pháp nhiếp phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29	2162
685	Tu tập - Không nhiệt tâm tu tập do... - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98	2164
686	Tử thần - Thường tiến đến sự chết, Đến gần cảnh tử thần - Kinh Kappa – Tiểu III, 325.....	2166

- 687 Tứ thực - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99.....2169
- 688 Tự tử - Định dùng con dao thì chứng quả - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264.....2171
- 689 Tư tưởng ta lắng dịu, Tâm ta thật định tĩnh - Kinh Vimala – Tiểu III, 60.....2173
- 690 Từ vô lượng đệ nhất - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9.....2175
- 691 Từ vô lượng tâm - Triển khai lòng từ để trời mưa - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62.....2177
- 692 Từ vô lượng tâm - Vị Hạnh Từ vô lượng đệ nhất - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9.....2180
- 693 Túc mạng minh - Ba một kiếp trước - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188.....2183
- 694 Túc mạng thông đệ nhất - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154.....2185
- 695 Tuổi trẻ trác táng, sau xuất gia chứng quả - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56.....2187

- 696 Tướng - Hai mươi lăm năm không khởi dục
tướng, sân tướng - Kinh Ananda – Tiểu III, 455
.....2189
- 697 Tướng cướp - Bị cướp bắt đem tế thần nhưng
không sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370
.....2201
- 698 Tướng cướp - Xuất gia từ bỏ làm tướng cướp -
Kinh Herannakàni – Tiểu III, 141 2207
- 699 Tương lai người tu thế nào - Kinh Pàràpariya –
Tiểu III, 429 2209
- 700 Tương lai Tỳ kheo sẽ thế nào - Kinh Phussa –
Tiểu III, 437 2217
- 701 Tướng quân - Tôn giả Sàriputta thừa tự Như Lai
vị - Kinh Sela – Tiểu III, 399 2225
- 702 Tướng ta bay tràn khắp, Tướng dung hòa viên ly
- Kinh Sankicca – Tiểu III, 335 2233
- 703 Tỳ kheo - Chư Thiên đánh lễ Trưởng lão Sunìta
- Kinh Sunìta – Tiểu III, 342 2237
- 704 Tỳ kheo nhiều hân hoan, trong pháp Phật tuyên
bố - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22 2241

705 Tỷ kheo trong tương lai - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429	2242
706 Tỷ kheo trong tương lai - Kinh Phussa – Tiểu III, 437	2250

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Ta chính là con trai, Con chính tông đức Phật - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà.**

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. **Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.**

345. **Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.**

346. **Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,**

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

347. *Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

2 Ta chờ đợi thời đến, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III*, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

*195. Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

3 Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. **Me ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa.** Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập số Dhammapàla.**

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,

*Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,*

Tảng đá ấy ta thích.

*602. Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. Ta không thích thú chết,

*Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

4 Ta chờ thời gian đến, Tỉnh giác, giữ chánh niệm - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

*Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.*

*647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.*

*648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.*

*649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.*

*650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.*

*651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,*

Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.

653. Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.

654. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

655. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

656. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

5 Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tử, duyên thành - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – Tiểu III, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quý,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sanh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

6 Tà khổ hạnh - Đứng chỉ một chân - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*

Thân đầy những bụi bặm,
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta **đứng chỉ một chân**,
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. **Sở hành ta nhiều vậy,**
Dẫn ta đến ác thú,
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. Hãy nhìn Phật ta quy,
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

7 Ta không có sợ chết, Không ưa thích sanh mạng - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

8 Ta không có tư duy, Những tư tưởng phàm phu - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59

Sanjaya – Tiểu III, 59 (48)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có.

Khi lớn lên, ngài theo gương Brahmàya, Pokkhanrasāti và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả.

Về sau, ngài xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

*48. Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,
Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi Thánh,
Liên hệ đến sân hận.*

9 Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III*, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

195. *Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,*

*Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

10 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360

Anna Kondanna – *Tiểu III*, 360 (246)

Sanh trước Thế Tôn tại làng Donavatthu, không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là **Kondanna**.

Lớn lên, ngài biết ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến *đoán tướng*. Dầu ngài mới học nghề, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đũa bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia.

Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc *hai mươi chín* tuổi, Kondanna được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như Vappa v.v... và trong *sáu năm* sống ở Uruvelà, gần vị Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư Tiên đạo xứ).

Rồi đức Phật đến Isipatana, thuyết **kinh Chuyển Pháp Luân** cho họ, và Kondanna cùng hàng vạn

Phạm Thiên chúng chứng được Sơ quả. Đến **ngày thứ năm**, nhờ bài **kinh "Vô Ngã Tướng"**, Kondanna chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là **bậc Đệ nhất** trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo (Xem. Ang. i. 26).

Và trong một trường hợp khi Kondanna giảng về **Bốn sự thật**, đề cập đến ba tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

*673. Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.*

Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối nặng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

*674. Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,*

Tướng tịnh rất hấp dẫn,
Liên hệ đến tham dục.

675. *Như gió thổi tung bụi,
Được mây trần áp xuống,
Các tư duy lắng dịu,
Khi thấy, với trí tuệ.*

676. *Mọi hành là vô thường,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

677. *Mọi hành là đau khổ,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

678. *Mọi pháp là vô ngã,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy,
và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. *Trưởng lão Kondanna,*

Giác ngộ bởi giác ngộ,
Đã sắc bén thoát ly,
Đoạn tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bộc lưu, bấy mỗi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bấy mỗi,
Chặt tảng đá khó phá,
Hành thiền, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bộc lưu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.

682. **Bậc trí không hoảng hốt,
Không dao động, thận trọng,
Các căn khéo chế ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.**

683. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm, đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.

683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.

684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

685. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

686. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.

687. Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,

*Mục đích ấy, ta đạt,
Ta cần gì ở rừng.*

11 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

*Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.*

647. Và ta biết **lòng từ**,
*Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.*

648. Là bạn thân tất cả,
*Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.*

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
*Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.*

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
*Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,*

*Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.*

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

12 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn** Tỷ-kheo được nói đến trong **tập số Dhammapàla**.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,

*Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hồi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
**Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.***

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tầng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,*

*Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tảng đá ấy ta thích.*

*602. Ta sống trong rùng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

13 Tà kiến - Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là con của đức Phật và công chúa Yasodhàra, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.

295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,

*Đáng được sự cúng dường.
Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.*

296. *Bị dục làm mù quáng,
Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trời buộc,
Như cá mắc mắt lưới.*

297. *Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trời buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

14 Tà kiến - Chúng lồi cuốn trôi ta, Vào đại dương tà kiến - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phần nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham **dục**,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp** nơi, dòng suối chảy,

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

15 Tà kiến - Quán đánh một bên nước - Kinh Senaka – Tiểu III, 218

Senaka – Tiểu III, 218 (191)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chỉ của Trưởng lão Kassapa ở Uruvela, và được đặt tên là *Senaka*. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Thaggumà (tháng ba) một lễ quán đánh một bên nước, lễ ấy được gọi là Gayà melà (hay ngày trai giới Gayà).

Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, Senaka cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này:

*286. Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,*

Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tối thượng.

287. Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thắng,
Bậc lãnh đạo nhiếp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cân lường.

288. Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sợ hãi.

289. Lâu nay ta uế nhiễm,
Bị **tà kiến** trói buộc,
Nay chính Thế Tôn ấy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại, giải thoát.

16 Tà kiến - Tắm sông tẩy sạch điều ác - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,
Với ý nghĩa chân thật,*

Ta như lý quán sát.

347. *Ta tắm sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

17 **Tà kiến - Thờ lửa - Kinh NadiKassapa** – **Tiểu III, 240**

NadiKassapa – *Tiểu III, 240* (203)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là **anh của Kassapa**. Ngài thiên hỷ đời sống xuất gia, không ưa thích đời sống gia đình, và ngài trở thành một **ẩn sĩ**.

Với **ba trăm đồ chúng**, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjarà (Ni-liên-thiên), và do vậy ngài được biết và được gọi là **Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa)**. Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết **kinh Lửa Bốc Cháy**, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tư trên thiên chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhô lên các sai lầm:

339. **Thật lợi ích cho ta,**
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng,
Đoạn tận các tà kiến.

340. Ta hành lễ tế tự,
Đọc cao lời tế lễ,
Ta đốt lên **lửa thiêng**,
Đổ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,
Ta thật mù, phàm phu.

341. **Lạng thang rùng tà kiến,**
Bị giới cấm, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy.

342. Ta đoạn tận **tà kiến**,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng dường,
Ta cúi mình đánh lễ,
Bạc Như Lai Điều Ngự.

343. **Mọi si mê, ta đoạn,**
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

18 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với **lúa hoang và thờ lửa**.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài**. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

19 Ta là con đức Phật - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – *Tiểu III, 312* (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

20 Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

21 Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89

Mendasira – Tiểu III, 89 (78)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là *Mendasira* (đầu dê).

Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, Mendasira khởi lên lòng tin, xuất gia tu **chỉ và quán**, chứng được **sáu thắng trí**, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

*78. Ta luân hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.*

Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

22 Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III, 221* (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

23 Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. *Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vất ném trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,*

*Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

24 Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một *ẩn sĩ* tu theo Bàvari, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

25 Ta sẽ chế ngự người, Như cửa khóa ngăn voi - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài** như sau:

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,

Người do thân sanh ra.

355. *Chế ngựa người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này **tâm, kẻ phù thủy,**
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực.***

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức nặng **tinh tấn,**
Người được ta áp lực,*

*Do vậy, hồi này tâm,
Người sẽ không xa ta.*

26 Ta sẽ giết nó - Nhiếp phục dục tướng - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đề tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chặn đứng được các dục tướng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "***Ta sẽ giết nó!***" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,
Che kín trùm tất cả.*

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chúng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

27 Ta sẽ không nằm xuống, Với đầu bị bẻ nát - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên **chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán** và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

28 Ta sống không mong chờ, đời này hay đời sau - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

29 Ta sống trong hạnh phúc, Thọ hưởng được pháp vị - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110

Bandhura – Tiểu III, 110 (103)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silavatì, con của một người nghị sĩ được đặt tên là *Bandhara*.

Một hôm, đi đến Sàvatthi có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thế Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, **xuất gia và chứng quả A-la-hán**.

Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến Silavatì để thuyết pháp, giảng cho vị vua về **Bốn sự thật**. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khát thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sàvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: "*Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!*"

Ngài trả lời: "*Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với **vị của Chánh pháp***". Và ngài nói lên bài kệ:

103. Ta không có cần thiết,
Việc này hay vật này,
Ta sống trong hạnh phúc,
Thọ hưởng được pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt,
Tối thượng và đệ nhất,
Ta sẽ không thân thiết,
Với thuốc độc nọc độc.

30 Ta thấy người cư sĩ, Trì pháp với lời nói - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tám lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dầu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?
Dầu họ có tuyên bố:*

*"Các dục là vô thường!"
Họ **không** có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyện tiếc,
Vợ con và tài sản.*

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

31 Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà.**

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,*

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

347. *Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

32 Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay đồi cao - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,***

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muôn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

33 **Tai nạn - Cách quán khi gặp tai nạn - Kinh Uttara – Tiểu III, 127**

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

34 Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường thọ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. ***Tài sản** không làm sao,
Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

35 Tái sanh - Cách quán để nhằm chán tái sanh - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

36 Tái sanh - Nay không còn tái sanh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

37 Tái sanh - Tăng nghĩa địa hải hùng, Chất chứa sự tái sanh - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

38 Tái sanh - Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong địa ngục - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

39 Tái sanh là đau khổ - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206

Abhibhùta – *Tiểu III, 206* (182)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vetthapura, đặt tên là Abhibhùta, và khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản đất đai.

Khi đức Phật đến tại thành phố, trong dịp Thế Tôn du hành, Abhibhùta đến nghe Thế Tôn thuyết pháp, và mai sáng mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, **xuất gia và chứng quả A-la-hán.**

Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến than van với ngài và ngài đã từ bỏ họ, không để lại một vị lãnh đạo. Và ngài thuyết pháp cho họ nói lên lý do xuất gia của ngài:

*254. Hãy nghe mọi bà con,
Những ai đã đến đây,
Ta thuyết pháp cho ông,
Tái sanh là đau khổ.*

255. Hãy tỉnh cần, ra đi,

*Chú tâm lời Phật dạy,
Đánh bại quân lực ma,
Như voi, nhà cỏ lau.*

**256. Ai trong Pháp Luật này,
Sẽ sống không phóng dật,
Từ bỏ dòng tái sanh,
Sẽ chấm dứt khổ đau.**

40 Tái sanh là đau khổ - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,
Mọi tường vách đổ vỡ,*

*Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.*

41 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Me ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chứng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để cứu **ba ngàn** Tỷ-kheo được nói đến trong **tập số Dhammapàla**.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,

*Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,*

Tảng đá ấy ta thích.

*602. Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. Ta không thích thú chết,

*Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

42 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

Sīlavat – *Tiểu III, 339* (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajātasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajātasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,

Đưa đến mọi thành công.

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng, tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.

610. **Người trì giới, tự chế**,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.

611. Người **ác giới** chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bạc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.

612. **Khởi đầu, an trú giới,**
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự,**
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chực Phật,
Vậy hãy trong sạch giới.

614. *Giới, sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,
Giới, hương thơm vô thượng,
Giới, hương thoa đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới, vận tải đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không **định, giới,**
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh giải thoát,
Kẻ trí khéo **định, giới,**
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. *Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí **tuệ, tối thượng,***

*Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.*

43 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – *Tiểu III, 291* (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là **Sopàka (người cùng đinh)**. Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sinh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, **muốn giết ngài**. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một thầy ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài **tái sinh lần cuối cùng**. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chấp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

44 Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Eraka - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài rất hối hận sở hành của mình khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,
Khổ thay là các dục!
Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Không lạc là các dục!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.
Hỡi này Ê-ra-ka!
Hãy biết là như vậy.*

45 Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 105

Tissa – Tiểu III, 105 (97)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lòng phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **dục** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika

và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.*

46 Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chur Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

1092. *Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

1093. *Khi nào ta sẽ là,
Ân sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,
Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?

1095. Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?

1096. Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?

1097. Khi nào ta sẽ được,

Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. **Khi nào ta có thể,**
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiếu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,

*Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cổ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,

Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan thành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,
Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,

*Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Đây tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-đa.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

*1110. **Trong gia đình, bạn bè,***

*Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hồi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?*

*1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.*

*1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,
Vọng động như con vượn.*

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Người sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**

Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,

*Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.*

**1120. *Hãy đi trên con đường,
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Như trăng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.***

**1121. *Hãy sống trong rừng núi,
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghĩa địa,
Mặc y lượm đóng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.***

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,
Này tâm, đối với người.*

1125. **Ít dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.

1126. Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.

1127. Nay **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,
Khổ do chính người tạo.

1128. *Này tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.*

1129. *Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.*

1130. *Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,
Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,*

Chỗ nào ta lỗi lầm.

1131. **Trước tâm này lang thang,**
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.

1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.

1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,

*Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.*

1135. Kìa, kìa, hồi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Vời mào đẹp, cánh đẹp,

Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,

Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Rơi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện ngựa,
Với con ngựa thuần thục,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,
Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,

*Ngươi sẽ là thừa tự,
Bạc phát ngôn tối thượng.*

*1144. Nay tâm, ngươi dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bạc có tâm đại bi,
Bạc Mâu-ni vĩ đại.*

*1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Ngươi vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng ngươi sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Ngươi sẽ đến bờ kia.*

*1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn ngươi,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc ngươi cho,
Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này **tâm** của ta.*

47 Tâm - Cách điều phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

48 Tâm - Gương nhiếp phục tâm - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt tham tâm,
Đoạn luôn cả sân, si,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chú tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Ngươi sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, ngươi dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Ngươi vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng ngươi sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Ngươi sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn ngươi,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc ngươi cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

49 Tâm - Gương nhiếp phục tâm dao động - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài như sau:**

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,
Người do thân sanh ra.

355. *Chế ngự người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này **tâm**, **kẻ phù thủy**,
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực**.*

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức nặng **tinh tấn**,
Người được ta áp lực,
Do vậy, hồi này tâm,*

Người sẽ không xa ta.

50 Tâm - Gương tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi ngươi,**
Kẻ bề gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,

Đến chỗ có hại ta!

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

51 Tâm - Gương tu tập - Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

52 Tâm - Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến.**

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Cần hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

53 Tâm - Lời dạy của Trưởng lão Brahmadatta - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

54 Tâm - Nay tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyến ta như trước - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

55 Tâm - Nay tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. *Tâm đi đến hỷ mạn,
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Nay tâm, ta gọi người,
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Nay tâm, ta gọi người,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của người,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

56 Tâm - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

57 Tâm - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95

Sunàga – Tiểu III, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tực.***

58 Tâm - Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,*

*Trí tuệ cầm giữ người,
Người đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

59 Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

60 Tam canh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***rong tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

*621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

*622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

*623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

*624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

*625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

*626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

61 Tâm định trên thân - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghoshika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

62 Tâm không định được thì làm sao_ - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

63 Tam minh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***rong tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

621. *Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

622. *Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

623. *Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

624. *Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

625. *Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

626. *Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

64 Tám mươi bốn ngàn pháp - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của **Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Tỳ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda bị hiểu lầm là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hân hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và đề vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,*

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

*1019. Với bậc tin, dễ thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

*1021. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.***

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

*1022. **Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,***

*Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

*1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

*1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

*1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,*

Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

*1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Năm giữ điều khéo năm,*

Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ **đức kham nhẫn**,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. **Nghe nhiều, thọ trì pháp**,
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. **Nghe nhiều thọ trì pháp**,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. **Ưu pháp, vui thích pháp**,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng
nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nặng chằng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân lạc**,
Từ đâu, **Sa-môn lạc**?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi**
nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiên,
Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bạc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,

*Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1043. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1044. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1045. Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

*1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.*

*1047. Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,*

Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thể giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thể giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

65 Tám mươi tuổi xuất gia, chứng quả - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giác ngộ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức**

khỏe đệ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

66 Tâm phục - Chưa tâm phục vì ganh, mạn lừa dối - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254

Uruvelà Kassapa – *Tiểu III*, 254 (210)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm **anh cả** trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên *Kassapa*, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà.

Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ.

Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là *Uruvelà Kassapa* vì ngài ở Uruvelà.

Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bò-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, **sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh**, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con **rắn**, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng **kinh Adittapariyàya**

cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông,
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn, ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng té tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch,
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,*

Thiên nhân ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.

380. Do *đích* gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi *kiết sử* tận diệt.

67 Tâm ta thật trắng bạch, Vô lượng, khéo tu tập - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "**Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời**".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia

cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. **Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tôi thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt!** Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, **với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới** và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina

vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. *Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.*

548. *Với ai khéo tu tập,
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.*

549. ***Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.*

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,
Dầu tài sản kiệt tận,
Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vì diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. *Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.*

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,
Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.

556. *Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

68 Tâm tăng thượng ẩn sĩ - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

69 Tâm thường hằng, hướng mạnh về Chánh pháp - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,*

*Vị Tỷ-kheo như vậy,
Nếu Nhà người muốn chống,
Hỡi này kẻ Quý đen!
Người đi đến đau khổ.*

70 Tâm trạo cử - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

71 Tám tư duy của bậc đại nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tỉnh cần tỉnh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vô-lu-và,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

72 Tầm uý - Bị quả trách, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bắt tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

73 Tán thán Đức Phật - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252

Kosiya – *Tiểu III, 252* (209)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha và được đặt tên là *Sona*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sàriputta thuyết pháp, tin tưởng ở nơi giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

*369. Ai hiểu những lời dạy,
Của các bậc Đạo Sư,
Bậc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bậc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.*

*370. Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bậc trí có kiên trì,*

Biết thù thắng trong Pháp.

371. *Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Tế nhị và vi diệu,
Bậc trí trú **bất động**,
Biết thù thắng trong Pháp.*

372. *Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thị,
Biết thù thắng trong Pháp.*

373. *Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.*

74 Tán thán Đức Phật - Kinh Mettaji – Tiểu III, 102

Mettaji – *Tiểu III, 102* (94)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị Bà-la-môn và được đặt tên là *Mettaji*.

Lớn lên, ngài thấy sự đau khổ của **dục** và sống ở trong rừng làm một vị **ẩn sĩ**.

Khi nghe sứ mệnh đức Phật và do thiện duyên thúc đẩy, ngài đến gặp đức Phật và hỏi về sự tu hành tấn thối của Ngài, câu trả lời của đức Phật khiến ngài phát khởi lòng tin xuất gia, và không bao lâu chúng quả A-la-hán.

Với bài kệ này, ngài tán thán bậc Đạo Sư:

94. *Đảnh lễ đức Thế Tôn,
Thích tử bậc điềm lành,
Quả chứng này đạt được,
Là quả vị thượng thủ,
Pháp Ngài khéo thuyết giảng,
Là Chánh pháp tối thượng.*

75 Tán thán Đức Phật - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

Migajàla – Tiểu III, 269 (217)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.

418. Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.

419. **Phá vỡ gốc vô trí,**
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cương đánh nát,
Mọi chấp trì của thức.

420. *Cảm thọ được phơi bày,
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hố than hùng,
Được tùy quán bởi trí.*

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường **Thánh tám ngành**,
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. *Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.*

76 Tán thán Đức Phật - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám tánh thuần thực của Sela** và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giáng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

77 Tán thán Đức Phật - Kinh Senaka – Tiểu III, 218

Senaka – *Tiểu III, 218* (191)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chỉ của Trưởng lão Kassapa ở Uruvela, và được đặt tên là *Senaka*. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Thaggumà (tháng ba) một lễ quán đánh một bên nước, lễ ấy được gọi là Gayà melà (hay ngày trai giới Gayà).

Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, Senaka cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này:

*286. Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,*

Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tối thượng.

287. Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thắng,
Bậc lãnh đạo nhiếp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cân lường.

288. Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sợ hãi.

289. Lâu nay ta uế nhiễm,
Bị **tà kiến** trói buộc,
Nay chính Thế Tôn ấy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại, giải thoát.

78 Tán thán Đức Phật - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365

Udàyin – Tiểu III, 365 (247)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão Udàyin: con một Bộ trưởng, tên là *Kàludàyin* (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và *Đại Udàyin*.

Khi **kinh Ví dụ con voi** được thuyết giảng, trong kinh này, con voi Sela của vua *Pasenadi* được tán thán, ngài Udàyin này cảm thấy phẫn khởi khi nghĩ đến đức Phật, nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:

689. *Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiên định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,
Hoan hỷ trong tâm tịnh.*

690. Loài người đánh lễ Ngài,
Bạc đạt được bờ kia,
Đối với hết thấy pháp,
Chư Thiên đánh lễ Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.

691. Vượt qua mọi kiết sử,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.

692. Vị ấy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ,
Đứng trên đỉnh núi cao,
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.

693. Rồi ta sẽ tán thán,
Nàga này cho người,
Nàga không làm ác,
Nên được gọi Nàga,
Từ tổn, không làm hại,
Là hai chân Nàga.

694. **Chánh niệm và tỉnh giác,**
Hai chân khác Nàga,
Voi Nàga là **tín**,
Nàga màu trắng là **xả**.

695. **Chánh niệm** là cổ họng,
Trí tuệ chỉ cho đầu,
Suy tầm với cái **vòi**,
Chỉ cho tư duy pháp.
Hòa trú là bụng pháp,
Viễn ly ví đuôi voi.

696. Tu thiền, thờ vô lạc,
Nội tâm, khéo định tỉnh,
Nàga **đi**, **định tỉnh**,
Nàga **đứng**, định tỉnh.

697. Nàga **nằm**, định tỉnh,
Nàga **ngồi**, định tỉnh,
Trong tất cả tình huống,
Nàga sống chế ngự,
Đây thành tích Nàga.

698. **Ăn đồ ăn không tội,**
Đồ có tội không ăn;
Được đồ ăn, y phục,
Từ bỏ, không tích trữ.

699. *Kiệt sử tế, hay thô,
Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi,
Bước đi, không kỳ vọng.*

700. *Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.*

701. *Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.*

702. *Như đồng lửa cháy đỏ,
Không củi tự tắt dần,
Trong than tro lắng dịu,
Được gọi lửa diệt tận.*

703. *Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.*

704. **Vô tham** và **vô sân**,
Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

79 Tán thán Đức Phật - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – Tiểu III, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gỗ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người

kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

*Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185)

và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. Với ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,
Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.

1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phạm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Ty-kheo.

1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.

III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. **Đệ tử Gotama,**

*Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với minh, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại **bị kích thích và tham dục khởi lên**. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

**1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.***

Và Tôn giả Ananda trả lời:

**1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,
Hệ lụy đến tham dục.***

**1225. *Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,***

*Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,

*Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.*

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

*1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.*

*1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.*

*1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.*

1237. *Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bạc nhỏ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.*

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. *Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cầu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.*

1239. *Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.*

1240. *Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,*

*Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

- Vậy nay Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,*

*Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.*

*1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.*

*1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.*

*1245. Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,*

Hãy đánh lễ, tu học.

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (Anh-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng

Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **tho**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỬ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BÓN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vì có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,

*Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhãn biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài người.

1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

1269. **Bạc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!**

1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Gương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
*Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!

1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bậc tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!

1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.

Thế Tôn:

1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,

Bạc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

1276. Nghe vậy, con tịnh tín,
Vội lời nói của ngài,
Bạc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.

1273. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thân chết xảo quyết.

1278. Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.

1279. Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tối thượng hai chân,

Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

80 Tán thán giữ giới - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

Sīlavat – *Tiểu III*, 339 (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajātasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajātasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,

Đưa đến mọi thành công.

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng, tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.

610. **Người trì giới, tự chế**,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.

611. Người **ác giới** chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bạc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.

612. **Khởi đầu, an trú giới,**
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự,**
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chực Phật,
Vậy hãy trong sạch giới.

614. *Giới, sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,
Giới, hương thơm vô thượng,
Giới, hương thoa đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới, vận tải đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không **định, giới,**
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh giải thoát,
Kẻ trí khéo **định, giới,**
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. *Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí **tuệ, tối thượng,***

*Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.*

81 Tán thán trưởng lão Kassapa - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài Sàriputta (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tinh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cám dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vói vú bị ung nhọt,
Thân Ngươi, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Ngươi, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Ngươi,
Như ta biết được Ngươi,
Người ấy tránh xa Ngươi,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tối hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài khuyến giáo người cháu của *Sàriputta*, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

*An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,*

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

1169. *Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

1170. *Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

1171. *Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

1172. *Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

1173. *Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. ***Có nhiều chư Thiên này,***
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết,**
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
Nhu voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.

1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. **Cũng vậy này Ác-ma,**
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. **Ác ma tạo ác nghiệp,**
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. **Điều ác Ác ma làm,**

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

82 Tảng đá - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hỡi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

83 Tánh không sầu não - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III, 370* (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

705. *Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. *Nhưng ngài không khiếp sợ,*

*Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?*

Adhimutta trả lời:

*707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.*

*708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.*

*709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.*

*710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.*

711. Bờ kia đến, không thủ,

Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
*Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.*

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?**

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,**

Không sợ hãi, thưa ngài.

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sâu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,
Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sầu não.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thế,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.

84 Tánh sanh diệt các uẩn - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.*

85 Té khi kinh hành vì buồn ngủ - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – Tiểu III, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đây để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

**Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.**

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

86 Tế thần - Bị cướp bắt đem tế thần nhưng không sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III, 370* (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

87 Té xuống vì quá buồn ngủ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của *sanh* và của *già*,
Trước *đêm* và sau *đêm*,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo *Tăng-già-lê*,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,

An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,

Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,

Như nước làm tắt lửa.

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đa,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

88 Tekicchakàrì – Tiểu III, 256

Tekicchakàrì – Tiểu III, 256 (211)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Subuddha. Ngài được các nhà giải phẫu cứu sống khi ngài mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là Tekicchakàrì (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình.

Phụ thân ngài vì trí tuệ và chánh sách của mình, nên bị vua Candagotta, vua Bà-la-nại ganh ghét và bỏ tù. Tekicchakàrì nghe vậy, sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tinh xá của một vị Trưởng lão, và tường thuật cho vị ấy biết nỗi khó khăn của mình.

Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, *chọn cho ngài một đề tài tu tập* và ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho được Thánh quả.

Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối vị Trưởng lão, đến gần dưới hình thức một người mục đồng, khi gặt hái đã xong, muốn cảm dỗ ngài nên nói như sau:

381. Lúa đã gặt thâu xong,

*Gạo đã được đập, giã,
Nhưng một miếng, không có,
Ta sẽ làm gì đây?*

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: *"Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phân việc để ta thuyết giảng"*. Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y:

382. *Hãy niệm Phật vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.*

383. *Hãy niệm Pháp vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.*

384. *Hãy niệm Tăng vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.*

Rồi Ác ma, muốn ngài không sống hạnh viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng:

385. Ngài sống giữa ngoài trời,
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại ngài!
Hãy vào trong tịnh xá,
Cố cửa đóng then gài.

Vị Trưởng lão, nêu rõ ở trong nhà là một trói buộc
và ở ngoài trời là giải thoát, nên trả lời:

386. Ta sẽ cảm thọ được,
Với **bốn tâm vô lượng**,
Ta sẽ sống an lạc,
Với những tâm tư ấy,
Giá lạnh không hại ta,
Ta sống không dao động.

Nói vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiền quán** và
chứng quả A-la-hán.

Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời vua
Bindusàra, các bài kệ này cần được hiểu là được tụng
đọc vào kỳ kiết tập thứ ba như là thuộc Kinh tạng.

89 Thà làm cho chấm dứt các kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahàsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ"*.

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tư với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. *Dầu ta có bị mù,*

*Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.*

90 Thai - Có thai nhưng không biết, xin xuất gia - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lanh lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

91 Tham sân si - Hai mươi lăm năm không khởi dục tưởng, sân tưởng - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của **Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Tỳ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy.**

Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hầu hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

1018. Hai lười và phần nộ,

*Xan tham, thích phá hoại,
Bạc trí không giao du,
Kẻ ác bạn kẻ xấu.*

*1019. Với bạc tin, dễ thương,
Với bạc trí, nghe nhiều,
Bạc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi *nữ cư sĩ Uttarà*, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say *Ambapàli*:

*1020. Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

*1021. Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.*

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chúng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. *Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,
Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

1023. *Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

1024. *Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallāna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

1025. *Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,*

Thêm hai ngàn pháp nữa,

*Tổng cộng tám tư ngàn,
Là pháp ta chuyển vận.*

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đảng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

1029. Biết câu trước câu sau,

***Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Nắm giữ điều khéo nắm,
Suy tìm trên nghĩa lý.***

***1030. Chính nhờ đức kham nhẫn,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.***

***1031. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.***

***1032. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.***

***1033. Ưa pháp, vui thích pháp,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.***

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nằng chẵng,
*Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân** lạc,
Từ đâu, **Sa-môn** lạc?*

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi** nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. *Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.*

1036. *Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.*

1037. *Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.*

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bốn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bậc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1043. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1044. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1045. Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.

1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.

1047. Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,
Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề
tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ấn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ấn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ấn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

92 Tham sân si - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – Tiểu III, 89 (79)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,
Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

93 Tham vị - Nếu tham đắm các vị, Ý không vui tu thiền - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì và đặt tên là **Upasena (anh của Sàriputta)**. Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

94 Tham vị - Nếu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – *Tiểu III, 277 (221)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

95 Tham vị - Người siêng tham đắm vị, Bỏ đích đem an lạc - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.

499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,

Với vua hỏi về con mộng:

500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,

501. **Có mắt, như kẻ mù,**
Có tai như kẻ điếc,
Có trí, như kẻ ngu,
Có sức, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nằm như kẻ chết nằm.

96 Thân - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một vua bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nồi thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

97 Thân - Góm thay, vật hôi thối, Đầy sắc mùi hôi tanh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khất thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

278. *Góm thay, vật hôi thối!
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,*

*Ứ chảy nhiều dòng nước,
Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.*

279. *Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.*

280. *Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.*

281. *Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.*

98 Thân - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **dục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang **điểm thật đẹp** mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,**
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,**
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hố,
Phàm phu bị bắt vậy.

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,**
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc.**

456. **Phàm phu **tâm** say đắm,**
Chạy theo hưởng **nữ sắc,**
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.

457. **Ai tránh né **nữ sắc**,**
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,

Kẻ đầu độc thế giới.

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.

99 Thân - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sâu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

100 Thân - Quán bất tịnh để diệt dục - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tỉnh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cám dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vớ vú bị ung nhọt,
Thân Người, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Người, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Người,
Như ta biết được Người,
Người ấy tránh xa Người,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tối hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài **khuyến giáo người cháu của Sàriputta**, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

***An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,***

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

*1169. Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

*1170. Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

*1171. Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

*1172. Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

*1173. Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. **Có nhiều chư Thiên này,**
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết**,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
Nnhư voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **danh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tận được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.

1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. Cũng vậy này Ác-ma,
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. Ác ma tạo ác nghiệp,
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. Điều ác Ác ma làm,

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

101 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **đục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

102 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!***

Đầy sắc mùi hôi tanh,

Vật sở hữu của ma,

Ứ chảy nhiều dòng nước,

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

103 Thân - Quán vô thường, vô ngã đối với thân - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên **chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán** và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

104 Thân - Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

105 Thân - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bắt chảnh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

106 Thân - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,*

*Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.*

107 Thân cận bạn lành - Cho đến kẻ ngu si, Được đổi thành người trí - Kinh Susàrada – Tiểu III, 86

Susàrada – Tiểu III, 86 (75)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại sanh quán của Tôn giả Sàriputta và được gọi là **Susàrada (vì ngài lớn lên chậm chạp)**.

Ngài được Tôn giả Sàriputta giáo hóa và không bao lâu, trong địa vị Tỷ-kheo, ngài chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

75. Lành thay là tri kiến,
Của bậc có luyện tập,
Nghỉ hoặc được cắt đứt,
Trí giác được tăng trưởng.
Cho đến kẻ ngu si,
Được đổi thành người trí,
Do vậy thật tốt đẹp,
Sống giao thiệp người lành.

108 Thần cây - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavatì*, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị **thần cây**, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, **Ác ma** hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thần chết,
Với đao binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

109 Thần chết - Ai đuổi đi thần chết - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là Tapussa, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Pokkharavatì, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, Tapussa và Bhalliya hầu hạ Ngài và nghe pháp, Tapussa trở thành một cư sĩ, còn Bhalliya thời xuất gia và thành tựu được *sáu thắng trí*.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng Bhalliya đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chết,
Với đạo binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

110 Thần chết - Bầy mối của thần chết - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bầy mối **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

111 Thần chết - Chớ để cho thần chết, Lường gạt, chiến thắng ông - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

**416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hồi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.**

112 Thần chết - Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo mồi - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua**, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây **thiền định**,
thiền quán và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

113 Thần chú - Bùa chú sọ người - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

114 Thần chú - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – Tiểu III, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của Sela và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức

Phật và nghĩ rằng: "Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?*

*Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

*827. Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

*828. Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

*829. Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. Ai muốn, hãy theo ta,

*Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

*835. Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

*836. Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. Thế Tôn đáp: Sela,

*Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

*838. Kính bạch bậc Pháp nhĩn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

*839. Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,*

Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.

840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.

841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.**

115 Thần chú, bùa phép - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III*, 19 (9)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. **Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.**

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chứng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

116 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. *Năm uẩn* được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

117 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiện quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: *"Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp"*.

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "Tỷ-kheo này, nếu không

được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập số của bộ Anguttara Nikàya và tập số của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế

Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và
bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

*349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

*350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.*

*352. Con thấy bạn đồng tu,
Sống hòa hiệp, đồng mãnh,*

*Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

118 Thân cuối cùng - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – Tiểu III, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lậu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

119 Thân do ý tạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – *Tiểu III, 422* (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần** làm **Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Âm an tịnh nhất tâm,
Âm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

120 Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157

Punnamàsa – Tiểu III, 157 (146)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ.

Khi sanh đưa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được **sáu thắng trí**. Ngài đi đến Sàvatthi đánh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa.

Rồi đưa con ngài chết và vợ ngài **không** muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia.

Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

*171. Từ bỏ năm triền cái,
Đạt an ổn khỏi ách,
Nắm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.*

**172. Ta quán sát thân này,
Từ trong cho đến ngoài,
Thân được thấy trống không,
Trong thân cả ngoài thân.**

121 Thân được thấy trống rỗng, Chìm tôi trong đêm đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

**170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.**

122 Thân hành niệm - Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,

Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.

469. *Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.

471. Không biết được phần trong,

*Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chương ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

123 Thân hình bằng vàng mịn - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá

được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống
ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau
đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành,
nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt
được quả chứng. Ngài nghĩ: *"Ta không thể thành đạt
con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt
hơn ta hoàn tục và làm các công đức!"*.

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học
của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập
tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và
sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố
chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,*

*Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.*

637. *Trên đường thẳng được thuyết,
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

638. *Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng ví dụ chiếc đàn,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba **minh** ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. **Ai chuyên nhất xuất ly,**
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.

641. **Ai chuyên nhất ái diệt,**
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.

642. **Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,**
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.

643. **Như một hòn đá tảng,**
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

124 Thần mưa - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234

Girimànanda – *Tiểu III*, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ước. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,

Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,

*Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.*

*328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.*

125 Thần mưa hãy mưa đi - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

126 Thân này luân chuyển vậy, Dẫn đi bởi xe nghiệp - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nồi thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tặng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

127 Thân niệm - Kiên trì hộ thân niệm - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

128 Thân ở làng, Tâm hướng về rừng núi - Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24

Sīvaka – *Tiểu III, 24 (14)* (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chi của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sīvaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sīvaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sīvaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
"Hãy đi, Sívaka!"
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dẫu còn nằm ta đi,
Người biết, không trối buộc.*

129 Thần rừng - Khen Tỳ kheo tu tập Tướng bộ xương - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỳ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tướng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỳ-kheo ấy,*

Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

130 Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

131 Thân thể nặng nề, khó tu - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119

Adhimutta – Tiểu III, 119 (114)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sàvatthi, tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản.

Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

114. Trong nếp sống tâm tư,
Hướng về **hạnh từ bỏ**,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nề như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?

132 Thân thể trong sạch như giọt sương trên lá sen - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – Tiểu III, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

133 Thân thể yếu đuối, sợ tu không được - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là *Lomasakangiya*.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "*Nhứt dạ hiền giả* - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,*

Hạnh cô độc viễn ly.

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

134 Thần thông - Chứng thần thông lúc bảy tuổi - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thần thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Vói **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Vói nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có **thần thông** uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. Đạt được tịnh tối thắng,
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "**Không ai biết ta**".

135 Thần thông - Ngăn sông không cho dâng cao - Kinh Gavampati – Tiểu III, 47

Gavampati – Tiểu III, 47 (38)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của Yasa (Da-xá). Khi họ nghe Yasa xuất gia, tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống ở rừng Anjana tại Sàkela, và hưởng lạc giải thoát.

Khi bảy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại Anjana. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông Sarabhà. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trể la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo Gavampati can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với **thần túc thông** của mình, làm theo lời Phật dạy, dùng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dừng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông.

Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy Gavampati vì lòng từ bi nghĩ đến

đời, đức Phật tán thán các hạnh của Gavampati với bài kệ:

*38. Ai với thần túc thông,
Dựng đứng Sarabhu,
Chính Gavampati,
Không y lại, không động,
Vượt qua mọi trói buộc,
Chư Thiên đều đánh lễ,
Bậc Đại sĩ Mâu-ni,
Đã vượt qua sanh hữu.*

136 Thần thông - Như bông thối trước gió, Thân ta nhẹ trôi bay - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lục, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thối trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

137 Thần thông - Trưởng lão Cùla Panthaka - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasetthi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.

566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.

138 Thần thông của Đức Phật - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một cây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài **tái sanh lần cuối cùng**. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kính hành dưới bóng lâu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

139 Thần thông đệ nhất - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tỉnh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cảm dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vói vú bị ung nhọt,
Thân Ngươi, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Ngươi, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Ngươi,
Như ta biết được Ngươi,
Người ấy tránh xa Ngươi,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Long tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tối hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài **khuyến giáo người cháu của Sàriputta**, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

***An tịnh và thoải mái,
Ấn sĩ trú vùng xa,***

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

1169. *Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

1170. *Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

1171. *Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

1172. *Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

1173. *Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. ***Có nhiều chư Thiên này,***
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết**,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
Nnhư voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **danh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.

1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. **Cũng vậy này Ác-ma,**
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. **Ác ma tạo ác nghiệp,**
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. **Điều ác Ác ma làm,**

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

140 Thân tích tụ - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

141 Thần túc - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tur tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

142 Thanh lương - Không chậm, tỏ chậm chạp, Thường sống thật thanh lương - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tình trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uống phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uống phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muôn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

143 Thánh quả - Giới hạnh không thanh tịnh nên không đạt được Thánh quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,*

*Trong khi ta lâm bệnh,
Không phải thời phóng dật.*

144 Thánh quả - Pháp đạt đến Thánh quả - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

145 Thanh tịnh - Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. **Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.**

345. **Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.**

346. **Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,**

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

347. *Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

146 Thanh tịnh đạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – *Tiểu III, 422* (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vải từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thấu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tỉnh cần tỉnh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

147 Thanh tịnh pháp sanh khởi, Thanh tịnh hành tiếp tục - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

148 Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ - Kinh Devasabha – Tiểu III, 108

Devasabha – Tiểu III, 108 (100)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca, và được đặt tên là *Devasabha*.

Khi lớn lên ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ Koliya, ngài xin quy y ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn, lần này ngài xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán.

Trú trên an lạc giải thoát, ngài nói lên sự phấn khởi của ngài với bài kệ như sau:

*100. Thành tựu chánh tinh tấn,
Sở hành trên niệm xứ,
Trần đầy hoa giải thoát,
Sẽ nhập diệt, vô lậu.*

149 Thánh yên lặng - Kinh Valliya Kanhhamitta – Tiểu III, 155

Valliya Kanhhamitta – *Tiểu III*, 155 (144)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhhamitta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp).

Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là **Valliya (loài cây leo)**, vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì.

Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venudatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. Những bốn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,
Những bốn phận cần làm,
Với người muốn giác ngộ.

*Con sẽ làm tất cả,
Con không có thói thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.*

*168. Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt **Thánh yên lặng**,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.*

150 Tháp của đức Phật Kassapa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chúng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

151 Thấp và cao - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,
Loài Người không muốn sống,*

*Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

152 **Thật vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115**

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "Thật vậy, thế giới này bị **ái** triền trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

153 Thầy chớ có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thầy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

154 Thấy đục như lửa hừng, Thấy vàng như dao đâm - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

155 Thấy được giới bất tử - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III, 221* (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

156 Thấy được quả bất tử - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – *Tiểu III*, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lâu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

157 Thầy hãy làm tự ngã, Được thấm nhuần hưởng thượng - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38

Hārīta – *Tiểu III*, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài**, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,
Được thắm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

158 Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá hủy - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

159 Thấy pháp tánh các pháp - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

160 Thấy sắc, mất chánh niệm, Tác ý tưởng luyện ái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106

Abhaya – Tiểu III, 106 (98)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: "*Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm*".

Từ bỏ tâm tư ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyện ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

161 Thấy sắc, niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, **khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thì ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. Ngửi **hương**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. Nếm **vị**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. Cảm **xúc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. **Không tham nhiễm** các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. **Không tham nhiễm** các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. **Không tham nhiễm** các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

162 Thầy thuốc - Biết người khác phần nộ, Chánh niệm, tự lắng dịu - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277

Brahmadatta – *Tiểu III, 277* (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

163 Thầy thuốc - Họ giống như thầy thuốc, Họ làm các công việc - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,*

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Nhu đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viên ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vội cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

*Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.*

944. *Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.*

945. *Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.*

946. *Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.*

947. *Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,*

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

164 Thế giới là vô thường, đi đến hoại diệt - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia. Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cám dỗ của họ:**

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với son, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,*

*Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,*

Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.

781. *Kẻ thừa tự mang đi,*
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
*Theo chỗ, **nghiệp** nó tạo,*
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;*
Phú quý nào có thể,
*Tránh khỏi được **già suy**.*
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.

783. **Giàu, nghèo đều cảm xúc,**
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,

Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. **Như kẻ trộm bị bắt**,
Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,

*Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,*

788. *Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.*

789. *Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.*

790. *Thấy đục như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.*

791. *Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,*

*Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

165 Thế giới này bị ái triển trối buộc - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,
Đến lời dạy Bốn Sự.*

*Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

166 Thế Tôn - Bảy Đức Phật - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là *Sara-Bhangā*, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,

Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bực siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,

Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

167 Thế Tôn - Đức Phật độ cho vua cha - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tinh Phan) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiên định, phát triển thiên quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **đục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

168 Thê Tôn - Đức Phật Sikhi - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây **Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.

218. Đã qua **ba một kiếp**,
Tưởng ấy ta không chứng,

*Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lậu hoặc diệt.*

169 Thế Tôn - Thần thông của Ngài - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một cây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kính hành dưới bóng lâu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

170 **Thế Tôn - Thế Tôn bị đau nhức mỗi - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166**

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna. Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. **Bậc ỨNG CÚNG, THIỆN THỆ,**
ẨN SĨ BỊ PHONG THẤP,
NẾU ÔNG CÓ NƯỚC NÓNG,
HÃY CÚNG DƯỠNG ẨN SĨ.*

*186. **CÚNG DƯỠNG NGƯỜI ĐÁNG CÚNG,**
CUNG KÍNH NGƯỜI ĐÁNG KÍNH,*

*Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

171 Thê Tôn - Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312

Kàludàyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con
vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bô-tát, cây Bô-đề,
mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa
Kanthaka, Channa và Kàludàyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyin, và vì
ngài da đen nên được gọi là Kàludàyin. Ngài lớn lên
làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bô-tát.

Rồi Thê Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm
(Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua
Suddhodana nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một
ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ
trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng
và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy
đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị
Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các
vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và *Kàludàyin* hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán về đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hừng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đáng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,*

*Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ấn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,*

Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.

534. *Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

535. *Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn** vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. ***Ta là con đức Phật,***
*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

172 Thế Tôn độ trưởng lão Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bấp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa dòng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

*Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.*

*1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.*

*1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.*

*1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.*

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiền tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

173 **Thế Tôn Kassapa - Ác Tỷ kheo từ thời đó - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200**

Yasoja – Tiểu III, 200 (178)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại cửa thành ở Sàvatthi, trong một làng người đánh cá, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là Yasoja.

Đến tuổi trưởng thành, một hôm ngài đánh cá với những người con các người đánh cá trên sông Aciravati, quăng lưới, ngài bắt được con cá lớn có màu sắc vàng. Họ dâng con cá lên vua Pasenadi và vua nói chỉ có đức Phật mới biết nguyên nhân, màu sắc của con cá.

Đức Phật dạy, **tiền thân con cá là một ác Tỷ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp**, nay vẫn đang sống trong cõi địa ngục. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục. Chỉ có anh nó là vị Trưởng lão, sống đời sống tốt đẹp, và Thế Tôn thuyết pháp về **kinh Kapila**. Nghe xong, Yasoja cảm thấy xúc động và xin xuất gia, và các bạn cũng xin xuất gia theo.

Họ đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) để yết kiến đức Phật, nhưng khi đến họ làm quá ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi. Bị đuổi, và sống trên sông Vaggumudà,

Yasoja như con người thuần thực, quyết tâm quyết chí tu trì, không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Thế Tôn cho gọi Yasoja, và ngài vì tu khổ hạnh đặc biệt, nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau:

242. *Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.*

Yasoja được tán thán như vậy, đề cao **hạnh cô độc** và dạy như sau:

243. *Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm chịu đựng.*

244. *Sống một, như Phạm thiên,
Sống hai, như chư Thiên,
Sống ba, như làng mạc,
Nhiều hơn, như ở chợ.*

174 Thí chủ tiếp tục cho, Tiếp tục lên Thiên giới - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con
vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề,
mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa
Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì
ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên
làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm
(Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua
Suddhodana nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một
ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ
trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng
và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy
đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị
Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các
vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và *Kàludàyin* hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán về đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hừng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đáng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,*

*Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ấn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,*

Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.

534. *Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

535. *Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn** vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. ***Ta là con đức Phật,***
*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

175 Thị giả - Gương trưởng lão Ananda - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói **ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình**, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. **Sau khi nghe bài thuyết pháp của Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm *thị giả* đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một *thị giả thường trực*, có Tỷ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa răng, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.**

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hân hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và đề vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,*

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

*1019. Với bậc tin, dễ thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

*1021. Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.*

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,

*Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

*1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

*1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

*1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,*

Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

*1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Năm giữ điều khéo nắm,*

Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ **đức kham nhẫn**,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. **Nghe nhiều, thọ trì pháp**,
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. **Nghe nhiều thọ trì pháp**,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. **Ưu pháp, vui thích pháp**,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nặng chằng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân lạc**,
Từ đâu, **Sa-môn lạc**?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi**
nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bạc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,

*Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1043. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1044. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1045. *Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

1046. *Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.*

1047. *Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,*

Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

176 Thiền - Tầm quan trọng của quán - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

*331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

*333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.*

177 Thiên - Trong thiên định năm chi, Thiên nhân ta thanh tịnh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhân**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì **rằng ta ưa thích**,
Trong giới vực của Ma.*

894. Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thượng Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vô-lu-và,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

178 Thiền - Vị Hành thiền đệ nhất - Kinh KankhaRevata – Tiểu III, 12

KankhaRevata – Tiểu III, 12 (3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Ngài chứng quả A-la-hán nhờ **hành thiền**, ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là **hành thiền đệ nhất**.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lẫn chiếm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoạn tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói:

*3. Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nhiếp phục nghi ngờ,
Cho những ai đi đến.*

179 Thiền định - Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh tịnh này - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasethi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ba mình đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.

566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.

180 Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.**

456. **Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

181 Thiền định, thiền quán và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52

Sumangala – Tiểu III, 52 (43)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày.

Một hôm vua *Pasenadi* cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này.

Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình.

Khi về, ngài thấy các dân quê cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập **thiền định**, sống cô độc, **phát triển thiền quán**. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán.

Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!

Thật sự ta khéo thoát,

Thoát ba sự cong queo,

Ta thoát cong với liềm,

Ta thoát cột với cày,

Ta thoát cực với cuốc,

Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,

Hỡi Sumangala!

Hỡi Sumangala!

Hãy thiền, hãy thiền định!

Hỡi Sumangala!

Hãy sống không phóng dật.

182 Thiền định, thiền quán, trời dễ chịu và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiền định, thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

183 Thiện duyên đời trước - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

184 Thiện duyên đời trước - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

185 Thiện hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thân thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) nhiếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Với **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có **thần thông** uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. **Đạt được tịnh tối thắng,**
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "**Không ai biết ta**".

186 Thiên nhân - Bị Thiên nhân khích lệ, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngồi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tám lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dầu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?*

Đầu họ có tuyên bố:
"Các dục là vô thường!"
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

187 Thiên nhân - Đệ nhất Thiên nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhân**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

188 Thiên nhân - Kiết tập Kinh lần thứ nhất - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196

Khujja Sobhita – Tiểu III, 196 (175)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pàtaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là Khujja Sobhita (còm lưng).

Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bổn Sư vừa diệt độ, ngài được Tôn giả Ananda độ cho xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả Ananda đến dự đại hội. Lúc ấy, các **thiên nhân** cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

*233. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pàtaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,*

*Đứng ở tại cửa vào,
Tên là Sobhita,
Có tật, bị còm lưng.*

Rồi vị **thiên nhân** tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita:

*234. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.*

Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

*235. Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.*

189 Thiên nhân động viên tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,*

Hơn bất hạnh chúng tôi.

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

190 Thiên nhân muốn chỉ cho chứng quả - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bắt chảnh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lanh lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chứng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

191 Thiên nhân nhắc nhở Tỳ kheo muốn làm chòi lá mới - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiên nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ giản dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỳ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng**, và với **sự cố gắng** **phát triển thiên quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (*vị ở chòi lá*).

192 Thiền quán - An trú thiền quán và chứng quả - Kinh Usabha – Tiểu III, 173

Usabha – *Tiểu III*, 173 (159)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua Sakka, được đặt tên là *Usabha*.

Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bốn phận của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khát thực; tại đây, thấy quân chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa.

Ngài thức dậy, suy nghĩ: "*Vì sao, đây là cơn mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm **ưu não***", ngài an trú **thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Như vậy lấy con mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

197. Vai đắp phủ tấm y,
Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khát thực.

198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất ngạo mạn,
Nay ta thật lắng dịu,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.

193 Thiền quán - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

194 Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Candana – Tiểu III, 222

Candana – Tiểu III, 222 (194)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sinh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứa con thơ,
Người vợ đến với ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,**
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.

300. **Rồi ta tự tác ý,**
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

195 Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – Tiểu III, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Rājagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Rājadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp.

Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khổn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.*

316. Mau hơn cơm sôi trào,

*Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giác,
Ta đến, ngồi một bên.*

*317. **Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

*318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

196 Thiền quán - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư** nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ **hấp tấp** của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

197 Thiền quán - Chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvāja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvāja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh, ngài xuất gia**, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvāja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn, và chấp nhận giáo hội này?"** Ngài nêu rõ, **ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh**, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

198 Thiền quán - Chứng quả khi đạt đến thiền quán - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144

Sabbamitta – Tiểu III, 144 (135)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Sabbamitta.

Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài sống tại một khu rừng.

Sau mùa mưa, ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con ***nai mẹ*** tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: *"Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!"*.

Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

149. *Người trói buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.*

150. *Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.*

Nói vậy, ngài **đạt đến thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

199 Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền quán - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32

Cittaka – Tiểu III, 32 (22)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, *Cittaka* đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa **giới luật làm đề tài tu tập**, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với **thiền quán khai triển**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

*22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

200 Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền quán - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được

xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

*1. Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*

***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***

***Thần mưa**, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!*

201 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – *Tiểu III*, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

202 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, **Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

203 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38

Hārīta – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài,** ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,
Được thắm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

204 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III*, 19 (9)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. **Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.**

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chúng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

205 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tướng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,*

Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

206 Thiền quán - Chứng quả khi triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuận thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tứ tử xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,*

***Chớ khiến cho đời con,
Sầu muộn bị va chạm.***

Ngài suy nghĩ: "*Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền*".

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh **tấn** hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

207 Thiền quán - Chứng quả nhờ triển khai thiền quán - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

208 Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí - Kinh Matanga Putta Con Của Màtanga – Tiểu III, 195

Matanga Putta Con Của Màtanga – *Tiểu III*, 195
(174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Màtanga, và được gọi là con của Màtanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

230. *Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

209 Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí với thiền quán - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – Tiểu III, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến ngạ quỷ,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sanh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

210 Thiền quán - Đề tài Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

211 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Bốn sự thật - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tur tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

212 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Nghĩa địa - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, *một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể*, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

213 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự kiện về con bò - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – *Tiểu III*, 158 (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campà trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lễ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cỡi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em Nandaka, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thưa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "N~~hư~~ con bò đ~~ược~~ bồi d~~ưỡng~~, l~~ấy~~ lại sức m~~ạnh~~, ta cần phải tư l~~ực~~ l~~ôi~~ mình ra khỏi đ~~ám~~ b~~ùn~~ l~~ầy~~ của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một đề tài **thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quy xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ **chánh kiến**,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

214 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – Tiểu III, 89 (79)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhỏ lên,

*Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

215 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.

333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.

216 Thiên quán - Đề tài thiên quán là Giới luật - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và **triển khai thiên quán** trên căn bản thiên tư về **giới luật**.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiên định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiên quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

217 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Hàm răng - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,

Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.

469. *Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.

471. Không biết được phần trong,

*Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chương ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

218 Thiền quán - Đề tài thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

219 Thiền quán - Dục vọng tấn công, thiền quán và chứng quả - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – *Tiểu III*, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

*251. Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vực ma,**
*Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

253. *Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

220 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

**Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.**

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

221 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

222 Thiền quán - Phát triển thiền quán các dục và chứng quả - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đề tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tưởng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "**Ta sẽ giết nó!**" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,*

Che kín trùm tất cả.

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

223 Thiền quán - Phát triển thiền quán chứng Thắng trí thứ sáu - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***rong tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

621. *Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

622. *Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

623. *Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

624. *Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

625. *Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

626. *Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

224 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi bị quả trách - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bắt ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

225 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi gặp nạn và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phát) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, nhờ **thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. Biết được nguy hiểm này,
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

226 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi tâm được Tĩnh chỉ - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), **con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna**, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, **nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tĩnh chỉ**, ngài **triển khai thiền quán**, chứng được quả A-la-hán với **sáu thắng trí**.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

227 Thiền quán - Phát triển thiền quán trên thiền định và chứng quả - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên **bùa chú** và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

228 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. *Tâm đi đến hỷ mạn,
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

229 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiền nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

230 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224

Dhammika – *Tiểu III, 224* (195)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia.

Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy **các Tỷ-kheo đều bỏ đi** và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,*

*Người hành trì Chánh pháp,
Không đi xuống ác thú.*

*303. Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

*304. Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

*305. **Phá vỡ cội ung nhọt,**
Nhổ lên lưới ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.*

Khi Thê Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ,

ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

231 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41

Gahvaratìrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratìrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lầy rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lầy đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

232 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*
***Thân** đầy những bụi bặm,*
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta *đứng chỉ một chân,*
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. *Sở hành ta nhiều vậy,*
***Dẫn** ta đến ác thú,*
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. *Hãy nhìn Phật ta quy,*
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
***Ba** mình ta đạt được,*
Lời Phật dạy làm xong.

233 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162

Kanhadinna – Tiểu III, 162 (150)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*.

Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuận thực, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. *Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.*

180. *Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,*

Tồn tại ở trong ta.

234 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65

Kutivihàrim – Tiểu III, 65 (56)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi **phát triển thiền quán**, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: "*Ai ở trong chòi lá này?*" Ngài trả lời: "*Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá*" và nói lên bài kệ:

56. *Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiện giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.*

Rồi người giữ ruộng nói: "Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây".

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiễm phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

235 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiền nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ gián dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (*vị ở chòi lá*).

236 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị **ái** triển trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

237 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

238 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Mánava – Tiểu III, 85

Mánava – Tiểu III, 85 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong nhà một Bà-la-môn có danh tiếng.

Trong **bảy năm**, ngài được nuôi dưỡng trong nhà, không ra ngoài đường. Khi được ra ngoài đường, ngài thấy một người **già**, một người **bệnh**, một người **chết**.

Được nghe thấy những sự kiện này, ngài phát lòng sợ hãi, đi đến tinh xá, nghe thuyết pháp, được cha mẹ cho phép, ngài được xuất gia. Rồi ngài **phát triển thiền quán**, **chứng quả A-la-hán**.

Khi ngài đến ngôi tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy, ngài tuyên bố chánh trí của ngài và nói lên bài kệ này:

*73. Ta thấy một người già,
Một người khổ bệnh hoạn,
Ta thấy một người chết,
Với tuổi thọ kiệt quệ,*

*Do vậy ta thoát ra,
Sống đời sống xuất gia,
Từ bỏ mọi dục vọng,
Hấp dẫn và thích ý.*

239 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – Tiểu III, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bôn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thực, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

240 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,*

*Loài Người không muốn sống,
Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

241 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,*

*Đáng được sự cúng dường.
Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.*

296. *Bị dục làm mù quáng,
Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trời buộc,
Như cá mắc mắt lưới.*

297. *Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trời buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

242 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

243 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đồng lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

244 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III*, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimala cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vì Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimala với những câu kệ như sau:

*147. Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.*

*Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

*148. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viên ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

245 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thấy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

246 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232

Subhùta – Tiểu III, 232 (199)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ.

Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sư, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

*319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu,*

*Như vậy công việc ấy,
Được xem bị thất bại.*

*320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.*

*321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.*

*322. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** nhưng không **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Không **làm**, không kết quả.*

*323. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** lại có **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Có **làm**, có kết quả.*

247 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

248 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong **sự nghiệp giải thoát**?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,

*Thoát ly kẻ gài lưới,
Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

249 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiền quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: "*Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp*".

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được.

Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "*Tỷ-kheo này, nếu không được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh*", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập sớ của bộ Anguttara Nikàya và tập sớ của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài

ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.

352. Con thấy bạn đồng tu,

*Sống hòa hiệp, đồng mãi,
Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

250 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – *Tiểu III*, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,*

Kẻ làm biếng, làm nhác.

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tình cần,
Thiên định, thường tình tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

251 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. *Trong thời gian tương lai,*
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. *Phẫn nộ và hiềm hận,*
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. *Họ tự cho có trí,*
Pháp sâu, chỉ đến bờ,

**Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thâm nhận tất cả,

Trong tương lai là vậy.

958. *Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ra đánh nhau.*

959. *Họ trở thành tháo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.*

960. *Với tóc bôi dầu lảng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.*

961. ***Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhằm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.*

962. *Họ trở thành tham lợi,*

Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.

963. Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.

964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bậc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.

965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.

966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.

967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.

Voi ta không nghĩ nghĩ.

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo định trong giới luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phần chấn,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng dăng,
Ngu si, không giới hạnh,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.**

974. **Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có **tâm từ**.**

975. **Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.**

976. **Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.**

977. **Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,**

Hãy cung kính lẫn nhau.

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. *Hãy có tâm từ bi,*
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,*
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

252 Thiền quán - Phát triển thiền quán về bệnh đau mắt và kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahāsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán

thời cũng mù mất luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ".*

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tự với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. Dầu ta có bị mù,
Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.

253 Thiền quán - Phát triển thiền quán về chế ngự căn - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** *Indriyabhàvanà*", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. Khi Tỷ-kheo tên là,

Pàràpariya,
Ngồi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm **hại**,
Có hộ trì, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,

Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khó đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,

Thành hộp đẹp tô màu.

737. *Cay đắng như vị ngọt,*

Khổ do khổ ái buộc,

Như dao bén dính mật,

Kẻ tham đâu có biết.

738. ***Ai tham đắm nữ sắc,***

Nữ vị, nữ xúc chạm,

Ai mê say nữ hương,

Gặp nhiều loại đau khổ.

739. *Mọi dòng từ nữ nhân,*

Năm loại tràn năm xứ,

Người có tinh tấn lực,

Có thể ngăn chặn chúng.

740. *Người có đích, trú pháp,*

Người thiện xảo, sáng suốt,

Hoan hỷ làm nghĩa vụ,

Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. *Chìm trong việc lợi tạm,*

Hãy bỏ việc không lợi,

Nếu nó nghĩ việc ấy,

Không phải việc nên làm,

Vị ấy không phóng dật,

Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đẩy thật lực tới thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh dẻo gồ,**
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

254 Thiền quán - Phát triển thiền quán về con khổ tâm và chứng quả - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khổ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khổ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,*

*Trí tuệ cầm giữ người,
Người đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

255 Thiền quán - Phát triển thiền quán về hộ trì căn và chứng quả - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 392

Màlunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Màlunkyaputta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Màlunkyaputta, **khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thì ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại tâm** lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. **Ném vị như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. **Cảm xúc như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

256 Thiền quán - Phát triển thiền quán về nguy hiểm của dục và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sinh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, thiền định của ngài bị thôi thất và lòng **dục** khởi lên. Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các **dục** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,*

*Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến nhiễm luân hồi.*

257 Thiền quán - Phát triển thiền quán về thân và chứng quả - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài **phát triển thiền quán**, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

**170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.**

258 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng quả lúc bảy tuổi - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288

Bhadda – Tiểu III, 288 (226)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khấn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: *"Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!"*.

Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: *"Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn"*.

Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài **phát triển thiền quán** và chứng được *sáu thắng trí*.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: "Hãy đến này Bhadda!" Ngài đến, chấp tay đánh lễ bậc Đạo

Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì.

Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất,
Được cha thương, mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật.*

475. *Được đưa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tế nhị,
Được nuôi chiều sẵn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,*

Nó sẽ thành thuần lương.

*477. Sau khi bậc Đạo Sư,
Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
**Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.***

*478. Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,
Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

*479. **Từ sanh, đến bảy năm,**
Ta được thọ Đại giới,
Ba mình ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

259 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna.

Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. Bậc ỨNG CÚNG, Thiện Thệ,
Ẩn sĩ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ẩn sĩ.*

*186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,
Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

260 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,**

Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

261 Thiền quán - Phát triển thiền quán, nhờ thiền Định - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – *Tiểu III*, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati**, vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu**.

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu**, rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai**.

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng**.

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đằm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

262 Thiền quán - Quán sự nguy hiểm của đời thế tục - Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – Tiểu III, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là *Sona*. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là *Koti* hay *Kutikanna* (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão *Mahà Kaccàna* ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão *Kaccàna*. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến *Sàvatthi* để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu *Athaka*. Khi đọc đến câu: "*Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục*", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bôn Sur bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão *Mahà Kaccàna* giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của

mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,*

Sona thuyết diệu pháp.

368. Liễu Tri **Năm thủ uẩn,**
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

263 Thiền quán - Quán tánh vô thường của sự vật, thiền quán, chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

*267. Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gổ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

*268. Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

264 Thiền quán - Rời ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua**, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây **thiền định**,
thiền quán và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba mình chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

265 Thiền quán - Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

266 Thiền quán - Thiền quán về sự nguy hiểm của các dục - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, **nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.**

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài **rất hối hận sở hành của mình** khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Khổ thay là các **dục**!
Hỡi này Ê-ra-ka,
Không lạc là các **dục**!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
*Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.*
Hỡi này Ê-ra-ka!
*Hãy biết là như vậy.**

267 Thiền quán - Triển khai thiền quán khi mẹ dụ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84

Atuma – *Tiểu III*, 84 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là *Atuma*.

Khi ngài lớn lên, mẹ ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình.

Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, mẹ ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

*72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.*

Khi ngài đang đứng nói chuyện với mẹ ngài, ngài **triển khai thiền quán**, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A-la-hán.

268 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài **không** chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiên quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

269 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên **con đường chánh trí**,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

270 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

271 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

272 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài**, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,*

Hơn bất hạnh chúng tôi.

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

273 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83

Vacchapàla – *Tiểu III*, 83 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và *Vacchapàla*.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của *Uruvela Kassapa* trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,*

Chúng được không khó khăn.

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

274 Thiền quán - Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74

Pakkha – *Tiểu III, 74* (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda.

Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là **Pakkha (vị què quặt)** và giữ lại tên ấy.

Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng.

Một hôm vào làng khát thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con **điều hâu** ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con điều hâu khác bay theo đàn cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "**Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ**". Ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

63. Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,
Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.

275 Thiền quán - Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe *một pháp* và chỉ nghe *một mình* mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savaniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

67. *Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

276 Thiền quán - Trời mát, tâm định, thiền quán, chứng quả - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapāla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

211. Những chim công kêu hót,

Mào đẹp, lông đuôi xinh,
Vớ cổ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Vớ khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiện tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, **chứng quả A-
la-hán**. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

277 Thiền quán - Tu tập thiền định, trí tuệ chín muồi, phát triển thiền quán - Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180

Brahmàli – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến **tịnh chỉ**,
Như được khéo **điều phục**,
Bởi đánh xe **điều ngự**,
Kiều mạn được **đoạn tận**,*

*Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên rất ái mộ,
Những vị có hạnh ấy.*

*206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

278 Thiền quán chứng được Sáu thắng trí - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là *Lomasakangiya*.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "*Nhứt dạ hiền giả* - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,*

Hạnh cô độc viễn ly.

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

279 Thiền quán đệ nhất - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11

Mahàkotthita – Tiểu III, 11 (2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Thực hiện **thiền quán** từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,*

*Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

280 Thiền quán đề tài Bốn Sự Thật - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

281 Thiền quán sau khi chế ngự buồn ngủ, chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bālakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,

Lại lên đường kinh hành,
Qua lại đường kinh hành,
*Nội tâm ta **định** tĩnh.*

***Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

282 Thiền quán sau khi đoạn tận kiêu mạn và chứng quả - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – Tiểu III, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,*

*Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

283 Thiền quán Tánh sanh diệt của ngũ uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo com và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.*

284 Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

*6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.*

285 Thiền quán và chứng 6 thắng trí - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31

Nigrodha – Tiểu III, 31 (21)

Trong lời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi.

Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia.

Khi **phát triển thiền quán**, ngài có thể đạt được **sáu thắng trí**. Suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

21. Đối với ta, sợ hãi
Không làm ta sợ hãi,
Thâm hiểu **đạo bất tử**,
Bậc Đạo Sư chứng ta,
Không tìm được chân đứng,
Ở đâu, sợ sợ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo,
Dẫn bước trên đường ấy.

286 Thiền quán và chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!**
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

287 Thiền quán và chứng quả - Kinh Upàli – Tiểu III, 203

Upàli – *Tiểu III*, 203 (180)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà.

Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: *"Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về **kinh học và thiền quán**".* Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu **thiền quán** và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả **Luật tạng**. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về *Tỷ-kheo Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.

249. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.

250. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.

288 Thiền quán và chứng quả vào ngày thứ bảy - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được tám tánh thuần thực của Sela và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

289 Thiền quán về giới hạnh - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60

Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60 (49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia.

Sống trong rừng, ngài **thiền quán về giới hạnh**, vì quả chứng và **hạnh dễ thương** của ngài, ngài được gọi là Ràmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương).

Một hôm, **Ác-ma** muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

*49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

290 Thiền quán, thiền định và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52

Sumangala – Tiểu III, 52 (43)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày.

Một hôm vua *Pasenadi* cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này.

Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình.

Khi về, ngài thấy các dân quê cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập **thiền định**, sống cô độc, **phát triển thiền quán**. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán.

Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!

Thật sự ta khéo thoát,

Thoát ba sự cong queo,

Ta thoát cong với liềm,

Ta thoát cột với cày,

Ta thoát cực với cuốc,

Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,

Hỡi Sumangala!

Hỡi Sumangala!

Hãy thiền, hãy thiền định!

Hỡi Sumangala!

Hãy sống không phóng dật.

291 Thiền quán, thiền định, trời dễ chịu và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiền định, thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

292 Thiền tư về giới hạnh - Kinh Ujiaya – Tiểu III, 58

Ujiaya – Tiểu III, 58 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thống.

Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt tủy. Với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, **thiền tư về giới hạnh** trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Thế Tôn đánh lễ ngài, ngòì xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của ngài:

*47. Đánh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo điển,
Con sống không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.*

293 Thiện xảo tâm diễn khởi, Khéo nắm giữ các tướng - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: "*Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán*". Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

294 **Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95**

Sunàga – Tiểu III, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tục.***

295 Thiểu dục tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III, 407* (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: "**Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!**"

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tể nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

859. **Hạnh viên ly**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

860. **Không giao du**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

862. Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây **quán đảnh thứ hai**.

863. Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm gươm,

Ta đã sống sợ hãi.

864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên **giới uẩn**,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

296 Thiếu kinh nghiệm, không nhiệt tâm tu tập - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chúng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

297 **Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312**

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

298 Thịnh vượng - Kinh Samiddhi – Tiểu III, 57

Samiddhi – Tiểu III, 57 (46)

Ngài sanh ra trong đời đức Phật hiện tại, ở Rajagaha (Vương Xá) con một gia đình quý tộc. Từ khi sanh ngài, tài sản của gia đình được tăng trưởng, ngài lại đẹp trai, có giới hạnh và được đặt tên là **Samiddhi (thịnh vượng)**.

Ngài chứng kiến sức mạnh của bậc Đạo Sư khi gặp vua Bình Sa (Bimbisàra), khởi lên lòng tin, xuất gia, **tinh tấn tu thiền**.

Khi đức Phật sống ở vườn Tapoda, Samiddhi đang cảm thấy an lạc được sống hạnh Tỷ-kheo, thời **Ác-ma** hiện ra quấy phá, phát ra tiếng động như quả đất nổ tung. Ngài thưa với đức Phật và đức Phật khuyên nên bình tĩnh, vẫn kiên trì tu tập và đừng nghĩ đến vấn đề ấy nữa. Ngài vâng theo và không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ác-ma không biết sự kiện ấy, Ác-ma lại tạo nên một tiếng động kinh khủng, nhưng ngài không có sợ hãi, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

46. Ta với lòng tin ngưỡng,

Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta thiên **định**,
Dầu người tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.

299 Thọ - Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của *sanh* và của *già*,
Trước *đêm* và sau *đêm*,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đà,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

300 Thọ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

301 Thọ cung tên làm cây tên ngay thẳng - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

302 Thọ gồm xuất gia chứng quả - Kinh Dhaniya – Tiểu III, 194

Dhaniya – Tiểu III, 194 (173)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá) trong một gia đình **thọ làm đồ gồm**, được đặt tên là *Dhaniya*, và tiếp tục làm nghề của ông cha.

Chính trong nhà của ngài, bậc Đạo Sư giảng cho **Pakkusati kinh Dhātuvibhaṅgasutta**. Dhaniya nghe tin Pukkāsati (đã thành bậc A-la-hán) mệnh chung đêm ấy. Ngài nghĩ: "**Lời Phật dạy thật là sức mạnh lãnh đạo, chỉ có một đêm đã đủ giải thoát một người khỏi sự đau khổ tái sanh**". Rồi ngài xuất gia. Tuy vậy ngài vẫn tiếp tục nghề làm ngói lợp nhà. Bị đức Phật quở vì đã là am tranh bằng gạch, ngài quyết định sống giữa các Tỷ-kheo, và tại đây chứng quả A-la-hán.

Về sau, nhân dịp giáo giới các Tỷ-kheo tu tập khổ hạnh và xem hạnh mình cao hơn các người khác, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

*228. Nếu muốn mong đợi lạc,
Trong đời sống Sa-môn,*

*Chớ khinh y chúng Tăng,
Chớ khinh Tăng ẩm thực.
Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy sử dụng trú xứ,
Như rắn và như chuột.*

229. *Nếu muốn mong đợi lạc,
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy biết tự bằng lòng,
Với bất cứ việc gì,
Và hãy cương quyết tu,
Tu tập **hạnh nhất pháp**.*

303 Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lửa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "*Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?*". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài**. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

304 Thờ lửa - Từ bỏ thờ lửa, theo chánh pháp, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvāja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvāja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh**, ngài **xuất gia**, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvāja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn,**

và chấp nhận giáo hội này?" Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

305 **Thô thảo - Ta thô thảo dao động, Say đắm trong tham dục - Kinh Nanda – Tiểu III, 148**

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đằm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

306 Thọ tướng thuần túy - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 392

Màlunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- Nay Màlunkyaputta, ông nghĩ thế nào? *Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ở đây, này Màlunkyaputta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. *Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.*

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. **Ném vị như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. **Cảm xúc như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

307 Thời tiết dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), **con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna**, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, **nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ**, ngài **triển khai thiền quán**, chứng được quả A-la-hán với **sáu thắng trí**.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

308 Thuần túy - Thọ tướng thuần túy - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?"*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. **Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. Ngửi **hương**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. Nếm **vị**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. Cảm **xúc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. **Ném vị như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. **Cảm xúc như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

309 Thức ăn - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99

Paripunnaka – Tiểu III, 99 (91)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình dòng họ Thích-ca. **Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn.** Ngài được biết với tên là *Paripumaka* (viên mãn).

Ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khát thực, ngài nghĩ: "*Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hưởng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?*"

Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy **đề tài tu tập về thân** từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

*91. Dầu có hưởng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay.
Đây là Pháp vi diệu,*

*Được Phật Go-ta-ma,
Bậc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.*

310 Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – Tiểu III, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bôn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thời không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thực, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

311 Thương hại vợ cũ - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang **điểm thật đẹp** mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,*

Kẻ đầu độc thế giới.

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.

312 Thường năm giữ chánh niệm - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

313 **Thuyết pháp - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183**

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,**

Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. *Với người, thấy ý nghĩa,*
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

314 Thuyết pháp - Đệ nhất Thuyết pháp lanh lợi - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lanh lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

315 Thuyết pháp - Họ thuyết pháp quần chúng, Vì lợi, không vì nghĩa - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,*

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Nhu đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viên ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Với cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

**Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.**

944. **Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.**

945. **Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.**

946. **Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.**

947. **Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,**

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

316 **Thuyết pháp - Không dao động, khiêm tôn, Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183**

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,**

Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. **Với người, thấy ý nghĩa,**
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

317 Thuyết pháp - Vị Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III, 13* (4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu

mười do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: "*Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành***". Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

4. **Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền mình thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.**

318 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến **Pháp báu** và **Tặng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-

hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.

548. **Với ai khéo tu tập,**
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.

549. **Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,**
Dầu tài sản kiệt tận,

**Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vi diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,

*Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.*

*556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

319 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III*, 13 (4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá

Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: *"Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành**".* Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

**4. *Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền minh thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.***

320 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – *Tiểu III*, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người

kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

*Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185)

và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi **bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp**, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. VớI ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,
Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.

*1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.*

*1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phạm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Ty-kheo.*

*1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.*

III

Nói đến khi ngài **nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:**

1219. *Đệ tử Gotama,*

*Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với minh, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại **bị kích thích và tham dục khởi lên**. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

**1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.***

Và Tôn giả Ananda trả lời:

**1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,
Hệ lụy đến tham dục.***

**1225. *Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,***

*Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,

*Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.*

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

*1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.*

*1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.*

*1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.*

1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bạc nhỏ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cầu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.

1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,

*Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đê tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đê tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- *Này Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?*
- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.
- *Vậy này Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.*
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,*

*Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.*

*1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.*

*1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.*

*1245. Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,*

Hãy đánh lễ, tu học.

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (Anh-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng

Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **tho**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỬ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BỒN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vì có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,

*Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhãn biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài người.

1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

1269. **Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!**

1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Gương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
*Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!

1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bạc tình tấn tới cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!

1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.

Thế Tôn:

1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,

Bạc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

1276. Nghe vậy, con tịnh tín,
Vội lời nói của ngài,
Bạc ân sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.

1273. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thân chết xảo quyết.

1278. Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.

1279. Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tối thượng hai chân,

Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

321 Tịch tịnh - Đạt được đạo tịch tịnh - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22

Cùla Gavaccha – *Tiểu* III, 22 (11)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia.

Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavachha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, **phát triển trí tuệ** và chứng quả A-la-hán.

Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

*11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được **đạo tịch tịnh**,
Hành dừng lại an lạc.*

322 Tịch tịnh - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Pokkharavatì, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được *sáu thắng trí*.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thần chết,
Với đao binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

323 Tịch tịnh - Mong rằng ta sẽ được, Tịch tịnh thật tối thượng - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42

Suppiya – Tiểu III, 42 (32)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi.

Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất. Và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

*32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được,
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.*

324 Tịch tịnh - Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị lưới **tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

325 Tịch tịnh tối thượng - Kinh Yasadatta – Tiểu III, 248

Yasadatta – *Tiểu III*, 248 (207)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ vua Malla, được đặt tên là *Yasadatta*, ngài được học ở Takkasilā.

Sau khi đi du hành với du sĩ Sabhiya, cả hai đến Sàvatthi, tại đây hỏi Thế Tôn một số câu hỏi. Yasadatta ngồi nghe những câu trả lời, **ý muốn ưa chỉ trích**: "*Ta sẽ nêu lên những khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn Gotama*".

Thế Tôn hiểu tâm tư của Yasadatta, nên sau khi nói **kinh Sabhiya**, Thế Tôn giáo huấn Yasadatta như sau:

359. Với tâm, muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã thắng trận,
Người ấy, thái độ vậy,
Rất xa rời Chánh pháp,
Như đất xa bầu trời.

360. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,

*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Tồn giảm xa Chánh pháp,
Như trăng nửa tháng đen.*

361. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Khô cạn trong diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.*

362. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.*

363. *Ai tâm tư thỏa mãn,
Nghe bậc Thánh giảng dạy,
Tì bỏ mọi lậu hoặc,
Chứng ngộ không dao động,
Đạt tịch tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.*

326 Tịch tịnh và chỉ tức - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11

Mahàkotthita – Tiểu III, 11 (2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Thực hiện **thiền quán** từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,*

*Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

327 Tiến trình tu tập - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong **sự nghiệp giải thoát?***" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lâu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các **uẩn**,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

328 Tiếng rống con sư tử đệ nhất - Kinh Pindola Bhàradvāja – Tiểu III, 129

Pindola Bhàradvāja – *Tiểu III*, 129 (122)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của vị giáo sĩ của vua Udena xứ Kosambi, được đặt tên là Bhàradvāja. Sau khi học tập ba tập Vệ-đà, dạy các **bài chú**, bài tụng rất thành công cho các thanh niên Bà-la-môn, ngài chán ngấy với công việc đang làm.

Từ giã họ, ngài đi đến Rājagaha (Vương Xá), thấy chúng Tỷ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài tuyên bố trước mặt đức Bổn Sư rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỷ-kheo nào nghi ngờ đến con đường và kết quả, như vậy, ngài rống tiếng rống con sư tử, đức Phật nói về ngài như sau: "*Trong các đệ tử của Ta rống tiếng rống con sư tử, Pindola Bhàradvāja là đệ nhất*".

Rồi một người bạn cũ đến thăm ngài, một Bà-la-môn có tánh keo kiệt. Vị Trưởng lão khuyên bạn nên cúng dường chúng Tăng. Vì bạn ngài tin rằng ngài cũng ích kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn ngài:

123. Nói về đời sống này,
Không phải không có luật,
Nhưng các món đồ ăn,
Không có gì gần tâm,
Do có các món ăn,
Thân thể được tồn tại,
Thấy vậy, ta bộ hành,
Tìm kiếm các món ăn.

124. *Bậc trí kinh nghiệm rằng:*
Thật sự là đám bùn,
Đánh lễ và cúng dường,
Xuất phát từ gia đình,
Như mũi tên tể nhị,
Rất khó nhỏ được ra,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính khó từ bỏ.

329 Tình cảm trai gái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106

Abhaya – Tiểu III, 106 (98)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: "*Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm*".

Từ bỏ tâm tư ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

330 Tịnh Phạn Vương - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – *Tiểu III, 312* (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

331 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ cây lau - Kinh Usabha – Tiểu III, 116

Usabha – *Tiểu III*, 116 (110)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên **nghĩ rằng**: "*Các cây và các **cây lau** này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?*"

Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với **tinh tấn nghị lực**, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,*

*Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

332 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavìhàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cỡi dây cho con bò, cho nó

rom và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "**Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh táo, sau khi rơi vào rình nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành**".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. *Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

333 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con nai mẹ - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "Thật vậy, thế giới này bị **ái** triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

334 Tỉnh thức giữa người ngủ, Vị ấy, đời không uống - Kinh Dhammapàla – Tiểu III, 179

Dhammapàla – *Tiểu III*, 179 (162)

Trong thời đức Phật hiện tại, **khi bậc Đạo Sư qua đời**, ngài sanh ở Avanti con một Bà-la-môn, được đặt tên là *Dhammapàla*.

Khi ngài đi từ Takkasilà về, học hành đã xong, ngài thấy một vị Trưởng lão ngồi một mình trong thảo am, được vị ấy thuyết pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Trong khi ngài suy tư hoan hỷ trong vị ngọt giải thoát, hai Sa-di leo cây hái trái, bị cây gãy ngã xuống. Thấy vậy ngài lấy tay ôm đỡ hai người Sa-di, với **thần thông** đặt hai vị ấy xuống đất, không có bị thương. Và ngài dạy hai vị ấy với những bài kệ:

203. *Ai Tỷ-kheo trẻ tuổi,
Chú tâm hành lời Phật,
Tỉnh thức giữa người ngủ,
Vị ấy, đời không uống.*

204. *Do vậy, bậc Hiền trí,*

*Nhớ đến lời Phật dạy,
Chuyên tu **tín** và **giới**,
Hoan hỷ thấy Chánh pháp.*

335 Tình yêu trai gái - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sinh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, **thiền định của ngài bị thôi thất và lòng *dục* khởi lên.** Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán,** chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các ***dục*** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,
Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,*

Đưa đến nhiệm luân hồi.

336 Tissa – Tiểu III, 105

Tissa – Tiểu III, 105 (97)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lòng phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **đục** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.*

337 Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.

154. **Biết nguy hiểm như vậy,**

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

338 Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

339 Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thì toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thì không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt, ngài nói lên bài kệ:

81. *Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

340 Tóc - Hãy cạo tóc cho ta, Người cạo tóc đã đến - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài **phát triển thiền quán**, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

169. *Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

170. ***Thân được thấy trống rỗng,***

*Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.*

341 Tội - Mưa rất là nặng hạt, Trên tội được che giấu - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "**Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!**". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đông lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

342 Tội lỗi - Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như mây trời - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III*, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Rājagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muôn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tinh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

343 Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,*

Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá** không động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,

Không gì làm dao động.

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

344 Tôn giả Ananda - Việc làm lăng xăng này, Có nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huân luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,*

*Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lãng xãng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

345 Tôn giả Mahà Moggallàna - Xuất gia bảy ngày chứng quả - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

346 Tôn giả Sàriputta - Nguyên soái chánh pháp - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Rājagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,***

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiên **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phàm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.*

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

**1017. *Tỉnh cần, chớ phóng dật,
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.***

347 Tôn giả Sàriputta - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

348 Tôn giả Sàriputta - Tướng quân, Thừa tự Như Lai vị - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của *Sela* và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi *Sela* với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, *Sela* cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh

niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,

*Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.*

*822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.*

*823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!*

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

*824. Sela, Ta là vua!
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.*

Phạm chí Sela nói:

*825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.*

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,*

Hỡi này Bà-la-môn.

*830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

*831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.*

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thưa rằng:

*832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!*

*833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.*

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỳ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sự, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán** và **chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. Kính bạch bậc Pháp nhĩn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.

839. Ngài là bậc Giác giả,

*Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

349 Tôn trọng - Là mũi tên nhỏ nhiệm, Thật khó được rút ra - Kin hMahà Kaccàyaana – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyaana – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vãn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

350 Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

351 Trăm hai mươi tuổi, chứng Ba minh - Kinh Phụ Thân Của Dhammasava – Tiểu III, 114

Phụ Thân Của Dhammasava – *Tiểu III*, 114 (108)

Ngài theo gương người con, nói rằng: "*Con ta từ bỏ đời sống thế tục khi còn trẻ như vậy, sao ta không noi theo gương?*". Rồi ngài tìm gặp Thế Tôn xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán và nói lên bài kệ:

108. *Với tuổi **trăm hai mươi**,
Ta xuất gia không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

352 Trăng - Như trăng thoát vùng mây - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkuta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-

hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.

548. **Với ai khéo tu tập,**
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.

549. **Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,**
Dầu tài sản kiệt tận,

***Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.***

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vi diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,

*Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.*

*556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

353 Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo mồi - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua**, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây **thiền định**,
thiền quán và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

354 Tránh ác, gần thiện - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – *Tiểu III, 209* (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiên định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

355 Trạo củ - Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến ta phải đánh - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

356 Trạo cử - Được Đức Phật nhắc nhở và chứng quả - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

357 Trạo cử - Sấm trạo cử nỗ vang, Mây kiết sử bao phủ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết *thương*,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy **man trá, tật đố**,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

358 Trạo hôi - Này tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. *Tâm đi đến hỷ mạn,
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Này tâm, ta gọi người,
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi người,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của người,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

359 Trí kim cang - Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì của thức - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

Migajàla – *Tiểu III*, 269 (217)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. *Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.*

418. *Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.*

419. ***Phá vỡ gốc vô trí,
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cang đánh nát,***

Mọi chấp trì của thức.

420. *Cảm thọ được phơi bày,
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hổ than hùng,
Được tùy quán bởi trí.*

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường **Thánh tám ngành**,
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.

360 Tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III*, 407 (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: "**Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!**"

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tể nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

859. **Hạnh viên ly**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

860. **Không giao du**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

862. *Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây quán đảnh thứ hai.*

863. *Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm gươm,*

Ta đã sống sợ hãi.

864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên **giới uẩn**,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

361 Trí tuệ - Bình khí trí tuệ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng **đâm**, ta run,
Như lá bị **gió thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** sanh.

756. Ta không thấy **lượng y**,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tạt đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

362 Triển khai thiền quán dục vọng và chứng quả - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – Tiểu III, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

*251. Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vực ma,**
*Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

253. *Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

363 Triển khai thiên quán khi mẹ dụ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84

Atuma – *Tiểu III*, 84 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là *Atuma*.

Khi ngài lớn lên, *mẹ* ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình.

Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, *mẹ* ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

*72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.*

Khi ngài đang đứng nói chuyện với *mẹ* ngài, ngài **triển khai thiên quán**, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A-la-hán.

364 Triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuần thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tự tứ xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khiến cho đời con,*

Sầu muộn bị va chạm.

Ngài suy nghĩ: *"Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền"*.

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

365 Triển khai thiền quán tánh sanh diệt của năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, **được ăn một bữa ăn thích hợp**, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.

366 Triển khai Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sīla Vāṇiṃya – Tiểu III, 16

Sīla Vāṇiṃya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhūta, ngài được sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhūta.

Với ba người bạn *Bhūmija*, *Jeyyasena* và *Abhirādana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavāṇiṃya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

367 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiên quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

368 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32

Cittaka – Tiểu III, 32 (22)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, *Cittaka* đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa **giới luật làm đề tài tu tập**, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với **thiền quán khai triển**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

*22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

369 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

370 Triển khai thiên quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiên quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiên quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,*

Nhiếp phục con voi rừng.

Nhờ làm vậy, thiên quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

371 Triển khai thiện quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III, 94 (84)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiện quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

372 Triển khai thiện quán và chứng quả - Kinh Sīha – Tiểu III, 93

Sīha – *Tiểu III*, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là *Sīha*.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sīha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiện quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

373 Triển khai Thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

374 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

375 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài**, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,
Hơn bất hạnh chúng tôi.*

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.

Rồi vị Tỷ-kheo, như con ngựa hay được thúc đẩy, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

376 Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83

Vacchapàla – *Tiểu III*, 83 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và *Vacchapàla*.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của *Uruvela Kassapa* trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,*

Chúng được không khó khăn.

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

377 Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74

Pakkha – *Tiểu III*, 74 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda.

Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là **Pakkha (vị què quặt)** và giữ lại tên ấy.

Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng.

Một hôm vào làng khát thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con **điều hâu** ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con điều hâu khác bay theo đàn cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "**Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ**". Ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

63. *Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,
Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.*

378 Triển khai thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

379 Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savaniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

*67. Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

380 Triển khai thiên quán về sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – *Tiểu III, 89 (79)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiên quán, ngài **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,

*Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

381 Trời dễ chịu, Tâm được thiên định - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiên định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,*

Với cỏ, màu xanh tươi,
Mở đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Âm ý tốt, thiện tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, chứng quả A-
la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

382 Trôi dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

383 Trời mát, tâm định và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – *Tiểu III*, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

384 Trời mát, thiên định, thiên quán, và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiên định, thiên quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

385 Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234

Girimànanda – *Tiểu III*, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ướm. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

386 Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng.

Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển khai lòng từ**. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,*

*Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

387 Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích tụ hội - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

388 Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

125. *Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

126. *Này khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,*

*Ngươi đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

389 Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. *Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,*

Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,**
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

390 Trong hai mươi lăm năm, Đoạn dứt được ngũ nghĩ - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vải từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xòa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

391 Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi ta - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

392 Trống rỗng - Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – *Tiểu III*, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. *Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mối cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,*

*Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

393 Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi làng đốt cắn - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41

Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratīrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi làng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi làng đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

394 Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều cõi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

395 Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137

Vasabha – Tiểu III, 137 (130)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì.

Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dân cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiếu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ **Sakka** (Đế Thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "*Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?*" Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,*

*Họ khéo giết tự ngã,
Như chim mỗi, mỗi chim.*

*140. Không phải Bà-la-môn,
Vội dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Vội ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujà.*

396 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

397 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. *Hãy tu tập con đường,
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có Tám ngành,
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1117. *Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1118. *Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

398 Trưởng lão Abhaya - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106

Abhaya – Tiểu III, 106 (98)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: "*Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm*".

Từ bỏ tâm tư ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

399 Trưởng lão Abhaya - Kinh Abhaya – Tiểu III, 35

Abhaya – Tiểu III, 35 (26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là **con vua Bimbisàra** (Bình-sa). Giáo chủ Nàtaputta dạy ngài một mưu chước để đánh bại Sa-môn Gotama trong cuộc tranh luận, nhưng trong câu trả lời của Sa-môn Gotama, ngài thấy sự thất bại của giáo chủ phái Ni-kiền Tử và sự sáng suốt của Sa-môn Gotama. Do vậy, sau khi vua từ trần, Abhaya xuất gia.

Nhờ nghe giảng kinh Ví dụ cái lỗ trong cây gỗ, ngài chứng quả Dự lưu. Rồi với sự cố gắng tinh cần, ngài chứng quả A-la-hán.

Do vậy, phần khởi trước thành quả đạt được, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*26. Nghe được lời khéo giảng,
Bậc bà con mặt trời,
Ta đâm thủng tình vi,
Như tên chẻ ngọn tóc.*

400 Trưởng lão Abhibhùta - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206

Abhibhùta – Tiểu III, 206 (182)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vetthapura, đặt tên là Abhibhùta, và khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản đất đai.

Khi đức Phật đến tại thành phố, trong dịp Thế Tôn du hành, Abhibhùta đến nghe Thế Tôn thuyết pháp, và mai sáng mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, **xuất gia và chứng quả A-la-hán.**

Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến than van với ngài và ngài đã từ bỏ họ, không để lại một vị lãnh đạo. Và ngài thuyết pháp cho họ nói lên lý do xuất gia của ngài:

254. *Hãy nghe mọi bà con,
Những ai đã đến đây,
Ta thuyết pháp cho ông,
Tái sanh là đau khổ.*

255. *Hãy tỉnh cần, ra đi,*

*Chú tâm lời Phật dạy,
Đánh bại quân lực ma,
Như voi, nhà cỏ lau.*

**256. Ai trong Pháp Luật này,
Sẽ sống không phóng dật,
Từ bỏ dòng tái sanh,
Sẽ chấm dứt khổ đau.**

401 Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119

Adhimutta – Tiểu III, 119 (114)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sàvatthi, tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản.

Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

*114. Trong nếp sống tâm tư,
Hướng về **hạnh từ bỏ**,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nề như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?*

402 Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – Tiểu III, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,

*Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?*

Adhimutta trả lời:

*707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.*

*708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.*

*709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.*

*710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.*

711. Bờ kia đến, không thủ,

Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sắt sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
*Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.*

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ẩn sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?**

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,**

Không sợ hãi, thưa ngài.

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sâu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,
Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sầu não.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.

403 Trưởng lão Ajina - Kinh Ajina – Tiểu III, 133

Ajina – Tiểu III, 133 (125)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một Bà-la-môn nghèo, và khi sanh ngài được đặt trong một tấm da dê rừng, do vậy được đặt tên là Ajina.

Sống trong sự bần cùng, ngài chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng. Khởi lòng tin, ngài xuất gia và không bao lâu, chúng được pháp Thương nhân.

Khi chúng được quả A-la-hán, vì **nghiệp duyên quá khứ, ngài không được cung kính và biết đến.** Một số Sa-di không biết khinh thường ngài, ngài làm họ dao động với bài kệ:

*129. Nếu chúng được Ba minh,
Đoạn tử, không lậu hoặc,
Vị ấy vẫn có thể,
Không được người biết đến,
Và kẻ ngu không biết,
Có thể sanh khinh thường.*

130. Khi người ấy nhận được,

*Đồ ăn uống cúng dường,
Dầu cho có ác pháp,
Vẫn được họ kính trọng.*

404 Trưởng lão Ajita - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

405 Trưởng lão Ajjuna - Kinh Ajjuna – Tiểu III, 97

Ajjuna – Tiểu III, 97 (88)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một nghị sĩ, được đặt tên là *Ajjuna*.

Khi lớn lên, ngài liên hệ với phái Ni-kiền-tử, xuất gia trong tôn phái này khi còn trẻ, nghĩ rằng sẽ tìm được đạo giải thoát. Nhưng ngài không tìm được gì trong giáo hội ấy, ngài gặp bậc Đạo Sư, khởi lòng tin, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hân hoan trong quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ này:

88. *Ta có thể tự mình,
Kéo nước từ đất liền,
Như nước lớn cuốn trôi,
Ta thể nhập sự thật.*

406 Trưởng lão Ananda - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – *Tiểu III*, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói **ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình**, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. **Sau khi nghe bài thuyết pháp của Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm *thị giả đặc biệt*.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một *thị giả thường trực*, có Tỳ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.**

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hân hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta**:

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,*

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

*1019. Với bậc tin, dễ thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

*1021. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.***

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

*1022. **Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,***

*Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

*1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

*1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

*1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,*

Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

*1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Năm giữ điều khéo năm,*

Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ **đức kham nhẫn**,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. **Nghe nhiều, thọ trì pháp**,
Có **tuệ**, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. **Nghe nhiều thọ trì pháp**,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. **Ưu pháp, vui thích pháp**,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng
nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nặng chằng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân lạc**,
Từ đâu, **Sa-môn lạc**?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi**
nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bạc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,

*Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1043. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1044. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

*1045. Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

*1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.*

*1047. Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,*

Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

407 Trưởng lão Anganika Bhàradvāja - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvāja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvāja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh**, ngài **xuất gia**, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvāja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn,**

và chấp nhận giáo hội này?" Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

408 Trưởng lão Angulimàlà - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khi được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

*Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.*

*869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.*

*870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.*

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chặn lại,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỳ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

409 Trưởng lão Anjana Vaniya - Kinh Anjana Vaniya – Tiểu III, 64

Anjana Vaniya – *Tiểu III*, 64 (55)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị **vua** trị vì nước Vajja.

Khi ngài lớn lên, ba tai họa lớn đe dọa dân chúng Vajja: nạn hạn hán, nạn bệnh tật, và nạn phi nhân. Sự kiện này được ghi chép trong tập số kinh Ratanasutta.

Khi Thế Tôn làm cho dân chúng Vesali bớt sợ hãi, một số đông đến nghe ngài giảng. Con của vua cũng được nghe, khởi tín tâm và xuất gia.

Khi làm xong các học tập sơ khởi, ngài sống trong rừng Anjana, ở Saketa. Khi trời mưa sắp đến, ngài tìm được một giường nằm người ta quăng bỏ, đặt nó trên bốn tảng đá, phía trên và phía chung quanh lợp cỏ. Ngài làm một cái cửa và như vậy làm được một chỗ ở cho mùa mưa. Sau **một tháng tu tập, ngài chứng quả A-la-hán**.

Sung sướng với niềm giải thoát của mình, ngài phấn khởi nói lên bài kệ:

55. Làm am thất giường nằm,
Sâu trong rừng An-ja,
Ba minh được chứng đạt,
Làm xong lời Phật dạy.

410 Trưởng lão Anna Kondanna - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360

Anna Kondanna – Tiểu III, 360 (246)

Sanh trước Thế Tôn tại làng Donavatthu, không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là **Kondanna**.

Lớn lên, ngài biết ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến *đoán tướng*. Dầu ngài mới học nghề, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đũa bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia.

Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc *hai mươi chín* tuổi, Kondanna được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như Vappa v.v... và trong *sáu năm* sống ở Uruvelà, gần vị Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư Tiên đạo xứ).

Rồi đức Phật đến Isipatana, thuyết **kinh Chuyển Pháp Luân** cho họ, và Kondanna cùng hàng vạn Phạm Thiên chứng được Sơ quả. Đến *ngày*

thứ năm, nhờ bài **kinh "Vô Ngã Tướng"**, Kondanna chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là **bậc Đệ nhất** trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo (Xem. Ang. i. 26).

Và trong một trường hợp khi Kondanna giảng về **Bốn sự thật**, đề cập đến ba tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

673. *Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.*

Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối năng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

674. *Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,
Tướng tịnh rất hấp dẫn,*

Liên hệ đến tham dục.

675. *Như gió thổi tung bụi,
Được mây trần áp xuống,
Các **tư duy** lắng dịu,
Khi thấy, với trí tuệ.*

676. *Mọi hành là **vô thường**,
Khi thấy với trí **tuệ**,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây **con đường đến tịnh**.*

677. *Mọi hành là **đau khổ**,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây **con đường đến tịnh**.*

678. *Mọi pháp là **vô ngã**,
Khi thấy với trí **tuệ**,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây **con đường đến tịnh**.*

Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy,
và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. *Trưởng lão Kondanna,
Giác ngộ bởi giác ngộ,*

Đã sắc bén thoát ly,
Đoạn tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bộc lưu, bấy mỗi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bấy mỗi,
Chặt tảng đá khó phá,
Hành thiên, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bộc lưu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.

682. Bậc trí không hoảng hốt,
Không dao động, thận trọng,
Các căn khéo chế ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.

683. Một người đen, gây mòn,

*Yếu ồm, đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.*

*683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.*

*684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

*685. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

*686. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*687. Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,*

Ta cần gì ở rừng.

411 Trưởng lão Anupama - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi người,**
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi người,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của người,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,

Đến chỗ có hại ta!

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

412 Trưởng lão Anuruddha - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thân thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.

911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.

912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

413 Trưởng lão Atuma - Kinh Atuma – Tiểu III, 84

Atuma – *Tiểu III, 84* (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là *Atuma*.

Khi ngài lớn lên, *mẹ* ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình.

Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, *mẹ* ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

*72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.*

Khi ngài đang đứng nói chuyện với *mẹ* ngài, ngài **triển khai thiên quán**, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A-la-hán.

414 Trưởng lão Bàkula - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức**

khỏe đệ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

415 Trưởng lão Bandhura - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110

Bandhura – Tiểu III, 110 (103)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silavatì, con của một người nghị sĩ được đặt tên là *Bandhara*.

Một hôm, đi đến Sàvatthi có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thế Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, **xuất gia và chứng quả A-la-hán**.

Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến Silavatì để thuyết pháp, giảng cho vị vua về **Bốn sự thật**. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khát thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sàvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: "*Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!*"

Ngài trả lời: "*Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với **vị của Chánh pháp***". Và ngài nói lên bài kệ:

103. Ta không có cần thiết,

*Việc này hay vật này,
Ta sống trong hạnh phúc,
Thọ hưởng được pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt,
Tối thượng và đệ nhất,
Ta sẽ không thân thiết,
Với thuốc độc nọc độc.*

416 Trưởng lão Belatthakàni - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiên quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

417 Trưởng lão Belatthasisa - Kinh Belatthasisa – Tiểu III, 26

Belatthasisa – *Tiểu III*, 26 (16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn. Trước khi đức Phật thành đạo, ngài đã xuất gia *theo giáo đoàn của Kassapa ở Uruvelà* và thờ lửa.

Khi Kassapa được đức Phật giáo hóa, ngài là một trong ngàn người đệ tử của Kassapa chứng được quả A-la-hán, khi nghe đức Phật giảng kinh *Adittápariyàya sutta (Kinh Lửa Cháy)*.

Sau ngài trở thành vị giáo thọ của Tôn giả Ananda. Một hôm, nghĩ đến sự an lạc thuần tịnh của quả chứng, và sự tu hành ban sơ của mình, ngài nói lên bài kệ diễn tả sự hân hoan của ngài:

16. Như vật hiền giống tốt,
Với sừng, kéo cái cày,
Đi đứng không mệt nhọc,
Cũng vậy, ta ngày đêm,
Đi đứng không mệt nhọc,
Được lạc không thể vật.

418 Trưởng lão Bhadda - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288

Bhadda – Tiểu III, 288 (226)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khẩn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: *"Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!"*.

Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: *"Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn"*.

Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài phát triển thiền quán và chúng được sáu thắng trí.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: "Hãy đến này Bhadda!" Ngài đến, chấp tay đánh lễ bậc Đạo Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì.

Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất,
Được cha thương, mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật.*

475. *Được đưa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tế nhị,
Được nuôi chiều sẵn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,
Nó sẽ thành thuần lương.*

477. *Sau khi bậc Đạo Sư,*

*Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
**Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.***

*478. Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,
Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

*479. **Từ sanh, đến bảy năm,**
Ta được thọ Đại giới,
Ba mình ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

419 Trưởng lão Bhaddaji - Kinh Bhaddaji – Tiểu III, 153

Bhaddaji – *Tiểu III, 153* (142)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Bhaddiya (tại Avantì phía Đông Magadha), con một nghị sĩ giàu có đến tám trăm triệu, ngài được đặt tên là *Bhaddiya* và được nuôi lớn trong sự nuông chiều sang trọng, giống như vị Bồ-tát trong đời sống cuối cùng của ngài.

Tập sớ kể câu chuyện của ngài chứng quả A-la-hán khi nghe đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, chính đức Phật đích thân đến tìm ngài. Ngài đi theo bậc Đạo Sư với hàng tùy tùng, sau một tuần đến tại Kotigàma, và đi lánh đến bờ sông Hằng, ngài nhập thiền định. Ngài chỉ xuất định, khi đức Phật đến gần và không vâng lời các vị Trưởng lão đi trước.

Để xác minh quả chứng vô thương của ngài, đức Phật mời ngài lên chiếc phà của Ngài và yêu cầu ngài hiện thần thông. Bhaddiya làm nổi lên cung điện bị chìm, khi ngài trú tại đây, trong thời ngài là vua Panàda. Câu chuyện này được kể trong **chuyện Jātaka Mahāpanāda**. Ngài diễn tả lâu đài bằng vàng, trong ấy ngài đã sống trong một thời gian.

Rồi ngài nói về ngài khi *tự ngã được đoạn diệt*, như
là thuộc một người khác:

*163. Pa-nà-đa là tên,
Của vị hoàng đế ấy,
Với trụ lễ bằng vàng,
Ngang có mười sáu nhà,
Tính về lượng bề cao,
Cao hơn một ngàn lần.*

*164. Có đến ngàn tam cấp,
Với trăm nóc hình tròn,
Trang hoàng với cờ xí,
Với ngọc báu chói sáng,
Ở đây, Càn-thát-bà,
Các tiên nữ hát múa,
Con số lên sáu ngàn,
Với tổng số bảy đoàn.*

420 Trưởng lão Bhaddiya Kàligodhàyaputta - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III*, 407 (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: "**Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!**"

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tế nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,*

Là con của Gô-dha.

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

859. **Hạnh viễn ly**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

860. **Không giao du**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

862. Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây **quán đảnh thứ hai**.

863. Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,

Với lính tay cầm gươm,
Ta đã sống sợ hãi.

864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên *giới uẩn*,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

421 Trưởng lão Bhagu - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lộ,
Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

422 Trưởng lão Bhalliya - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Pokkharavatì, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chết,
Với đao binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

423 Trưởng lão Bhàradvāja - Kinh Bhàradvāja – Tiểu III, 161

Bhàradvāja – Tiểu III, 161 (149)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá). Trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên theo dòng họ là Bhàradvāja.

Lập gia đình, ngài có một người con trai tên là *Kanhadinna*. Đến tuổi đi học, ngài gửi người con đi Takkaṣiḷa, giữa đường người con làm quen với một vị Trưởng lão, đệ tử bậc Đạo Sư, nghe vị ấy thuyết pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Bhàradvāja, được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở tịnh xá Trúc Lâm, xuất gia và cũng chứng quả A-la-hán. Kanhadinna đến yết kiến bậc Đạo Sư ở Rājagaha (Vương Xá), và **sung sướng thấy phụ thân mình ngồi cạnh đức Bổn Sư.** Được biết phụ thân đã chứng quả A-la-hán, muốn phụ thân rống tiếng rống con sư tử, nên hỏi đã chứng được mục đích Phạm hạnh chưa, ngài trả lời với những câu kệ như sau:

Rống tiếng rống:

177. Như những con sư tử,

Trong hang động núi non,
Rống tiếng rống sư tử,
Cũng vậy với trí tuệ,
Bạc anh hùng thắng trận,
Thắng ma và ma quân.

178. Ta hầu bậc Đạo Sư,
Đánh lễ Pháp và Tăng,
Ta hân hoan vui vẻ,
Thấy con chúng vô lậu.

424 Trưởng lão Bharata - Kinh Bharata – Tiểu III, 160

Bharata – *Tiểu III*, 160 (148)

Khi em trai *Nandaka* nói lên chánh trí của mình, *Bharata* khởi lên ý kiến hai anh em cùng đi đến yết kiến đức Phật, trình lên đức Phật biết quá trình đời sống Phạm hạnh của mình.

Rồi ngài nói với *Nandaka* những bài kệ như sau:

*175. Hãy đến Nandaka,
Chúng ta hãy cùng đi,
Đi đến bậc Giáo thọ,
Chúng ta hãy rống lên,
Tiếng rống con sư tử,
Trước mặt Phật tối thượng.*

*176. Ân sĩ thương chúng ta,
Khích lệ ta xuất gia,
Mục đích chúng ta đạt,
Mọi kiết sử đoạn tận.*

425 Trưởng lão Bhùta - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307

Bhùta – Tiểu III, 307 (232)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bện lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là *Bhùta*, vì do nguyện cầu được sanh ngài: "Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ".

Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa.

Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trói buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

520. Khi với **tuệ**, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

521. Khi tu tập **con đường**,
Không sâu, không cầu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống, mây giông tố,
Khắp con đường chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngồi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Với nhiều màu nhiều sắc,
Với tâm tư thoải mái,
Ngồi thiền trên bờ sông,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có ngà, có nanh,
Đang sống đang gặm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngồi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi **tâm tứ** chế ngự,
Giữa núi, trong hang động,
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ, không chướng ngại,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngồi được **hỷ lạc**,
Không ướ chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,
Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngồi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

426 Trưởng lão Brahmadata - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *ngũ*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, **trí** giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.*

442. *Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,*

*Người ấy tê ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.*

443. *Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
**Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.***

444. *Là thầy thuốc cả hai,
Cho mình và cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.*

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này, cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp để đối trị phần nộ:

445. *Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,
Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

446. *Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niêm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.*

427 Trưởng lão Brahmàli - Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180

Brahmàli – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến **tịnh chỉ**,
Như được khéo **điều phục**,
Bởi đánh xe **điều ngự**,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có **lậu hoặc**,*

*Chư Thiên rất ái mộ,
Những vị có hạnh ấy.*

*206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

428 Trưởng lão CakkuPàla - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahàsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ"*.

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tư với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. *Dầu ta có bị mù,*

*Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.*

429 Trưởng lão Candana - Kinh Candana – Tiểu III, 222

Candana – *Tiểu III, 222* (194)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sinh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứa con thơ,
Người vợ đến với ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,**
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.

300. **Rồi ta tự tác ý,**
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

430 Trưởng lão Channa - Kinh Channa – Tiểu III, 80

Channa – Tiểu III, 80 (69)

Khi Thế Tôn còn sống trong gia đình vua Suddhodana (Tịnh Phạn), ngài xuất thân từ con một người nô lệ và được đặt tên là *Channa*.

Sống đồng thời với đức Phật, ngài khởi lòng tin đức Thế Tôn, khi bậc Đạo Sư về thăm lại gia đình, rồi ngài xuất gia. Vì lòng thương mến Thế Tôn, vì **tự phụ tự đắc** đối với "*Đức Phật của chúng ta, giáo pháp của chúng ta*" ngài **không** thể chinh phục khuyết điểm này và **không** làm tròn bổn phận của một người Sa-di.

Khi Thế Tôn mệnh chung, theo lời dặn của Thế Tôn cần phải phạt nặng Channa, ngài xấu hổ, chế ngự được khuyết điểm này, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sung sướng với quả chứng của mình, ngài nói lên sự sung sướng của mình trong bài kệ như sau:

*69. Sau khi nghe Chánh pháp,
Vị ngọt lớn pháp lớn,
Do nhất thiết thắng trí,*

*Thuyết giảng và trình bày,
Ta dẫn thân trên đường,
Đường đưa đến bất tử,
Ngài thật bậc thiện xảo,
Con đường diệt khổ ách.*

431 Trưởng lão Cittaka - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32

Cittaka – Tiểu III, 32 (22)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, *Cittaka* đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa **giới luật làm đề tài tu tập**, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với **thiền quán khai triển**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

*22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

432 Trưởng lão Cùla Gavaccha - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22

Cùla Gavaccha – *Tiểu* III, 22 (11)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia.

Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavachha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, **phát triển trí tuệ** và chứng quả A-la-hán.

Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

*11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được **đạo tịch tịnh**,
Hành dừng lại an lạc.*

433 Trưởng lão Cùla Panthaka - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlaseththi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Vớ cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. *Đạo Sư thương xót ta,*

Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,

*Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.*

*566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.*

434 Trưởng lão Cùlaka - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – *Tiểu III*, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Culàka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, *tâm* ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,*

Với cỏ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, chứng quả A-
la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

435 Trưởng lão Dabba - Kinh Dabba – Tiểu III, 14

Dabba – *Tiểu III*, 14 (5)

Ngài sanh ra trong gia đình của dân tộc Mallà ở Anupiyà. Khi mới **bảy tuổi**, ngài được thấy bậc Đạo Sư khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài.

Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi ngài xin phép bà nội cho được xuất gia với bậc Đạo Sư, mẹ ngài đã mất khi **sanh ngài**. Bà nội ngài đưa ngài đến yết kiến đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Ngài với nghiệp nhân quá khứ với ước vọng tương lai đang chín muồi, nên **chứng được bốn quả liên tiếp chính trong khi ngài được cạo tóc**.

Khi bậc Đạo Sư từ giã xứ Mallà để đi về Vương Xá, Dabba thiên quán một mình, và muốn dùng thân để phục vụ giáo hội và nhận công việc phân phối chỗ ngủ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo Sư chấp nhận công việc làm này, xác nhận sự thành công của ngài, khả năng *thần thông* của ngài, với ngón tay chói sáng của mình soi sáng cho các đồng Phạm hạnh về chỗ ngủ. Các sự việc này được nói đến trong Luật tạng.

Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với Mettiya và Bhummajika vu khống, làm hại và ngài được giáo

hội che chở và biện minh, Tôn giả Dabba ý thức được lòng từ của mình đối với các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau:

*5. Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Dabba tự biết đủ,
Nghĩ ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không sợ hãi,
Dabba trú tịch tịnh.*

436 Trưởng lão Dàsaka - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lăn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, **Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

437 Trưởng lão Devasabha - Kinh Devasabha – Tiểu III, 108

Devasabha – *Tiểu III*, 108 (100)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca, và được đặt tên là *Devasabha*.

Khi lớn lên ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ Koliya, ngài xin quy y ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn, lần này ngài xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán.

Trú trên an lạc giải thoát, ngài nói lên sự phấn khởi của ngài với bài kệ như sau:

*100. Thành tựu chánh tinh tấn,
Sở hành trên niệm xứ,
Tràn đầy hoa giải thoát,
Sẽ nhập diệt, vô lậu.*

438 Trưởng lão Devasabha - Kinh Devasabha – Tiểu III, 97

Devasabha – Tiểu III, 97 (89)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài là con của một hoàng tộc, lên ngôi **vua** khi còn trẻ. Nhưng khi tỉnh ngộ, ngài đi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, từ bỏ ngôi vua, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài hân hoan khi nghĩ đến những uế nhiễm ngài đã từ bỏ, và nói lên bài kệ này:

89. *Vượt khỏi các bùn nhơ,
Từ vực thẳm trở về,
Thoát bọc lưu trói buộc,
Mọi kiêu mạn tiêu trừ.*

439 Trưởng lão Dhammapàla - Kinh Dhammapàla – Tiểu III, 179

Dhammapàla – *Tiểu III*, 179 (162)

Trong thời đức Phật hiện tại, **khi bậc Đạo Sư qua đời**, ngài sanh ở Avanti con một Bà-la-môn, được đặt tên là *Dhammapàla*.

Khi ngài đi từ Takkasilà về, học hành đã xong, ngài thấy một vị Trưởng lão ngồi một mình trong thảo am, được vị ấy thuyết pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và chúng được **sáu thắng trí**.

Trong khi ngài suy tư hoan hỷ trong vị ngọt giải thoát, hai Sa-di leo cây hái trái, bị cây gãy ngã xuống. Thấy vậy ngài lấy tay ôm đỡ hai người Sa-di, với **thần thông** đặt hai vị ấy xuống đất, không có bị thương. Và ngài dạy hai vị ấy với những bài kệ:

203. *Ai Tỷ-kheo trẻ tuổi,
Chú tâm hành lời Phật,
Tỉnh thức giữa người ngủ,
Vị ấy, đời không uống.*

204. *Do vậy, bậc Hiền trí,
Nhớ đến lời Phật dạy,*

*Chuyên tu **tín** và **giới**,
Hoan hỷ thấy Chánh pháp.*

440 Trưởng lão Dhammasava - Kinh Dhammasava – Tiểu III, 114

Dhammasava – Tiểu III, 114 (107)

Sanh tại xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình Bà-la-môn, bị thúc đẩy bởi điều kiện chín muồi, ngài chọn đời sống xuất gia, bỏ đời sống thế tục. Tìm gặp bậc Đạo Sư ở núi Nam Sơn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xin xuất gia, sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Hoan hỷ với quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*107. Cân nhắc, suy tư xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

441 Trưởng lão Dhammika - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224

Dhammika – Tiểu III, 224 (195)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia.

Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy **các Tỷ-kheo đều bỏ đi** và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,
Người hành trì Chánh pháp,*

Không đi xuống ác thú.

303. *Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

304. *Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

305. *Phá vỡ cội ung nhọt,
Nhỏ lên lười ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.*

Khi Thế Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ,

ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

442 Trưởng lão Dhaniya - Kinh Dhaniya – Tiểu III, 194

Dhaniya – Tiểu III, 194 (173)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá) trong một gia đình **thợ làm đồ gốm**, được đặt tên là *Dhaniya*, và tiếp tục làm nghề của ông cha.

Chính trong nhà của ngài, bậc Đạo Sư giảng cho **Pakkusati kinh *Dhātuvibhaṅgasutta***. Dhaniya nghe tin Pukkāsati (đã thành bậc A-la-hán) mệnh chung đêm ấy. Ngài nghĩ: "**Lời Phật dạy thật là sức mạnh lãnh đạo, chỉ có một đêm đã đủ giải thoát một người khỏi sự đau khổ tái sanh**". Rồi ngài xuất gia. Tuy vậy ngài vẫn tiếp tục nghề làm ngói lợp nhà. Bị đức Phật quở vì đã là am tranh bằng gạch, ngài quyết định sống giữa các Tỷ-kheo, và tại đây chứng quả A-la-hán.

Về sau, nhân dịp giáo giới các Tỷ-kheo tu tập khổ hạnh và xem hạnh mình cao hơn các người khác, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

*228. Nếu muốn mong đợi lạc,
Trong đời sống Sa-môn,*

*Chớ khinh y chúng Tăng,
Chớ khinh Tăng ẩm thực.
Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy sử dụng trú xứ,
Như rắn và như chuột.*

229. *Nếu muốn mong đợi lạc,
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy biết tự bằng lòng,
Với bất cứ việc gì,
Và hãy cương quyết tu,
Tu tập **hạnh nhất pháp**.*

443 Trưởng lão Ekadhamma Savanniya - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savanniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

67. *Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

444 Trưởng lão Ekavihàriya - Kinh Ekavihàriya hay Tissa Kumàra – Tiểu III, 316

Ekavihàriya hay Tissa Kumàra – *Tiểu III*, 316 (234)

Ngài sanh ra, sau khi đức Phật đã nhập Niết-bàn, là con trai nhỏ nhất của vua *Dhammàsoka*.

Vua *Asoka*, đến năm thứ 218 sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, đã thống nhất toàn thể Ấn Độ trong một đế quốc. Vua phong em trai thứ ngài là Tissa làm Phó vương, và vận động em ngài ủng hộ cho Giáo hội.

Còn ngài trong khi đi săn thấy Trưởng lão *Mahà Dhammarakkhita* ngồi dưới gốc cây, cảm xúc rất mạnh, tự mình muốn sống trong rừng. Khi ngài chứng kiến Trưởng lão hiện thần thông, ngài trở về lâu đài, và nói với vua *Asoka* ngài muốn từ bỏ cuộc đời thế tục. Vua *Asoka* không thể làm ngài thay đổi sự quyết định của mình. Tha thiết sống đời sống một ẩn sĩ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

537. **Khi trước mặt sau lưng,
Không có một người nào,
Như vậy an lạc lớn,
Sống một mình trong rừng.**

538. Ta sẽ đi một mình,
Đến ngôi rừng Phật khen,
Hưởng an lạc đã được,
Vị Tỷ-kheo thọ hưởng,
Nhờ sống đời tinh tấn,
Sống riêng chỉ một mình.

539. Ta sẽ gáp vào rừng,
Một mình, sống lý tưởng,
Ngôi rừng được loài voi,
Cuồng loạn sống tự do,
Trú xứ đem hoan hỷ,
Cho ẩn sĩ thiên định.

540. Trong ngôi rừng Sì-ta,
Với núi hang nước mát,
Sau khi rửa tay chân,
Ta kinh hành một mình.

541. Sống một, không sống hai,
Trong rừng lớn đẹp đẽ,
Ta sẽ sống tại đây,
Việc xong, không lâu hoặc.

542. Như vậy, ta muốn làm,
Mong ước nguyện thành tựu,

*Ta sẽ có lòng tin,
Không ai làm ai được.*

*543. Ta cột áo giáp lại,
Sẽ vào trong rừng sâu,
Ta không ra khỏi rừng,
Nếu chưa đạt lậu tận.*

*544. Trong khi gió nhẹ thổi,
Mát lạnh, thơm mùi hương,
Ta ngồi trên chỏm núi,
Ta sẽ phá vô minh.*

*545. Trên tám thảm hang động,
Trải đầy những hoa rừng,
Ta hưởng lạc giải thoát,
Tại vòng đai núi rừng.*

*546. Chí nguyện ta viên mãn,
Giống như mặt trăng rằm.
Mọi lậu hoặc tận trừ,
Nay không còn tái sanh.*

445 Trưởng lão Ekudàniya - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

446 Trưởng lão Eraka - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, **nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.**

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài **rất hối hận sở hành của mình** khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,
Khổ thay là các dục!
Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Không lạc là các dục!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.
Hỡi này Ê-ra-ka!
Hãy biết là như vậy.*

447 Trưởng lão Gahvaratīrya - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41

Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratīrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lầy rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lầy đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

448 Trưởng lão Gangàtiriya - Kinh Gangàtiriya – Tiểu III, 132

Gangàtiriya – Tiểu III, 132 (124)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi làm con một thị dân, được đặt tên là Datta. Trong đời sống thế tục, vì ngu si ngài phạm lỗi lầm, biết được lỗi lầm của mình, ngài sanh sầu khổ và xuất gia.

Hối hận vì hành vi của mình, ngài chọn đời sống khổ hạnh, ở trên bờ sông Hằng, làm một chòi lá để ở; do vậy, ngài được gọi là Gangàtiriya (người ở trên bờ sông Hằng). Ngài nguyện không nói với một ai, như vậy cả năm, ngài không thốt ra một lời nào.

Trong năm thứ hai, một nữ nhân trong làng thường cúng dường ngài, muốn biết ngài có cần hay không khi dâng sữa cúng dường, làm đồ sữa ra ngoài. Ngài mới nói: "*Thôi vừa rồi, bà chị*".

Nhưng đến năm thứ ba, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài ngang qua lời bài kệ, tán thán hạnh cũ của ngài:

*127. Trên bờ sông Hằng Hà,
Dùng ba lá thốt nốt,
Ta dựng lên cho ta,*

*Một chồi lá nho nhỏ,
Bát ta là cái ghè,
Dùng cúng sữa người chết,
Còn y áo của ta,
Lượm chắp từ đồng rác.*

*128. Suốt hai năm sống vậy.
Ta chỉ nói một chữ,
Trong khoảng năm thứ ba,
Khởi si ám tan tành.*

449 Trưởng lão Gavampati - Kinh Gavampati – Tiểu III, 47

Gavampati – Tiểu III, 47 (38)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của Yasa (Da-xá). Khi họ nghe Yasa xuất gia, tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống ở rừng Anjana tại Sàkela, và hưởng lạc giải thoát.

Khi bảy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại Anjana. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông Sarabhà. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trể la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo Gavampati can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với thần túc thông của mình, làm theo lời Phật dạy, dùng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dừng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông.

Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy Gavampati vì lòng từ bi nghĩ đến đời, đức Phật tán thán các hạnh của Gavampati với bài kệ:

38. Ai với thần túc thông,
Dừng đứng Sarabhu,
Chính Gavampati,
Không y lại, không động,
Vượt qua mọi trói buộc,
Chư Thiên đều đánh lễ,
Bậc Đại sĩ Mâu-ni,
Đã vượt qua sanh hữu.

450 Trưởng lão Gayà Kassapa - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,
Với ý nghĩa chân thật,*

Ta như lý quán sát.

347. *Ta tắm sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

451 Trưởng lão Ghodhika - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng.

Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển khai lòng từ**. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,*

*Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

452 Trưởng lão Girimànanda - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234

Girimànanda – *Tiểu III*, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ướm. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,

Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,

*Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.*

*328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.*

453 Trưởng lão Godatta - Kinh Godatta – Tiểu III, 355

Godatta – *Tiểu III*, 355 (245)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là *Godatta*. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán.

Một hôm, một con **bò** ngã quỵ xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng.

Con bò tức giận vì **sự tàn bạo** của ngài nói lên giọng người: "*Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!*".

Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: "Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?". Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. *Như con bò giống tốt,
Được huấn luyện tốt đẹp,
Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.*

660. *Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.*

661. *Sống trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phối,
Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sầu ưu,
Chính ngay trong đời này.*

662. *Hân hoan, khi được lạc,
Gặp khổ lại chán chường,
Kẻ ngu bị nã hại,*

*Chi phối cả hai đường,
Không thấy được như thật.*

663. Những ai giữa khổ lạc,
Người dật không chi phối,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan, chán chường.

664. Đối với *được* hay *mất*,
Vớ danh, vớ không danh,
Đối với *chê* hay *khen*,
Vớ khổ hay vớ lạc.

665. Chúng tôi dính chỗ nào,
Nhu giọt nước trên sen,
Bạc anh hùng mọi chỗ,
Được lạc, không bị bại.

666. Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng *không* được,
Hơn *được* không đúng pháp.

667. Người có danh, ít trí,
Người có trí, không danh,
Không danh, nhưng có trí,
Hơn ít trí, có danh.

668. Được khen bởi kẻ ngu,
Bị chê bởi kẻ trí,
Được kẻ trí **chê** bai,
Hơn được người ngu **khen**.

669. Lạc do dục đem lại,
Khổ do viển ly sanh,
Khổ do viển ly sanh,
Hơn **lạc do dục** sanh.

670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chết,
Làm **đúng** pháp, có **chết**,
Hơn **sống, làm phi pháp**.

671. Ai đoạn dục, phần nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu,
Sống ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.

672. Sau khi tu **Giác chi,**
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

454 Trưởng lão Gosàla - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.*

455 Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 136

Gotama – *Tiểu III*, 136 (129)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Gotama. Khi còn trẻ, ngài giao du với kẻ không tốt, bao nhiêu tài sản ngài cho một kỹ nữ.

Hối hận nếp sống bất chính của mình, ngài mơ thấy hình ảnh bậc Đạo Sư đang ngồi, với tâm tư hiểu biết tâm trạng của ngài. Bậc Đạo Sư biết được tiến bộ của ngài, sự thành tựu các nhân duyên thiết yếu, nên thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi con dao đựng đến tóc ngài, khi ngài đang thọ hưởng lạc thiên định và quả giải thoát.

Một cư sĩ hỏi ngài về tài sản của ngài, ngài thú nhận ngài sống không được nghiêm túc, sống phi Phạm hạnh, và với sự trong sạch hiện tại không có dục vọng, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*137. Bậc ẩn sĩ nằm ngủ,
Sống an lạc hạnh phúc,
Họ không bị **nữ nhân**,*

*Trói buộc và chi phối.
Nữ nhân, phải luôn luôn,
Phòng hộ và chế ngự.
Sự thật về nữ nhân,
Thật khó được chấp nhận.*

*138. **Hỡi này các đức vọng,
Ta quyết giết các người,**
Nay chúng ta đối người,
Không còn gì nợ nần,
Chúng ta nay đi đến,
Cảnh giới gọi Niết bàn,
Đi đến tại chỗ ấy,
Không còn có sầu muộn.*

456 Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quý,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tưởng, Phi phi tưởng.*

259. *Ta khéo biết **sinh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

457 Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – *Tiểu III, 331* (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tur tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

458 Trưởng lão Harita - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – *Tiểu III*, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,*

*Về sau chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

459 Trưởng lão Hàrita - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hướng thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

460 Trưởng lão Hatthàroha Putta - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,*

Nhiếp phục con voi rừng.

Nhờ làm vậy, thiên quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

461 Trưởng lão Herannakàni - Kinh Herannakàni – Tiểu III, 141

Herannakàni – Tiểu III, 141 (133)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một tay sai của vua Kosala và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy.

Được cảm hóa khi chứng kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), ngài cho người em trai thế chức vụ. Ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tìm cách khuyến em ngài từ bỏ nghề cũ, và thấy em ngài thích thú nghề của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau:

145. *Đêm ngày chạy, trôi qua,
Mạng sống bị tổn giảm,
Tuổi thọ người hủy diệt,
Như nước dòng suối con.*

146. *Kẻ ngu làm ác hạnh,
Không hiểu việc mình làm,
Về sau bị khổ đau,
Khi ác nghiệp chín muồi.*

Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua
nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

462 Trưởng lão Isidatta - Kinh Isidatta – Tiểu III, 125

Isidatta – *Tiểu III*, 125 (120)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong xứ Avanti, tại vườn Velugàma, làm con một người lữ hành trưởng, ngài trở thành bạn của **Citta**, một gia chủ ở Macchikasanda, bằng cách giao thiệp thư từ dầu cho hai người chưa gặp nhau.

Citta viết cho ngài về sự tuyệt diệu của đức Phật, gửi cho ngài tư liệu về tổ chức giáo hội, ngài cảm thấy xúc động mạnh và xin xuất gia, với sự chỉ đạo của Mahà Kaccàna (Đại Ca-chiên-diên).

Cuối cùng ngài chứng được **sáu thắng trí**, ngài quyết định đi đến yết kiến đức Phật, từ biệt Trưởng lão, và đi đến xứ Trung biên (thung lũng sông Hằng) yết kiến đức Bôn Sư.

Bậc Đạo Sư hỏi ngài về sự tiến bộ trên đường tu hành, ngài trả lời: "**Từ khi con tu tập trong Pháp và Luật của Ngài, mọi sầu khổ đều chấm dứt, và con sống không có sợ hãi**". Rồi ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

120. **Năm uẩn được rõ biết,
Đứng vững rể chặt dứt,**

***Khổ diệt đã đạt được,
Lậu hoặc diệt, ta chứng.***

463 Trưởng lão Isidinna - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tám lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dầu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. Ta thấy người cư sĩ,

Trì pháp với lời nói,

"Các dục là vô thường",

Họ ưa thích ái luyến,

Châu báu và vòng nhẫn,

Họ đón chờ vợ con.

188. Thật sự họ không biết,

Pháp như thật là gì?

Dầu họ có tuyên bố:

*"Các dục là vô thường!"
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyện tiếc,
Vợ con và tài sản.*

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

464 Trưởng lão Jambugàmika - Kinh Con Trai Của Jambugàmika – Tiểu III, 37

Con Trai Của Jambugàmika – *Tiểu III, 37* (28)

Ngài sanh ở Campà, con một cư sĩ tên Jambugàmika, và được gọi với tên cha.

Khi học tập hạnh Sa-di, ngài ở Sàketa, tại rừng Anjana, cha ngài sợ ngài không bền chí xuất gia, nên gửi ngài bài kệ để tìm hiểu ngài:

*28. Con có được thỏa mãn,
Với y phục mang mặc?
Con có được hoan hỷ,
Với trang sức điểm tô?
Và mùi hương thơm này,
Do giới con tỏa ra,
Chớ không do người khác
Tạo mùi thơm như vậy!*

Khi ngài đọc bài kệ này, ngài nghĩ rằng phụ thân ngài nghi ngờ ngài còn đang bị thế tục chi phối, và ngài cũng chưa thoát khỏi địa vị phàm phu. Do vậy, ngài cảm thấy xúc động, liền phát tâm tinh tấn tu hành và không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**. Với bài kệ

của người cha làm đề tài thiền quán, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Và vừa để nói lên chánh trí, vừa tán thán người cha, ngài nói lên bài kệ.

465 Trưởng lão Jambuka - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*

Thân đầy những bụi bặm,
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta **đứng chỉ một chân**,
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. **Sở hành ta nhiều vậy,**
Dẫn ta đến ác thú,
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. Hãy nhìn Phật ta quy,
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

466 Trưởng lão Jenta - Kinh Jenta – Tiểu III, 117

Jenta – Tiểu III, 117 (111)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), tại làng Jenta, con một vua địa phương. Khi đang còn trẻ, vì nghiệp duyên thúc đẩy, ngài muốn xuất gia, suy tư đến đời sống thoát tục.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, rồi xuất gia. **Tinh cần tu tập, hân hoan trong thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến quả chứng của mình, nhớ đến những phân vân phải gặp lúc trước, ngài phấn khởi nói lên bài kệ:

*111. Khó thay, đời xuất gia,
Khó thay, đời cư sĩ,
Sâu kín thay, Chánh pháp,
Khó kiếm thay, tài sản,
Lựa chọn thật khó khăn,
Nếp sống này, sống khác,
Khi tâm trí, luôn luôn,
Nghĩ đến lẽ vô thường.*

467 Trưởng lão Jenta - Kinh Jenta – Tiểu III, 270

Jenta – Tiểu III, 270 (218)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra làm con của vị cố vấn tế tự cho vua Kosala và được đặt tên là Jenta.

Khi lớn lên, ngài trở thành kiêu mạn với những quyền lợi về sanh, tài sản, địa vị, khinh bỉ những gì đáng phải kính trọng và cứng cỏi trong kiêu hãnh.

Một hôm, ngài đến gần bậc Đạo Sư đang thuyết pháp cho một số đông, nghĩ rằng: "*Nếu Sa-môn Gotama nói với ta trước, ta sẽ nói, ta không tự ý nói với Sa-môn Gotama!*". Thế Tôn không nói với Jenta, và Jenta vì lòng kiêu mạn cũng không nói. Sau cùng ngài nêu rõ lý do vì sao ngài đến và Thế Tôn nói với ngài như sau:

*An trú triền kiêu mạn,
Thật sự là không tốt,
Hỡi này Bà-la-môn,
Nên an trú lợi ích.
Điều thiện ông tầm cầu,
Khi ông đến tại đây,*

*Chỉ trên đây mà thôi,
Ông hãy nên an trú.*

Jenta nghĩ rằng: "Thế Tôn đã biết tư tưởng của ta, cảm thấy xúc động mạnh và đánh lễ chân Thế Tôn".
Rồi ngài thưa với bậc Đạo Sư:

*Với ai, không nên kiêu?
Với ai, cần cung kính?
Với ai, phải tôn trọng?
Cung kính ai là thiện?*

*Thế Tôn trả lời:
Với cha và với mẹ,
Với anh cả, với thầy,
Với các Bà-la-môn,
Với Sa-môn áo vàng,
Với những vị như vậy,
Nên cung kính tôn trọng,*

*Cung kính các vị ấy,
Là việc làm tốt lành.
Với các bậc La-hán,
Tịch tịnh và hữu học,
An tịnh, không cầu ướ,
Mọi kiêu mạn chấm dứt,
Khi đạt đến mục tiêu,*

Hãy tôn trọng vị ấy.

Với lời dạy này, Jenta chứng được quả Dự Lưu, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Nói lên sự thành công, ngài tuyên bố chánh trí của ngài:

423. *Ta say đắm tự kiêu,
Với sanh chủng, tài sản,
Kể cả với quyền lực,
Địa vị và dung sắc,
Ta sống kiêu mạn vậy.
Tham đắm và mê say.*

424. *Ta quá sức kiêu hãnh.
Xem không ai bằng ta,
Si mê, quá tự hào,
Kiêu căng và cống cao.*

425. *Mẹ cha và người khác,
Được cung kính tôn trọng,
Ta không lễ một ai,
Kiêu hãnh, không lễ phép.*

426. *Thấy lãnh đạo đệ nhất,
Tối ưu Điều Ngự Sư,*

*Như mặt trời sáng chói,
Cầm đầu chúng Tỷ-kheo.*

427. *Gạt bỏ mạn, kiêu hãnh,
Vội tâm thật an lành,
Vội đầu ta đánh lễ,
Bậc tối thượng chúng sanh.*

428. *Quá mạn, ty liệt mạn,
Tì bỏ, nhỏ tận gốc,
Ngã mạn được chặt đứt,
Mọi loại mạn tận diệt.*

468 Trưởng lão Jotidàra - Kinh Jotidàra – Tiểu III, 140

Jotidàra – Tiểu III, 140 (132)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có, ở xứ Pàdiyattha, được đặt tên là Jotidàsa.

Khi đến tuổi trưởng thành, một hôm, ngài thấy Tôn giả Đại Ca-diếp (Mahà Kassapa) đi khát thực, ngài đón Tôn giả tại nhà và nghe Tôn giả thuyết pháp. Trên một ngọn đồi gần làng, ngài dựng lên một tinh xá lớn cho Tôn giả, cúng dường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết. Bị xúc động với lời dạy của Tôn giả, ngài xuất gia và không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Sau mười năm, ngài học ba Tạng (???), đặc biệt là Luật tạng, hầu hạ Tăng chúng và đi Sàvatthi cùng với một số đông Tỷ-kheo để yết kiến đức Phật.

Trên đường đi, ngài đi đến vườn của một ẩn sĩ, thấy một Bà-la-môn hành trì khổ hạnh năm pháp ngài hỏi: **"Này Bà-la-môn, sao Ông không đốt với một thứ lửa khác?"**

Vị Bà-la-môn tức giận trả lời: "Này kẻ trọc đầu kia, ngọn lửa khác là gì?" Trưởng lão trả lời:

*Sân, tật đố, ác hạnh,
Mạn, kiêu và tranh chấp,
Tham ái và vô minh,
Lòng ưa muốn tái sanh,
Những pháp này đốt cháy,
Thieu đốt cả thân ông.*

Rồi ngài thuyết pháp cho người ấy, và tất cả những người tin vào Phạm thiên xin ngài được xuất gia. Khi từ giã Sàvatthi, ngài đến thăm gia đình cũ của ngài và giáo giới các bà con như sau:

*143. Những ai dùng dây thừng,
Hành cướp giết nhiều cách,
Những dân họ hung bạo,
Làm não hại người khác,
Như vậy, họ gieo hại,
Vì **ng nghiệp** không tiêu mất.*

*144. Người nào làm nghiệp gì,
Nghiệp thiện hay nghiệp ác,
Họ thừa tự nghiệp ấy,
Loại nghiệp họ đang làm.*

469 Trưởng lão Kàludàyin - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312

Kàludàyin – *Tiểu III*, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

470 Trưởng lão Kanhadinna - Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162

Kanhadinna – Tiểu III, 162 (150)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*.

Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuần thực, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. *Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.*

180. *Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,
Tồn tại ở trong ta.*

471 Trưởng lão KankhaRevata - Kinh KankhaRevata – Tiểu III, 12

KankhaRevata – Tiểu III, 12 (3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Ngài chứng quả A-la-hán nhờ **hành thiền**, ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là **hành thiền đệ nhất**.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lẫn chiếm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoạn tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói:

*3. Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nhiếp phục nghi ngờ,
Cho những ai đi đến.*

472 Trưởng lão Kappa - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nồi thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

473 Trưởng lão Kappata Kura - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (*rách và gạo*).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,

*Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bắt tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.***

*200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.*

Bị đức Phật quở trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

474 Trưởng lão Kassapa - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuận thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tứ tử xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khiến cho đời con,*

Sầu muộn bị va chạm.

Ngài suy nghĩ: *"Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền"*.

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

475 Trưởng lão Kàtiyàna - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – *Tiểu III, 266* (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đa,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

476 Trưởng lão Kelakàni - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – *Tiểu III*, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng **đâm**, ta **run**,
Như lá bị **gió thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** sanh.

756. Ta không thấy **lượng y**,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tạt đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

477 Trưởng lão Khadira Vaniya - Kinh Khadira Vaniya – Tiểu III, 51

Khadira Vaniya – *Tiểu III*, 51 (42)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) tại làng Nàlaka, con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì.

Khi ngài lớn lên, mẹ ngài muốn ngài lập gia đình, nhưng khi nghe Sàriputta xuất gia, ngài bắt chước Sàriputta, đến các Tỷ-kheo xin được thọ giới, tự xưng là em trai của Sàriputta.

Khi ngài chứng quả A-la-hán tại rừng cây xương rồng, ngài đi đến Sàvatthi (Xá-vệ) để đánh lễ Thế Tôn, và ở lại một vài ngày tại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên). Rồi Thế Tôn, ngồi giữa đại chúng Tỷ-kheo, xác nhận ngài là Tỷ-kheo **ở rừng đệ nhất**.

Một thời khác, ngài đi đến làng sanh quán, **đem ba người cháu trai là con trai của ba người chị Cầlà, Upacầlà, Sisùpacầlà, cũng tên là Cầlà, Upacầlà và Sisùpacầlà cho chúng xuất gia**.

Một hôm ngài bị ốm và Sàriputta đi đến thăm, Revata muốn dạy cho ba người cháu chớ có phóng dật, nên khi thấy Sàriputta từ xa đến, bèn nói lên bài kệ:

42. Hỡi này cháu Càlà,
Này Upacàlà,
Sisùpacàlà,
Hãy sống, trú chánh niệm,
Vị đang đến các con,
Như vị bắn chẻ tóc.

478 Trưởng lão Khandasumana - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

479 Trưởng lão Khitaka - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III, 111* (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

480 Trưởng lão Khitaka - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, **xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phần khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phần khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

*191. Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

481 Trưởng lão Khujja Sobhita - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196

Khujja Sobhita – Tiểu III, 196 (175)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pàtaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là Khujja Sobhita (còm lưng).

Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bốn Sư vừa diệt độ, ngài được Tôn giả Ananda độ cho xuất gia và chúng được *sáu thắng trí*.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả Ananda đến dự đại hội. Lúc ấy, các **thiên nhân** cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

*233. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pàtaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,*

*Tên là Sobhita,
Có tật, bị còm lưng.*

Rồi vị **thiên nhân** tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita:

*234. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.*

Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

*235. Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.*

482 Trưởng lão Kimbila - Kinh Kimbila – Tiểu III, 147

Kimbila – *Tiểu III*, 147 (138)

Ngài gặp đức Phật, xúc động, xuất gia đã được nói trong chương một, với câu kệ: "Nhu bị cảm hóa bởi sức mạnh". Ở đây, vị Trưởng lão sống thân thiết với các bạn, các Tôn giả Anuruddha, Bhaddiya.

*155. Trong vườn trúc phía Đông,
Các Thích tử thân hữu,
Từ bỏ những tài sản,
Không phải là ít ỏi,
Vui thích với những gì,
Nhận được từ bình bát.*

*156. Siêng, tinh cần, tinh tấn,
Thường kiên trì hăng hái,
Ưu thích lạc pháp vị,
Từ bỏ lạc thế gian.*

483 Trưởng lão Kimliba - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123

Kimliba – Tiểu III, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yếm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ vô thường, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và

sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhấn mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

484 Trưởng lão KosalaVihàrim - Kinh KosalaVihàrim – Tiểu III, 69

KosalaVihàrim – Tiểu III, 69 (59)

Câu chuyện của ngài giống như chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Sau khi làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng, gần một làng trong nước Kosala, gần chỗ ở của một cư sĩ. Người này, thấy ngài ở dưới một gốc cây nên làm một cái chòi và cúng dường cho ngài.

Ở đây vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán. Với tâm tư hoan hỷ sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

*59. Do lòng tin, xuất gia,
Ta sống không gia đình,
Trong rừng, một chòi lá,
Được dựng lên cho ta,
**Ta sống không phóng dật,
Nhiệt tâm, niệm tỉnh giác.***

Đây là lời tuyên bố chánh trí của ngài và vì ngài ở lâu ngày ở Kosala, ngài được biết với tên là Kosalavihàrim (vị ở Kosala).

485 Trưởng lão Kosiya - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252

Kosiya – *Tiểu III, 252* (209)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha và được đặt tên là *Sona*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sàriputta thuyết pháp, tin tưởng ở nơi giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

*369. Ai hiểu những lời dạy,
Của các bậc Đạo Sư,
Bậc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bậc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.*

*370. Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bậc trí có kiên trì,*

Biết thù thắng trong Pháp.

371. *Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Tế nhị và vi diệu,
Bậc trí trú **bất động**,
Biết thù thắng trong Pháp.*

372. *Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thị,
Biết thù thắng trong Pháp.*

373. *Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.*

486 Trưởng lão Kula - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

487 Trưởng lão Kulla - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **đục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

488 Trưởng lão Kumàra Kassapa - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bắt chảnh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

489 Trưởng lão Kunda Dhàna - Kinh Kunda Dhàna – Tiểu III, 25

Kunda Dhàna – Tiểu III, 25 (15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được gọi là **Dhàna**. Thuộc lòng ba tập Vệ-đà, sau khi đã lớn tuổi, ngài nghe đức Phật thuyết pháp và xuất gia.

Khi vua Pasenadi nước Kosala đề ý đến ngài, cúng dường ngài các đồ dùng cần thiết nên ngài khỏi phải đi khát thực.

Khi nàng *Subhadda* mời bậc Đạo Sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm, lúc ấy Kunda Dhàna mới chứng tỏ quả chứng và sức mạnh của mình như đã được ghi chép trong tập số **Anguttara Nikàya**. Ngài nói lên các bài kệ này cho các vị Tỷ-kheo:

15. *Năm pháp Thầy cắt đứt,
Năm pháp Thầy từ bỏ,
Và năm pháp thượng nhân,
Thầy cố gắng tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm ái,
Được gọi vượt bậc lưu.*

490 Trưởng lão Kutivihàrim - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65

Kutivihàrim – Tiểu III, 65 (56)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi **phát triển thiền quán**, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: "*Ai ở trong chòi lá này?*" Ngài trả lời: "*Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá*" và nói lên bài kệ:

56. Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiện giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.

Rồi người giữ ruộng nói: "Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây".

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiễm phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

491 Trưởng lão Kutivihàrim - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiên nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ gián dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng**, và với **sự cố gắng** **phát triển thiên quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (*vị ở chòi lá*).

492 Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,

Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.

469. *Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.

471. Không biết được phần trong,

*Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chương ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

493 Trưởng lão Langha Rakkhita - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có con nai mẹ nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "Thật vậy, thế giới này bị **ái** triển trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
**Vị này vẫn không nghĩ,
Đến lời dạy Bốn Sự.***

*Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

494 Trưởng lão Lomasakangiya - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là *Lomasakangiya*.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "*Nhứt dạ hiền giả* - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,*

Hạnh cô độc viễn ly.

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

495 Trưởng lão Mahà Cunsa - Kinh Mahà Cunsa – Tiểu III, 139

Mahà Cunsa – Tiểu III, 139 (131)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nàlaka, con của nữ Bà-la-môn Rùpusàri và em trai của Sàriputta.

Ngài theo gương anh, xuất gia, và sau một thời gian ***tinh cần tu hành***, chứng được quả A-la-hán. Phấn khởi với quả chứng của mình và đời sống viễn ly, ngài nói lên bài kệ:

141. *Khéo nghe, nghe tăng trưởng,
Nghe tăng trưởng, phát tuệ,
Nhờ tuệ biết ý nghĩa,
Nghĩa được biết, lạc đến.*

142. *Hãy trú chỗ xa vắng,
Hãy sống, thoát kiết sử,
Tại đây, hỷ chưa đạt,
Hãy sống giữa chúng Tăng,
Tự ngã được chế ngự,
An trú trong chánh niệm.*

496 Trưởng lão Mahà Gavaccha - Kinh Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22

Mahà Gavaccha – Tiểu III, 22 (12)

Ngài sinh ra trong thời đức Phật tại thế, làm con của Sammiddhi, một Bà-la-môn ở làng Nàlaka, Magadha.

Ngài xuất gia vì Sàriputta đã xuất gia, và ngài biết Sàriputta rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán, và thọ hưởng lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập:

*12. Trí tuệ lực, giới hạnh,
Định, thiền lạc, chánh niệm,
Chỉ ăn những món ăn,
Đem lại quả tốt đẹp,
Ở đây, tham viễn ly,
Chờ đợi giờ mạng chung.*

497 Trưởng lão Mahà Kaccàyana - Kinh Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

498 Trưởng lão Mahà Kappina - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkuta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-

hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.

548. **Với ai khéo tu tập,**
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.

549. **Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,**
Dầu tài sản kiệt tận,

**Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vì diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,

*Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.*

*556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

499 Trưởng lão Mahà Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyển pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới gốc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa đồng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.

1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.

1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.

1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và
thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiền tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lờng được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

500 Trưởng lão Mahà Moggallàna - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài Sàriputta (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tỉnh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cám dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vói vú bị ung nhọt,
Thân Người, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Người, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Người,
Như ta biết được Người,
Người ấy tránh xa Người,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Long tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tối hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài **khuyến giáo người cháu của Sàriputta**, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

***An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,***

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

1169. *Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

1170. *Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

1171. *Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

1172. *Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

1173. *Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. *Hãy xem Tôn giả này,*
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. **Có nhiều chư Thiên này,**
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết**,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
Nnhư voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.

1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. Cũng vậy này Ác-ma,
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. Ác ma tạo ác nghiệp,
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. Điều ác Ác ma làm,

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

501 Trưởng lão Mahà Nàga - Kinh Mahà Nàga – Tiểu III, 259

Mahà Nàga – Tiểu III, 259 (212)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại Sàketa, con trai một Bà-la-môn tên Madhu Vàsettha và được đặt tên là *Mahà-Nàga*.

Ngài thấy thần thông do *Trưởng lão Gavampati* thực hiện trong khi Thế Tôn sống trong rừng Anjana, và khởi lòng tin, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão, và chứng quả A-la-hán nhờ vị này giáo huấn.

Ngay khi ngài an trú trong an lạc giải thoát, Trưởng lão Mahà-Nàga **thấy sáu Tỷ-kheo** thường hay không cung kính các vị đồng Phạm hạnh, và ngài giáo huấn họ với những bài kệ như sau, những bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài:

387. *Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng thói giảm diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.*

388. *Ai đối đồng Phạm hạnh,*

Không có sự cung kính,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.

389. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng xa rời Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.

390. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Không thối giảm diệu pháp,
Như cá được nước nhiều.

391. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Lớn mạnh trong diệu pháp,
Như giống tốt trong ruộng.

392. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Họ đến gần Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.

502 Trưởng lão Mahà Panthaka - Kinh Mahà Panthaka – Tiểu III, 304

Mahà Panthaka – Tiểu III, 304 (231)

Khi bậc Đạo Sư đi đến Ràjagaha, chuyển bánh xe pháp, **Panthaka, con đầu lòng của con gái một nhân viên giàu có trong Ủy ban thành phố, và một trong những người nô tỳ của phụ thân của người con gái,** cả hai thường đi đến ông ngoại để nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin với **thiền quán**.

Sau khi xuất gia, ngài trở thành thiện xảo trong lời dạy của bậc Đạo Sư và trong **bốn thiền**, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

An trú trong an lạc thiền quán và quả chứng, ngài hồi tưởng lại sự thành công của mình, và sung sướng rống tiếng rống con sư tử như sau:

510. *Khi đầu tiên ta thấy,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Xúc động khởi nơi ta,
Thấy được người Tối thượng.*

511. *Ai cả tay, cả chân,
Cầu khẩn thần may đến,*

Với cử chỉ như vậy,
Khiến Đạo Sư hoan hỷ,
Vị ấy không thể đạt,
Như sở nguyện của mình.

512. Còn ta đã từ bỏ,
Vợ con, tiền, lúa, gạo,
Sau khi cạo râu tóc,
Ta xuất gia không nhà.

513. Học, sinh hoạt đầy đủ,
Các căn khéo chế ngự,
Đánh lễ bậc Chánh giác,
Ta trú, không khuất phục.

514. **Rồi ta khởi ước nguyện,**
Tâm an trú tha thiết,
Ta quyết không ngồi nữa,
Dầu chỉ là một phút,
Cho đến khi rút được,
Rút mũi tên tham ác.

515. Ta an trú như vậy,
Hãy xem nhờ nỗ lực,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

516. Ta biết được đời trước,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Ta xứng được cúng dường,
Giải thoát khỏi sanh y.

517. *Như đêm trở thành sáng,*
Khi mặt trời mới mọc,
*Mọi **khát ái** khô kiệt,*
Ta vào, ngồi kiết-già.

503 Trưởng lão Mahākàla - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, *một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể*, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

504 Trưởng lão Mahàkotthita - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11

Mahàkotthita – Tiểu III, 11 (2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Thực hiện **thiền quán** từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,*

*Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

505 Trưởng lão Mahànàma - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đề tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tưởng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "***Ta sẽ giết nó!***" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,
Che kín trùm tất cả.*

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chúng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

506 Trưởng lão Malitavambha - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

507 Trưởng lão Mālunkya-putta - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262

Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Mālunkya, nên ngài được gọi là **Mālunkya-putta (con bà Mālunkya)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

508 Trưởng lão Mālunkyaputta - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392

Mālunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- Này Mālunkyaputta, ông nghĩ thế nào? *Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ở đây, này Mālunkyaputta, *khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.*

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. Ngửi **hương**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. Nếm **vị**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. Cảm **xúc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Âm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Âm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

509 Trưởng lão Mánava - Kinh Mánava – Tiểu III, 85

Mánava – *Tiểu III*, 85 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong nhà một Bà-la-môn có danh tiếng.

Trong **bảy năm**, ngài được nuôi dưỡng trong nhà, không ra ngoài đường. Khi được ra ngoài đường, ngài thấy một người **già**, một người **bệnh**, một người **chết**.

Được nghe thấy những sự kiện này, ngài phát lòng sợ hãi, đi đến tinh xá, nghe thuyết pháp, được cha mẹ cho phép, ngài được xuất gia. Rồi ngài **phát triển thiền quán**, **chứng quả A-la-hán**.

Khi ngài đến ngôi tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy, ngài tuyên bố chánh trí của ngài và nói lên bài kệ này:

*73. Ta thấy một người già,
Một người khổ bệnh hoạn,
Ta thấy một người chết,
Với tuổi thọ kiệt quệ,
Do vậy ta thoát ra,
Sống đời sống xuất gia,*

*Từ bỏ mọi dục vọng,
Hấp dẫn và thích ý.*

510 Trưởng lão Matanga Putta - Kinh Matanga Putta Con Của Mátanga – Tiểu III, 195

Matanga Putta Con Của Mátanga – *Tiểu III*, 195
(174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Mátanga, và được gọi là con của Mátanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

*230. Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

511 Trưởng lão Meghiya - Kinh Meghiya – Tiểu III, 77

Meghiya – Tiểu III, 77 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình một hoàng tộc Thích-ca, được đặt tên là **Meghiya** (như mây).

Lớn lên, ngài xuất gia hầu hạ Thế Tôn, khi Thế Tôn ở Càlikà, trên bờ sông Kimikàlà. Khi thấy một rừng xoài xinh đẹp, ngài muốn sống tại đây, nhưng hai lần Thế Tôn không chấp nhận, cuối cùng trước lời yêu cầu khẩn khoản, Thế Tôn cho phép. Nhưng ở đây vì tâm tư bất thiện không chế ngự được, vì bị ruồi muỗi cắn, nên tâm ngài không được định tĩnh và ngài lại về hầu hạ Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

Này Meghiya, khi tâm chưa chín muồi để giải thoát, nầy pháp đưa đến tâm trạng ấy và bậc Đạo Sư giáo giới cho ngài. Nhờ đây Meghiya chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình trong bài kệ này:

*66. Bậc Đại hùng giảng dạy,
Vượt qua tất cả pháp,
Ta nghe pháp Ngài dạy,*

*Sống hoan hỷ cạnh Ngài,
Ba minh đã chứng đạt,
Lời Phật dạy làm xong.*

512 Trưởng lão Melajina - Kinh Melajina – Tiểu III, 134

Melajina – Tiểu III, 134 (126)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares (Ba-la-nại), trong gia đình một hoàng tộc, tên là Melajina, **học giỏi và hạnh đức có tiếng** khắp trong nước.

Khi Thế Tôn ở Ba-la-nại, tại Isipatana (chư Tiên đạo xứ), Melajina đến nghe Ngài thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi các Tỷ-kheo hỏi làm sao ngài chứng được pháp Thượng nhân, ngài **rống lên tiếng rống con sư tử**:

*131. Khi ta nghe Chánh pháp,
Bậc Đạo Sư thuyết giảng,
Ta thắng tri nghi hoặc,
Bậc toàn trí, toàn thắng.*

*132. Đối vị trưởng lão đoàn,
Với vị đại anh hùng,
Trong các bậc đánh xe,
Bậc tối thắng vô thượng,
Đối con đường, lộ trình,
Ta không có nghi hoặc.*

513 Trưởng lão Mendasira - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89

Mendasira – Tiểu III, 89 (78)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là *Mendasira* (đầu dê).

Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, Mendasira khởi lên lòng tin, xuất gia tu **chỉ và quán**, chứng được **sáu thắng trí**, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

78. Ta luân hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.

Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

514 Trưởng lão Mettaji - Kinh Mettaji – Tiểu III, 102

Mettaji – *Tiểu III, 102* (94)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị Bà-la-môn và được đặt tên là *Mettaji*.

Lớn lên, ngài thấy sự đau khổ của **dục** và sống ở trong rừng làm một vị **ẩn sĩ**.

Khi nghe sứ mệnh đức Phật và do thiện duyên thúc đẩy, ngài đến gặp đức Phật và hỏi về sự tu hành tấn thối của Ngài, câu trả lời của đức Phật khiến ngài phát khởi lòng tin xuất gia, và không bao lâu chúng quả A-la-hán.

Với bài kệ này, ngài tán thán bậc Đạo Sư:

94. *Đảnh lễ đức Thế Tôn,
Thích tử bậc điềm lành,
Quả chứng này đạt được,
Là quả vị thượng thủ,
Pháp Ngài khéo thuyết giảng,
Là Chánh pháp tối thượng.*

515 Trưởng lão Migajàla - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

Migajàla – Tiểu III, 269 (217)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.

418. Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.

419. **Phá vỡ gốc vô trí,**
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cương đánh nát,
Mọi chấp trì của thức.

420. **Cảm thọ được phơi bày,**
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hổ than hùng,
Được tùy quán bởi trí.

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường **Thánh tám ngành,**
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.

516 Trưởng lão Migasira - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – *Tiểu III*, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

517 Trưởng lão Mogharàjam - Kinh Mogharàjam – Tiểu III, 181

Mogharàjam – Tiểu III, 181 (164)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Mogharàjam. Vị ấy tu học dưới sự lãnh đạo của Bà-la-môn *Bàvariya*. **Cảm thấy lo âu sợ hãi, ngài trở thành một vị tu khổ hạnh.**

Ngài là một trong mười sáu vị, trong ấy có Ajita và những vị khác, đã được Bàvariya đưa đến yết kiến bậc Đạo Sư. Sau khi Mogharàjam hỏi và được trả lời, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, ngài được biết đến vì ngài mặc áo thô sơ do các nhà lữ hành, các thợ may, các thợ nhuộm quăng bỏ hai bên đường. Do vậy, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là người đệ tử **đệ nhất mặc áo thô sơ**. Như vậy ngài thực hiện chí nguyện từ trước của ngài.

Một thời khác, **do thiếu sự săn sóc chu đáo và do nghiệp đời trước, các mụn ghẻ lở xuất hiện và sanh ra nhiều trên thân của ngài,** nghĩ rằng chỗ trú ẩn của ngài đã bị ô nhiễm, ngài trải chỗ nằm của ngài trên một thửa ruộng ở Magadha, và đầu lúc ấy thuộc mùa đông, ngài vẫn ở tại đấy.

Một hôm, hầu hạ bậc Đạo Sư và đánh lễ ngài, bậc Đạo Sư hỏi ngài với những bài kệ như sau:

*207. Hỡi Mogharàja!
Sống với da thô độc,
Sống với tâm hiền thiện,
Luôn luôn hành thiền định,
Trong những đêm đông giá,
Thầy là một Tỷ-kheo,
Vậy Thầy sống thế nào,
Thầy sẽ làm những gì?*

Được hỏi vậy, ngài trả lời và giải thích cho bậc Đạo Sư:

*208. Con có được nghe rằng:
Ở nước Magadha,
Đất nước giàu thịnh vượng,
Toàn dân sống đầy đủ,
Những am lợp bằng rơm,
Còn tốt đẹp hơn nhiều,
Hơn đời sống an lạc,
Của mọi người dân khác.*

518 Trưởng lão Mudita - Kinh Mudita – Tiểu III, 227

Mudita – Tiểu III, 227 (197)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân và được đặt tên là Mudita.

Khi ngài đến tuổi trưởng thành, dòng họ ngài vì một vài nguyên nhân, bị vua chống đối, Mudita, quá sợ vua nên bỏ chạy, đi vào rừng và sống gần trú xứ của một Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán.

Vị này thấy ngài quá sợ hãi, bảo ngài chớ có sợ. Ngài hỏi cần phải bao nhiêu thời gian mới khỏi tai nạn, vị A-la-hán nói cần phải bảy hay tám tháng, ngài nói ngài không thể đợi lâu như thế nên xin xuất gia. Vị Trưởng lão cho phép ngài được xuất gia. Ngài xuất gia, học đạo, khởi lòng tin, không còn sợ hãi nữa, và tu tập **thiền quán**. Chưa chứng được quả A-la-hán, ngài **nguyện không rời khỏi tinh xá cho đến khi chứng quả và cuối cùng ngài đã thành công**.

Sau đó, ngài sống trong an lạc giải thoát, các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh hỏi ngài làm sao ngài thành đạt được chí nguyện, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài trong những bài kệ như sau:

310. *Để cứu mạng sống ta,
Ta xuất gia tu hành,
Ta được thọ đại giới,
Nhờ vậy được lòng tin,
Ta kiên trì tinh tấn,
Hằng hái ta tiến bước.*

311. ***Đầu thân này hủy hoại,**
Từng miếng thịt tiêu mòn,
Đầu khớp xương hai gối,
Ổng chân làm ta ngã.*

312. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa được rút nhổ lên.*

313. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta tinh cần,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

519 Trưởng lão NadiKassapa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240

NadiKassapa – *Tiểu III*, 240 (203)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là **anh của Kassapa**. Ngài thiên hỷ đời sống xuất gia, không ưa thích đời sống gia đình, và ngài trở thành một **ẩn sĩ**.

Với **ba trăm đồ chúng**, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjarà (Ni-liên-thiên), và do vậy ngài được biết và được gọi là **Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa)**. Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết **kinh Lửa Bốc Cháy**, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tư trên thiên chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhổ lên các sai lầm:

339. **Thật lợi ích cho ta,
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng,
Đoạn tận các tà kiến.**

340. Ta hành lễ tế tự,
Đọc cao lời tế lễ,
Ta đốt lên **lửa thiêng**,
Đổ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,
Ta thật mù, phàm phu.

341. **Lạng thang rùng tà kiến,**
Bị giới cấm, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy.

342. Ta đoạn tận **tà kiến**,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng dường,
Ta cúi mình đánh lễ,
Bạc Như Lai Điều Ngự.

343. **Mọi si mê, ta đoạn,**
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

520 Trưởng lão Nàgasamàla - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – *Tiểu III*, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

521 Trưởng lão Nàgita - Kinh Nàgita – Tiểu III, 95

Nàgita – *Tiểu III*, 95 (86)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, tên là Nàgita.

Khi bậc Đạo Sư đến tại chỗ của ngài, Thế Tôn thuyết **kinh Mật Hoàn**, ngài khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi hân hoan với sự thật trong lời dạy của đức Phật, và sự chỉ đạo có hiệu quả của Chánh pháp, ngài nói lên bài kệ này:

*86. Ngoài đây có ngoại đạo,
Họ dạy những con đường,
Không như con đường này,
Đưa đến quả Niết-bàn,
Thật khác, đức Thế Tôn,
Giáo giới hàng Tăng chúng,
Đạo Sư chỉ Niết-bàn,
Như thấy trên bàn tay.*

522 Trưởng lão Nanda - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tinh Phan) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiên định, phát triển thiên quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.

158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

523 Trưởng lão Nandaka - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – *Tiểu III, 158* (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campà trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lũ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cỡi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em *Nandaka*, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thừa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tự lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một **đề tài thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quỵ xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ chánh kiến,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

524 Trưởng lão Nandaka - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – *Tiểu III*, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Góm thay, vật hôi thối!
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

525 Trưởng lão Nandiya - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

526 Trưởng lão Nhàlaka Muni - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III*, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài**. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

527 Trưởng lão Nigrodha - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31

Nigrodha – Tiểu III, 31 (21)

Trong lời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi.

Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia.

Khi **phát triển thiền quán**, ngài có thể đạt được **sáu thắng trí**. Suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

21. Đối với ta, sợ hãi
Không làm ta sợ hãi,
Thâm hiểu **đạo bất tử**,
Bậc Đạo Sư chúng ta,
Không tìm được chân đứng,
Ở đâu, sợ sợ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo,
Dẫn bước trên đường ấy.

528 Trưởng lão Nisabha - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III, 172* (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

195. *Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,*

*Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

529 Trưởng lão Nita - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

530 Trưởng lão Paccaya - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – *Tiểu III*, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bổng Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thục, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

531 Trưởng lão Pakkha - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74

Pakkha – Tiểu III, 74 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda.

Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là **Pakkha (vị què quặt)** và giữ lại tên ấy.

Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng.

Một hôm vào làng khát thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con **điều hâu** ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con điều hâu khác bay theo đàn cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "**Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ**". Ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

*63. Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,*

*Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.*

532 Trưởng lão Pàràpariya - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121

Pàràpariya – Tiểu III, 121 (116)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá) và trở thành rất giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ Pàràpara, ngài được gọi là Pàràpariya và dạy các **bùachú**.

Ngài thấy oai nghi đức độ của đức Bốn Sư ở Pàràjagaha, xin xuất gia và **chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán**.

Nghĩ đến đời sống hành đạo của mình, ngài nói lên sự phấn khởi hân hoan của ngài, ngang qua bài kệ:

*116. Từ bỏ sáu xúc xú,
Căn môn khéo chế ngự,
Gốc tà ác, nhỏ sạch,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

533 Trưởng lão Pàràpariya - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** *Indriyabhàvanà*", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

*726. Khi Tỷ-kheo tên là,
Pàràpariya,
Ngồi độc cư một mình,*

*Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:*

*727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?*

*728. Các căn của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm hại,
Có hộ trì, làm lợi.*

*729. Người chế ngự các căn,
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.*

*730. Con mắt đi đến sắc,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.*

*731. Lỗ tai đi đến tiếng,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,*

Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khổ đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,
Thành hộp đẹp tô màu.

737. Cay đắng như vị ngọt,
Khổ do khổ ái buộc,
Như dao bén dính mật,
Kẻ tham đâu có biết.

738. **Ai tham đắm nữ sắc,**
Nữ vị, nữ xúc chạm,
Ai mê say nữ hương,
Gặp nhiều loại đau khổ.

739. Mọi dòng từ nữ nhân,
Năm loại tràn năm xứ,
Người có tình tấn lực,
Có thể ngăn chặn chúng.

740. Người có đích, trú pháp,
Người thiện xảo, sáng suốt,
Hoan hỷ làm nghĩa vụ,
Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. Chìm trong việc lợi tạm,
Hãy bỏ việc không lợi,
Nếu nó nghĩ việc ấy,
Không phải việc nên làm,
Vị ấy không phóng dật,
Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đấy thật lạc tối thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh đẽo gỗ,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng cần đánh bật cần.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

534 Trưởng lão Pàràpariya - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,
Khi bậc Tối thượng nhân,*

*Bạc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại dược phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.

926. Sống khiêm tốn giản dị,

Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vớỉ cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiện, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,
Tài sản, con và vợ,

Do nhân muốn đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. **Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.**

936. **Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.**

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
**Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.**

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. **Với các loại dược phẩm,
Họ giống như thầy thuốc,**

*Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Vớ rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,
Họ tự mình nuôi sống,*

Với quyền lợi kẻ khác.

944. **Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.**

945. **Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.**

946. **Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.**

947. **Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,
Vẫn có thể xúc chứng,**

Con đường đạo bất tử.

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

535 Trưởng lão Paripunnaka - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99

Paripunnaka – Tiểu III, 99 (91)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình dòng họ Thích-ca. **Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn.** Ngài được biết với tên là *Paripumaka* (viên mãn).

Ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khát thực, ngài nghĩ: "*Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hưởng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?*"

Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy **đề tài tu tập về thân** từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

*91. Dầu có hưởng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay.
Đây là Pháp vi diệu,
Được Phật Go-ta-ma,*

*Bạc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.*

536 Trưởng lão Passsika - Kinh Passsika – Tiểu III, 199

Passsika – Tiểu III, 199 (177)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia.

Ngài bị *bệnh* trong khi học tập đời sống một ẩn sĩ, bà con săn sóc cho ngài và chữa ngài lành bệnh, khi được lành bệnh, ngài phấn khởi nên tu học siêng năng hơn và chứng được *sáu thắng trí*.

Ngài bay trên hư không, đến thăm bà con và quy y, thọ giới cho họ. Một số bà con nhờ ngài quy y và thọ giới, khi mạng chung và được sanh lên các cõi trời.

Khi Passika hầu hạ bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư hỏi về sức khỏe bà con của ngài, Passika trả lời như sau:

*239. Đầu chỉ một mình ta,
Có lòng tin, sáng suốt,
Giữa các bà con ta,
Những người không lòng tin,
Thông hiểu được Chánh pháp,
Đầy đủ những giới đức,
Vì lợi ích hạnh phúc,*

Cho các bà con ta.

*240. Những bà con bị ta,
Vì thương họ trách móc,
Do bà con ái mộ,
Làm tốt đối Ty-kheo.*

*241. Khi họ bị mệnh chung,
Họ được lạc chư Thiên,
Các anh và mẹ ta,
Hoan hỷ điều họ muốn.*

537 Trưởng lão Pavittha - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

538 Trưởng lão Phụ Thân Của Dhammasava - Kinh Phụ Thân Của Dhammasava – Tiểu III, 114

Phụ Thân Của Dhammasava – *Tiểu III*, 114 (108)

Ngài theo gương người con, nói rằng: "*Con ta từ bỏ đời sống thế tục khi còn trẻ như vậy, sao ta không noi theo gương?*". Rồi ngài tìm gặp Thế Tôn xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán và nói lên bài kệ:

108. *Với tuổi **trăm hai mươi**,
Ta xuất gia không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

539 Trưởng lão Phussa - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. Ẩn sĩ Pan-đa-ra,

Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. Trong thời gian tương lai,
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. Ấn sĩ Pan-đa-ra,
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. **Phần nộ và hiểm hận,
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,**

953. **Họ tự cho có trí,
Pháp sâu, chỉ đến bờ,
Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thu nhận tất cả,
Trong tương lai là vậy.

958. Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ư đánh nhau.

959. Họ trở thành thảo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.

960. Với tóc bôi dầu lảng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.

961. **Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bạc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhàm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.

962. Họ trở thành tham lợi,
Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,

Thích sống gần xóm làng.

963. *Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.*

964. *Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.*

965. *Kinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.*

966. *Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.*

967. *Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.
Voi ta không nghĩ nghĩ.*

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kẻ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo **định** trong **giới** luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phẩn chán,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng dăng,
Ngu si, không giới hạnh,**

*Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.*

974. *Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ỨC HIẾP,
Đối vị có **tâm từ**.*

975. *Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.*

976. *Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.*

977. *Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.*

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. **Hãy có tâm từ bi,**
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,*
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

540 Trưởng lão Pilinda Vaccha - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III*, 19 (9)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. **Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.**

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chúng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

541 Trưởng lão Pindola Bhàradvāja - Kinh Pindola Bhàradvāja – Tiểu III, 129

Pindola Bhàradvāja – *Tiểu III*, 129 (122)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của vị giáo sĩ của vua Udena xứ Kosambi, được đặt tên là Bhàradvāja. Sau khi học tập ba tập Vệ-đà, dạy các **bài chú**, bài tụng rất thành công cho các thanh niên Bà-la-môn, ngài chán ngấy với công việc đang làm.

Từ giã họ, ngài đi đến Rājagaha (Vương Xá), thấy chúng Tỷ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài tuyên bố trước mặt đức Bổn Sư rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỷ-kheo nào nghi ngờ đến con đường và kết quả, như vậy, ngài rống tiếng rống con sư tử, đức Phật nói về ngài như sau: "***Trong các đệ tử của Ta rống tiếng rống con sư tử, Pindola Bhàradvāja là đệ nhất***".

Rồi một người bạn cũ đến thăm ngài, một Bà-la-môn có tánh keo kiệt. Vị Trưởng lão khuyên bạn nên cúng dường chúng Tăng. Vì bạn ngài tin rằng ngài cũng

ích kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn ngài:

123. Nói về đời sống này,
Không phải không có luật,
Nhưng các món đồ ăn,
Không có gì gần tâm,
Do có các món ăn,
Thân thể được tồn tại,
Thấy vậy, ta bỏ hành,
Tìm kiếm các món ăn.

124. *Bậc trí kinh nghiệm rằng:*
Thật sự là đám bùn,
Đánh lễ và cúng dường,
Xuất phát từ gia đình,
Như mũi tên tể nhị,
Rất khó nhỏ được ra,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính khó từ bỏ.

542 Trưởng lão Piyanjaha - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,
Loài Người không muốn sống,*

*Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

543 Trưởng lão Posiya - Kinh Posiya – Tiểu III, 44

Posiya – Tiểu III, 44 (34)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một triệu phú ở Sàvatthi, là em trai của Trưởng lão Sangàmaji.

Khi lớn lên, ngài lập gia đình. Khi sanh được đứa con trai, do nghiệp duyên đời trước, ngài cảm thấy lo lắng trước vấn đề sống chết, nên ngài xuất gia, sống một mình trong rừng và tu tập đề tài **Bốn sự thật**. Sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ Thế Tôn và về thăm lại nhà cũ, người vợ cũ cúng dường ngài và muốn cám dỗ ngài sống lại đời sống cũ, ngài biết được dụng ý của vợ ngài nên cáo lui và về lại trong rừng, các bạn đồng tu hỏi vì sao ngài về sớm như vậy, ngài kể lại câu chuyện đã xảy ra và nói lên bài kệ:

34. *Không gần là tốt đẹp,
Kẻ trí thường biết vậy,
Từ làng đi đến rừng,
Từ rừng, ta vào nhà,*

*Từ đây, đứng dậy đi,
Không đoái hoài Bô-sya.*

544 Trường lão Punna - Kinh Punna – Tiểu III, 81

Punna – *Tiểu III*, 81 (70)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Sunàparanta, tại hải cảng Suppàraka, trong nhà một thị dân tên **Punna** (*Phú-lâu-na*).

Đến tuổi trưởng thành, ngài đi với một đoàn thương gia đến Sàvatthi, khi bậc Đạo Sư cũng ở đấy. Ngài đi nghe Thế Tôn thuyết pháp tại ngôi tinh xá cùng với các cư sĩ địa phương, ngài khởi lòng tin rồi xuất gia.

Và trong một thời gian, ngài rất được quý mến giữa các vị giáo thọ sư, bởi ngài tài giỏi về biện luận.

Một ngày kia, ngài đến bậc Đạo Sư, nhờ bậc Đạo Sư giảng dạy để có thể đi **Sunàparanta** giảng dạy và an trú tại đấy. Đức Phật rống tiếng rống con sư tử bảo ngài: "*Này Punna, có những pháp do con mắt nhận thức....*".

Rồi Punna ra đi, tu tập **thiền định trí tuệ**, chứng được **Ba minh**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài giáo hóa được nhiều người theo đạo, hơn năm trăm nam cư sĩ và nữ cư sĩ.

Khi ngài sắp mệnh chung. Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

*70. Ở đây chỉ có **giới**,
Là pháp thật tối thượng,
Nhưng vị nào có **tuệ**,
Vị ấy là vô thượng,
Vị đủ giới và tuệ,
Chiến thắng giới Nhân, Thiên.*

545 Trưởng lão Punna Mamtàniputta - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III*, 13 (4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu

mười do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: "*Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành***". Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

4. **Hãy thân cận người hiền,**
Bậc hiền mình thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.

546 Trưởng lão Punnamàsa - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157

Punnamàsa – Tiểu III, 157 (146)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ.

Khi sanh đưa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được **sáu thắng trí**. Ngài đi đến Sàvatthi đánh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa.

Rồi đưa con ngài chết và vợ ngài **không** muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia.

Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

*171. Từ bỏ năm triền cái,
Đạt an ổn khỏi ách,
Nắm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.*

*172. Ta quán sát thân này,
Từ trong cho đến ngoài,*

*Thân được thấy trống không,
Trong thân cả ngoài thân.*

547 Trưởng lão Punnamàsa - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

548 Trưởng lão Ràdha - Kinh Ràdha – Tiểu III, 134

Ràdha – Tiểu III, 134 (127)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), là người Bà-la-môn. Trong khi ngài lớn tuổi, ngài không làm được bốn phận của ngài.

Không được chấp nhận, ngài đi đến Thế Tôn, nói lên những ước muốn của ngài. Bậc Đạo Sư thấy được những điều kiện căn bản được đầy đủ, nên bảo Sàriputta chấp nhận ngài xuất gia. **Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán.** Sau đó, ngài sống gần bên bậc Đạo Sư, trở thành một vị *thuyết giảng đột xuất* nhờ những lời thuyết giảng của bậc Đạo Sư.

Một hôm, thấy rõ vì sao **không khéo tự huấn luyện chế ngự** khiến các **dục vọng** có thể sanh khởi, ngài nói lên bài kệ để khích lệ giáo giới:

133. *Như mái nhà vụng lợp,
Mưa dễ thấm ướt vào,
Cũng vậy, tâm vụng tu,
Tham ái được xâm nhập.*

134. *Như mái nhà khéo lợp,
Mưa không thể thấm vào,*

*Cũng vậy, tâm khéo tu,
Tham ái không xâm nhập.*

549 Trưởng lão Ràhula - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị lưới **tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trời buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trời buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

550 Trưởng lão Ràjadatta - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – Tiểu III, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Ràjadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp.

Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khổn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.*

316. Mau hơn cơm sôi trào,

*Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giấc,
Ta đến, ngồi một bên.*

*317. **Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

*318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

551 Trưởng lão Rakkhita - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – *Tiểu III, 89 (79)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,
Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

552 Trưởng lão Ràmaneyyaka - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60

Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60 (49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia.

Sống trong rừng, ngài **thiền quán về giới hạnh**, vì quả chứng và **hạnh dễ thương** của ngài, ngài được gọi là Ràmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương).

Một hôm, **Ác-ma** muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

*49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

553 Trưởng lão Ramaniya Vihàrim - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó rơm và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài **suy nghĩ: "Con**

bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tinh tấn, sau khi rơi vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

*45. Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

554 Trưởng lão RamaniyaKutika - Kinh RamaniyaKutika – Tiểu III, 67

RamaniyaKutika – Tiểu III, 67 (58)

Câu chuyện của ngài giống như câu chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Ngài ở trong một chòi lá, gần một ngôi làng nhỏ, trong xứ Vajji. Thật sự là một am thất nhỏ, xinh đẹp với sàn nhà và vách tường khéo làm xung quanh có vườn, ao hồ và có rải cát đẹp, mịn. Với **giới hạnh** của vị trưởng lão làm tăng thêm sự hấp dẫn của ngôi nhà.

Ngài chứng quả A-la-hán và tiếp tục sống tại đây. Khi nào có người đến viếng tinh xá, họ có thấy ngôi chòi xinh xắn.

Một ngày kia, một vài người **đàn bà béo mập** đi ngang qua, thấy ngôi chòi xinh đẹp, liền nghĩ người ở chòi lá này có thể là một thanh niên mà họ có thể cám dỗ. Họ đến gần ngài và nói: "*Cái chòi của ngài thật là xinh đẹp, chúng tôi cũng thật xinh đẹp trong tuổi trẻ của chúng tôi*". Và họ bắt đầu khoe khoang áo xiêm đẹp của mình. Nhưng vị Trưởng lão nói lên bài kệ, diễn tả tâm trạng thoát tục của ngài:

58. *Ngôi chòi ta xinh đẹp,
Do đàn tín cúng dường,
Với tâm ý hoan hỷ,
Với lòng tin dưng cúng.
Ta **không cần** thiếu nữ,
Này các nữ nhân kia,
Hãy đi đến những ai,
Có cần đến các cô.*

Với chữ: "Không cần", ngài tuyên bố chánh trí của ngài, khi chứng quả A-la-hán.

555 Trưởng lão Ratthapàla - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.** Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc sơn,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,*

*Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,*

Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.

781. *Kẻ thừa tự mang đi,*
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
*Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,*
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;*
Phú quý nào có thể,
*Tránh khỏi được **già suy**.*
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,*
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,

Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. **Như kẻ trộm bị bắt,**
Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,

*Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đức công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,*

788. *Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.*

789. *Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.*

790. *Thấy đức như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.*

791. *Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,*

*Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

556 Trưởng lão Revata - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua Pasenadi.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,*

Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ miễn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,

Không gì làm dao động.

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Nhu **thợ** làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tĩnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

557 Trưởng lão Sabbaka - Kinh Sabbaka – Tiểu III, 225

Sabbaka – *Tiểu III, 225* (196)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa chọn một đề tài để **thiền quán**, ngài đi đến tinh xá Lonagiri, trên bờ sông Ajakaranì và tại đây, sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở lại một thời gian và được bà con đón tiếp. Sau khi khuyên các bà con quy y và giữ giới, ngài muốn trở về chỗ cũ. Các bà con yêu cầu ngài ở lại để được bà con cúng dường, nhưng ngài nói cho họ rõ vì sao ngài đến đây, và sự ưa thích đời sống độc cư.

Ngài nói lên bài kệ tán thán trú xứ của ngài:

*306. Khi ta thấy con cò,
Trương đôi cánh trắng tinh,
Sợ hãi đám mây đen,
Tìm chỗ kín ẩn nấp;
Khi ấy chính con sông,
Ajakaranì,*

Đem hoan hỷ cho ta.

*307. Khi ta thấy con cò,
Trương đôi cánh trắng sạch,
Sợ hãi đám mây đen,
Tìm hang để ẩn nấp,
Nhưng tìm không có thấy.
Khi ấy chính con sông,
Ajakarani,
Đem hoan hỷ cho ta.*

*308. Ai lại không thích thú,
Khi thấy ở tại đây,
Trên cả hai dãy bờ,
Có hàng cây Jambu,
Làm chói sáng bờ sông,
Sau lưng cái hang lớn.*

*309. Hãy nghe những con nhái,
Khéo thoát những đàn rắn,
Kêu lên niềm hoan hỷ,
Với tiếng kêu nhẹ nhàng:
Nay không phải là thời,
Buông thả với suối rừng,
Thật an ổn con sông
Ajakarani,
Thoải mái và yên lành,*

Thật an vui thích thú!

Rồi các bà con thuận để ngài đi. Vì ngài thích sống nhàn tịnh, đây trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

558 Trưởng lão Sabbamitta - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144

Sabbamitta – Tiểu III, 144 (135)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Sabbamitta.

Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài sống tại một khu rừng.

Sau mùa mưa, ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con ***nai mẹ*** tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: *"Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!"*.

Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

149. *Người trối buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.*

150. *Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.*

Nói vậy, ngài đạt đến thiền quán, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

559 Trưởng lão Sabbhakàma - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang **điểm thật đẹp** mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,**
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,**
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,**
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc.**

456. **Phàm phu **tâm** say đắm,**
Chạy theo hưởng **nữ sắc,**
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.

457. **Ai tránh né **nữ sắc**,**
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,

Kẻ đầu độc thế giới.

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.

560 Trưởng lão Sabhiya - Kinh Sabhiya – Tiểu III, 213

Sabhiya – Tiểu III, 213 (188)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình con gái một hoàng tộc, người con gái này được cha mẹ giao cho một vị du sĩ hướng dẫn để nàng có thể học giáo lý và nếp sống tu hành. Sabhiya khi lớn lên cũng trở thành một du sĩ, học hỏi nhiều kinh kệ tụng, trở thành một nhà lý luận sắc bén, không ai sánh nổi.

Dựng am bên cửa thành, ngài dạy học cho con cháu các hoàng tộc, ngài nghĩ ra hai mươi câu hỏi để ngài hỏi các vị tu sĩ và Bà-la-môn. Trong khi Sabhiyasutta, có ghi là một Bà-la-môn, từ cõi Tịnh cư thiên, đã nghĩ ra các câu hỏi ấy. Thế Tôn khi đi đến Vương Xá, tinh xá Trúc Lâm, đã trả lời các câu hỏi và Sabhiya khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài khuyên dạy các Tỷ-kheo đã theo phe Devadatta, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*274. Người khác không rõ biết,
Ta ở đây một thời,
Tại đây, bậc có trí,*

*Biết vậy sống **tĩnh** chỉ.*

*275. Khi họ không rõ biết,
Họ làm như bất tử;
Khi họ rõ biết pháp,
Giữa bệnh, họ không bệnh.*

*276. Ai sở hành phóng dăng,
Cấm giới bị uế nhiễm,
Phạm hạnh đáng nghi ngờ,
Vị ấy chứng quả lớn,*

*277. Sống giữa đồng Phạm hạnh,
Không được trọng, tôn kính,
Vị ấy xa Diệu pháp,
Như trời xa đất liền.*

561 Trưởng lão Sàmannakàni - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45

Sàmannakàni – Tiểu III, 45 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thân thông song hành, và nhờ thiên, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: *"Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này".*

Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.*

*Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

562 Trưởng lão Sambhùta - Kinh Sambhùta – Tiểu III, 219

Sambhùta – Tiểu III, 219 (192)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình có giai cấp, và sau khi bậc Đạo Sư tịch diệt, ngài được Ananda giáo hóa, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngài sống trong an lạc giải thoát, cho đến khi **một trăm năm** sau khi đức Phật nhập diệt, các Tỷ-kheo Vajjì đề xướng **mười tà pháp** bị Trưởng lão Niyasa và các Tỷ-kheo Kàlanndaka chống lại và một kỳ kết tập được tổ chức với **bảy trăm vị A-la-hán**.

Ngài Sambhùta, bị xúc động bởi hành động xuyên tạc Pháp và Luật, nói lên những bài kệ này và tuyên bố chánh trí của ngài:

290. Ai khi phải từ từ,
Lại lộn qua gấp gấp,
Ai khi phải lộn gấp,
Lại từ từ lộn qua,
Kẻ **ngu** thiếu chánh lý,
Đi đến cảnh khổ đau.

291. Lợi ích bị tổn giảm,
Như trăng vào thời đen,
Gặp phải sự ô nhục,
Chống đối các bạn bè.

292. Ai khi phải từ từ,
Lội qua rất từ từ,
Ai khi phải lội gấp,
Lội qua thật gấp gấp,
Kẻ **trí** có chánh lý,
Đi đến cảnh an lạc.

293. Lợi ích được viên mãn,
Như trăng vào thời sáng,
Được danh tiếng vinh dự,
Không chống đối bạn bè.

563 Trưởng lão Sambula Kaccàna - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), **con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna**, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, **nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ**, ngài **triển khai thiền quán**, chứng được quả A-la-hán với **sáu thắng trí**.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.

190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.

564 Trưởng lão Sàmidatta - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

565 Trưởng lão Samiddhi - Kinh Samiddhi – Tiểu III, 57

Samiddhi – Tiểu III, 57 (46)

Ngài sanh ra trong đời đức Phật hiện tại, ở Rajagaha (Vương Xá) con một gia đình quý tộc. Từ khi sanh ngài, tài sản của gia đình được tăng trưởng, ngài lại đẹp trai, có giới hạnh và được đặt tên là **Samiddhi (thịnh vượng)**.

Ngài chứng kiến sức mạnh của bậc Đạo Sư khi gặp vua Bình Sa (Bimbisàra), khởi lên lòng tin, xuất gia, **tinh tấn tu thiền**.

Khi đức Phật sống ở vườn Tapoda, Samiddhi đang cảm thấy an lạc được sống hạnh Tỷ-kheo, thời **Ác-ma** hiện ra quấy phá, phát ra tiếng động như quả đất nổ tung. Ngài thưa với đức Phật và đức Phật khuyên nên bình tĩnh, vẫn kiên trì tu tập và đừng nghĩ đến vấn đề ấy nữa. Ngài vâng theo và không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ác-ma không biết sự kiện ấy, Ác-ma lại tạo nên một tiếng động kinh khủng, nhưng ngài không có sợ hãi, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

46. Ta với lòng tin ngưỡng,

Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta thiên **định**,
Dầu người tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.

566 Trưởng lão Samitigutta - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. **Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt, ngài nói lên bài kệ:

81. *Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

567 Trưởng lão Sandhita - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây **Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.

218. Đã qua **ba một kiếp**,
Tưởng ấy ta không chứng,

*Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lậu hoặc diệt.*

568 Trưởng lão Sanjaya - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59

Sanjaya – Tiểu III, 59 (48)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có.

Khi lớn lên, ngài theo gương Brahmàya, Pokkhanrasāti và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả.

Về sau, ngài xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

*48. Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,
Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi Thánh,
Liên hệ đến sân hận.*

569 Trưởng lão Sankicca - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. **Me ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa.** Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chứng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập số Dhammapàla.**

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

*597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,*

*Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,*

Tảng đá ấy ta thích.

602. *Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

603. *Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

604. *Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

605. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,*

*Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

570 Trưởng lão Sànu - Kinh Sànu – Tiểu III, 53

Sànu – Tiểu III, 53 (44)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên **bảy tuổi**, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc.

Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, **mẹ** ngài là một **nữ Dạ-xoa**. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sâu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkhà (Dạ-xoa):

*Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy.*

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

*44. Thừa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thừa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thừa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: **"Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục"**, và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
**Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,***

*Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn **sống** cũng như **chết**,
Này con, được kéo ra,
Khởi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chẳng?*

Khi ngài nghe vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sâu
muộn, và tinh tấn **phát triển thiền quán**, không bao
lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài
chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những
bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

571 Trưởng lão Sappadàsa - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264

Sappadàsa – Tiểu III, 264 (215)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của vị cố vấn tể lễ của vua Suddhodhana, và được đặt tên là Sappadàsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Bị chi phối bởi những tập tục xấu, những tánh tình tâm lý không tốt đẹp, ngài không sao được thiền định và nhất tâm.

Sự kiện này khiến ngài quá sầu não đến nỗi ngài gần tự tử, nhưng bỗng ánh sáng nội tâm chói sáng lan rộng thành lành, ngài chứng quả A-la-hán, nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

405. Đã được hăm lẫn năm,
Từ khi ta xuất gia,
Nhưng đến một búng tay,
Ta không đạt tâm tịnh.

406. **Nhứt tâm** không đạt được,
Bị dục tham chi phối,

*Khoa tay, ta than khóc,
Bỏ tịnh xá, ta đi.*

407. Ta sẽ đem **dao** lại,
Sự sống ta, nghĩa gì?
Học tập bị tước bỏ,
Như ta, chết tốt hơn.

408. Rồi ta cầm con dao,
Ta vào chỗ giường nằm,
Con dao được rút ra,
Để cắt cổ của ta.

409. *Rồi ta **tự tác ý,**
Như lý, khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

410. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

572 Trưởng lão Sarabhangā - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là *Sara-Bhangā*, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,

Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bực siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,

Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

573 Trưởng lão Sàriputta - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III, 444* (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Rājagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,*

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiên **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phạm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.*

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muện,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

574 Trưởng lão Satimattya - Kinh Satimattya – Tiểu III, 202

Satimattya – Tiểu III, 202 (179)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) làm con một Bà-la-môn, ngài hội đủ những điều kiện nhân duyên, xuất gia, sống với các Tỷ-kheo ở rừng, và trải qua học hỏi tu hành, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi ngài giảng dạy các Tỷ-kheo, thuyết pháp cho nhiều tín đồ về quy y và các giới điều. Có một gia đình, đặc biệt ngài giáo hóa và nuôi dưỡng lòng tin. Trong gia đình này, ngài đặc biệt được chào đón, người con gái nhà này đẹp, và thường cung kính cúng dường ngài ăn uống.

Một hôm, **Màra** muốn phá ngài và làm ngài mất uy tín, giả dạng ngài và đi đến nắm tay cô con gái, nhưng cô con gái biết là không phải nắm tay của loài Người, liền bỏ tay ra. Nhưng người nhà thấy được và không còn tin tưởng ở ngài.

Ngài không biết gì, cảm thấy có sự đổi khác trong thái độ của gia đình ấy. Biết rằng Màra đã ám hại, ngài nguyện sẽ làm tỏ rõ sự tình, người gia chủ nghe

ngài giải thích liền xin lỗi ngài và tự mình xin phục vụ cho ngài.

Ngài nói lên sự việc, trong những bài kệ sau đây:

245. *Lòng tin trước ông có,
Nay không còn nơi ông,
Của ông vẫn của ông,
Ta không có ác hạnh.*

246. *Vô thường và dao động,
Là lòng tin của ông,
Sự thấy là như vậy,
Là sự thấy của ta,
Có khi ông thương mến,
Rồi ông lại không ưa,
Vì sao bậc ản sĩ,
Chịu héo mòn ở đây?*

247. *Cơm nấu cho ản sĩ,
Ít ít từng gia đình,
Ta sẽ đi khát thực,
Ông chân ta còn mạnh.*

575 Trưởng lão Sela - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của Sela và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giáng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sự, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

576 Trưởng lão Senaka - Kinh Senaka – Tiểu III, 218

Senaka – *Tiểu III*, 218 (191)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chỉ của Trưởng lão Kassapa ở Uruvela, và được đặt tên là *Senaka*. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Thaggumà (tháng ba) một lễ quán đánh một bên nước, lễ ấy được gọi là Gayà melà (hay ngày trai giới Gayà).

Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, Senaka cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này:

*286. Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,*

Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tối thượng.

287. Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thắng,
Bậc lãnh đạo nhiếp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cân lường.

288. Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sợ hãi.

289. Lâu nay ta uế nhiễm,
Bị **tà kiến** trói buộc,
Nay chính Thế Tôn ấy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại, giải thoát.

577 Trưởng lão Setuccha - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110

Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi, bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

578 Trưởng lão Sìha - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là *Sìha*.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

579 Trưởng lão Sila Vaniya - Kinh Sila Vaniya – Tiểu III, 16

Sila Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

580 Trưởng lão Sīlavat - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

Sīlavat – *Tiểu III*, 339 (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajātasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajātasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,

Đưa đến mọi thành công.

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng, tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.

610. **Người trì giới, tự chế**,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.

611. Người **ác giới** chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bạc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.

612. **Khởi đầu, an trú giới,**
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự,**
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chực Phật,
Vậy hãy trong sạch giới.

614. *Giới, sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,
Giới, hương thơm vô thượng,
Giới, hương thoa đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới, vận tải đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không **định, giới,**
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh giải thoát,
Kẻ trí khéo **định, giới,**
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. *Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí **tuệ, tối thượng,***

*Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.*

581 Trưởng lão Singàlar Pitar - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tưởng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,
Mau đoạn tận dục tham.*

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

582 Trưởng lão Sirimanda - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,
Đâu có phát lộ tội,*

Như vậy, mưa không nặng.

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đóng lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

583 Trưởng lão Sirimat - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150

Sirimat – *Tiểu III*, 150 (140)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong nhà một thị dân, được đặt tên là **Sirimat**, vì gia đình ngài được luôn luôn may mắn, và thành công. Em trai của ngài, tăng trưởng tài sản được đặt tên là **Sirivaddha** (tăng trưởng sự may mắn).

Cả hai thấy được uy nghi đức độ của đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng đức Phật, khởi lòng tin xuất gia.

Sirivaddha dầu chưa chứng được pháp thượng nhân, nhưng được hàng cư sĩ, hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh.

Nhưng Sirimat, vì nghiệp không được tốt đẹp nên ít được cung kính, tuy vậy, luôn luôn tu tập về **chỉ và quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Các Tỷ-kheo tầm thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đọc lên bài kệ, nói lên sự sai lầm của họ:

159. *Người khác tán thán nó,
Kẻ tự ngã chưa định,
Người khác khen sai lầm,
Kẻ tự ngã chưa định.*

160. *Người khác chỉ trích nó,
Kẻ tự ngã đã định,
Người khác chê sai lầm,
Kẻ tự ngã khéo định.*

Rồi Sirivaddha nghe bài kệ, tâm sanh dao động, **phát triển thiền quán**, không bao lâu đạt được chơn giải thoát; và những ai chỉ trích bậc Trưởng lão, chúng tôi xin lỗi ngài.

584 Trưởng lão Sirimitta - Kinh Sirimitta – Tiểu III, 302

Sirimitta – Tiểu III, 302 (230)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là *Sirimitta*.

Mẹ ngài là chị của Sirigutta. Nay Sirimitta, cháu của Sirigutta tìm được lòng tin đối với bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học giới bốn Pàtimokkha, ngài cầm một cái quạt có sơn màu, rồi ngồi xuống, ngài thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tánh khác như sau:

**502. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đời sau, không ưu sầu.**

503. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,

Tỷ-kheo **thường hộ căn**,
Đời sau không ưu sầu.

504. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **giữ thiện giới**,
Đời sau, không ưu sầu.

505. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **thiện bằng hữu**,
Đời sau không ưu sầu.

506. Không phần nộ, không hận,
Không gian, không hai lười,
Tỷ-kheo **thiện trí tuệ**,
Đời sau, không ưu sầu.

Sau khi thuyết giảng về phần nộ, hận... ngài nói đến **con đường siêu thoát**, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình:

507. Với ai tin Như Lai,
Không dao động, thiện trú,
Với ai, nếp giới hạnh,
Được thiện nhân tán thán,

Được bậc Thánh tùy hỷ.

508. Với ai, có tín thành,
Đối với chúng Tăng già,
Có tri kiến chánh trực,
Họ nói về người ấy:
Vị ấy không nghèo đói,
Đời sống không trống rỗng.

509. *Vậy nên bậc Hiền trí,
Hãy chú tâm tín, giới,
Tịnh, tín, thấy đúng pháp;
Vào cốt tủy lời Phật.*

585 Trưởng lão Sivàka - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đấy đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!
Ngươi đã bị thấy rồi,
Từ nay, ngươi không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,
Mọi tường vách đổ vỡ,*

*Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.*

586 Trưởng lão Sívaka - Kinh Sívaka – Tiểu III, 24

Sívaka – *Tiểu III, 24 (14)* (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chi của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sívaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sívaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sívaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
"Hãy đi, Sívaka!"
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dẫu còn nằm ta đi,
Người biết, không trối buộc.*

587 Trưởng lão Sivali - Kinh Sivali – Tiểu III, 70

Sivali – Tiểu III, 70 (60)

Ngài sanh ra là con của Suppavàsa, công chúa con vua, trong thời đức Phật hiện tại. Khi mẹ ngài không sinh đẻ được và nằm chịu đau khổ trong bảy ngày, bà nói với người chồng: "**Trước khi tôi chết tôi sẽ bố thí**", và nàng bảo chồng đi mời Thế Tôn đến, nói đến hiện trạng của nàng và dặn chồng ghi nhớ những lời Thế Tôn nói.

Người chồng làm theo lời vợ dặn và bậc Đạo Sư nói: *"Mong rằng Suppavàsa, con của dòng họ Koliya được hạnh phúc! Mong nàng được hạnh phúc, sức khỏe và sanh được đứa con trai khỏe mạnh".*

Trước khi người chồng về, Suppavàsa đã sanh được đứa con trai và khi nghe chồng kể lại câu chuyện, nàng dặn chồng cúng dường đức Phật và chúng Tăng trong bảy ngày. Vì người con được sanh, đem lại hoan hỷ cho tất cả mọi người, nên được đặt tên là Sivali.

Sau khi sanh bảy ngày, ngài có thể làm được bất cứ việc gì. Tôn giả Sàriputta đến và khuyên ngài xuất

gia, lấy **đề tài** sự *đau khổ khi được sanh* làm đề tài tu hành.

Khi năm tóc thứ nhất được cắt đứt, ngài chứng Sơ quả. Khi năm tóc thứ hai được cắt đứt, ngài chứng Nhị quả. Như vậy cho đến năm tóc thứ tư và ngài chứng quả A-la-hán.

Có chỗ nói cùng ngày ngài đi đến ở một chòi lá, và **suy tư đến sự đau khổ phải nhẫn chịu khi thọ sanh**. Ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ:

*60. Nay những mục đích ấy,
Vội ta, đã thành tựu,
Vì những mục đích ấy,
Ta bước vào ngôi chòi,
Minh, giải thoát, ta đạt.
Mạn tùy miên từ bỏ.*

588 Trưởng lão Sobhita - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154

Sobhita – *Tiểu III, 154* (143)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita.

Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu **túc mạng thông**, được đức Phật xác nhận là vị **nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất**. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu **Bốn niệm xứ**,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

589 Trưởng lão Somamitta - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III*, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimala cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vì Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimala với những câu kệ như sau:

147. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.
Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

148. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chúng đạt được mục đích.

590 Trưởng lão Sona Kolivisa - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá

được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống
ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau
đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành,
nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt
được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt
con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt
hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học
của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập
tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và
sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố
chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,*

*Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập **niệm thân**,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.*

637. *Trên đường thẳng được thuyết,
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

638. *Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn**,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba **minh** ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. **Ai chuyên nhất xuất ly,**
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.

641. **Ai chuyên nhất ái diệt,**
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.

642. **Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,**
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.

643. **Như một hòn đá tảng,**
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

591 Trưởng lão Sona Potiriyaputta - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thấy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

592 Trưởng lão Sonakutikanna - Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – Tiểu III, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là Sona. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là Koti hay Kutikanna (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão Mahà Kaccàna ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão Kaccàna. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu Athaka. Khi đọc đến câu: "**Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục**", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bổn Sư bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão Mahà Kaccàna giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập

Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tình xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,
Sona thuyết diệu pháp.*

368. Liễu Tri *Năm thủ uẩn,*
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

593 Trưởng lão Sopàka - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một cây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kính hành dưới bóng lâu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

594 Trưởng lão Sopaka - Kinh Sopaka Một TỷKheo Trẻ Con – Tiểu III, 42

Sopaka Một TỷKheo Trẻ Con – *Tiểu III*, 42 (33)

Ngài sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, từ một người đàn bà rất nghèo khổ. Khi bà mẹ đau đẻ, bà bất tỉnh và người ta tưởng bà đã chết nên đem thân bà đi thiêu. Một **phi nhân** không cho lửa đốt cháy, làm mưa làm gió và những người thiêu thân bỏ đi.

Đứa con trẻ được sanh mạnh khỏe, còn người mẹ bị chết. Vị phi nhân hóa làm người, bế đứa con và *bỏ trong nhà người giữ nghĩa địa*, nuôi đứa con trong một thời gian với đồ ăn thích hợp.

Sau đó, người giữ nghĩa địa nhận làm con nuôi, và Sopaka lớn lên với Suppiya, con trai nhỏ của người giữ cửa. Vì ngài sanh ở nghĩa địa, nên đặt tên là Sopaka. Khi ngài **bảy tuổi**, Thế Tôn với thiên nhân thanh tịnh, vào buổi sáng, nhìn xem những ai có thiện căn tốt lành, thấy Sopaka và đi đến nghĩa địa. Sopaka được nghiệp duyên đời trước, đi đến Thế Tôn với tâm tư hoan hỷ và đánh lễ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp và Sopaka xin xuất gia.

Sau khi được phép người cha nuôi, Sopaka xuất gia và được dạy tình thương huynh đệ làm đề tài tu hành.

Sopàka lấy đề tài này và sống ở nghĩa địa và chúng được cảnh giới thiên tương đương. Lấy cảnh giới thiên làm đề tài căn bản, ngài **triển khai thiên quán** và chúng được quả A-la-hán. Sau khi chúng quả, ngài làm bài kệ, trong ấy ngài nêu cho các Tỷ-kheo rõ đề tài tình thương anh em, không có phân biệt người thân kẻ sơ. Với tất cả, tình thương phải là một, bao trùm mọi cảnh giới, mọi chúng sanh mọi thời gian:

*33. Như người mẹ tốt lành,
Thương người con độc nhất,
Cũng vậy đối chúng sanh,
Đủ mọi loài, mọi chỗ,
Hãy có lòng tốt đẹp,
Thương mến và từ ái.*

595 Trưởng lão Subàhu - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

596 Trưởng lão Subhùta - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232

Subhùta – *Tiểu III*, 232 (199)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ.

Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sư, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

*319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu,
Như vậy công việc ấy,*

Được xem bị thất bại.

320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.

321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.

322. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** nhưng không **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Không **làm**, không kết quả.

323. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** lại có **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Có **làm**, có kết quả.

597 Trưởng lão Subhùti - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – *Tiểu III, 9* (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "*Này các Tỷ-kheo, Subhùti được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường*".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

598 Trưởng lão Sugandha - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy pháp tánh các pháp,
Ba mình chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

599 Trưởng lão Suhemanta - Kinh Suhemanta – Tiểu III, 113

Suhemanta – Tiểu III, 113 (106)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nơi biên địa, con một Bà-la-môn giàu có.

Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, tại vườn Lộc Uyển ở thành phố Sankassa, Ngài xuất gia và trở thành **người tụng đọc ba Tang** (???), cuối cùng chúng được **sáu thắng trí**.

Ngài suy nghĩ: *"Ta đã được những gì một người đệ tử có thể chứng. Vậy ta hãy phục vụ cho giáo hội"*. Rồi ngài thuyết giảng cho các Tỷ-kheo và giải quyết các vấn đề khó khăn của các vị ấy. Một hôm, ngài nói với đại chúng và các người có trí như sau:

*106. Tại chỗ nào mục đích,
Trăm tánh, tướng ẩn chứa,
Kẻ ngu thấy một phần,
Kẻ trí thấy trăm phần.*

Như vậy, vị Trưởng lão nói lên trước các Tỷ-kheo về trí tuệ, phân tích biệt tài của ngài.

600 Trưởng lão Sumana - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

*331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

*333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.*

601 Trưởng lão Sumana - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thân thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Vói **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Vói nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có **thần thông** uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. Đạt được tịnh tối thắng,
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "**Không ai biết ta**".

602 Trưởng lão Sumangala - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52

Sumangala – Tiểu III, 52 (43)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày.

Một hôm vua *Pasenadi* cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này.

Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình.

Khi về, ngài thấy các dân quê cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập **thiền định**, sống cô độc, **phát triển thiền quán**. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán.

Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!

Thật sự ta khéo thoát,

Thoát ba sự cong queo,

Ta thoát cong với liềm,

Ta thoát cột với cày,

Ta thoát cựa với cuốc,

Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,

Hỡi Sumangala!

Hỡi Sumangala!

Hãy thiền, hãy thiền định!

Hỡi Sumangala!

Hãy sống không phóng dật.

603 Trưởng lão Sunàga - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95

Sunàga – *Tiểu III*, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tục.***

604 Trưởng lão Sundara Samudda - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát thực; nàng hết sức săn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc

lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay chắp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm động ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua**, ngài cương quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây **thiền định, thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
N*hư* **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
N*hư* lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

605 Trưởng lão Sundata - Kinh Sundata Bạn Của Con Kumà – Tiểu III, 46

Sundata Bạn Của Con Kumà – *Tiểu III, 46* (37)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, tại thành Velukanda, trong một gia đình giàu có tên *Sudanta*. Có người nói ngài tên là *Vasulokì*.

Ngài trở thành bạn thân với con của Kumà. Khi con của Kumà xuất gia, ngài nghĩ đạo của con Kumà không thể là đạo tầm thường nên đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Nghe xong, ngài cảm thấy nhiều xúc động và xuất gia. Ngài cùng an trú với con của Kumà trên sườn đồi để tu hành.

Trong lúc ấy, nhiều Tỷ-kheo bộ hành nhiều địa phương, đến an trú tại chỗ hai vị này và tạo nên cảnh ồn ào. Sudanta, tâm thiền định bị chi phối, lấy sự kiện này làm đề tài để tinh tấn tu hành và nói lên bài kệ này:

*37. Bộ hành nhiều xứ sở,
Với hạnh không suy tưởng,
Thiền đốt phân thiền định,
Đi khắp xứ làm gì?
Do vậy, ngăn vọng động,*

Không vọng hướng, hãy thiền.

606 Trưởng lão Sunìta - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. *Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,*

Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,**
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

607 Trưởng lão Suppiya - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42

Suppiya – Tiểu III, 42 (32)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi.

Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất. Và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

*32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được,
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.*

608 Trưởng lão Suràdha - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135

Suràdha – Tiểu III, 135 (128)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị Ràdha, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

*135. Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhỏ lên.*

*136. Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi **kiết sử**, diệt xong.*

609 Trưởng lão Susàrada - Kinh Susàrada – Tiểu III, 86

Susàrada – *Tiểu III, 86 (75)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại sanh quán của Tôn giả Sàriputta và được gọi là **Susàrada (vì ngài lớn lên chậm chạp)**.

Ngài được Tôn giả Sàriputta giáo hóa và không bao lâu, trong địa vị Tỷ-kheo, ngài chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

75. Lành thay là tri kiến,
Của bậc có luyện tập,
Nghỉ hoặc được cắt đứt,
Trí giác được tăng trưởng.
**Cho đến kẻ ngu si,
Được đổi thành người trí,
Do vậy thật tốt đẹp,
Sống giao thiệp người lành.**

610 Trưởng lão Suyàman - Kinh Suyàman – Tiểu III, 85

Suyàman – Tiểu III, 85 (74)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàli, con của một Bà-la-môn. Ngài lớn lên, thiện xảo ba tập Vệ-đà, không ưa thích đời sống gia đình, vui thích thiền định. Ngài gặp Thế Tôn ở Sàli, khởi lòng tin xuất gia, **chứng quả A-la-hán, khi đầu được cạo tóc.**

Rồi ngài nói lên sự từ bỏ các triền cái và chánh trí của mình, với bài kệ như sau:

74. Với **dục** tham, **sân** hận,
Với thùy miên **hôn** trầm,
Với **trạo** hối, **nghi** ngờ,
Vị Tỷ-kheo hoàn toàn,
Không còn năm triền cái,
Năm triền cái đoạn tận.

611 Trưởng lão Tàlaputta - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gươm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gươm,
Gươm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cần nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rìng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rìng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Đắt dẫn bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.*

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. *Hãy tu tập con đường,
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có Tám ngành,
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1117. *Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1118. *Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

612 Trưởng lão Tekicchakàrì - Kinh Tekicchakàrì – Tiểu III, 256

Tekicchakàrì – *Tiểu III*, 256 (211)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Subuddha. Ngài được các nhà giải phẫu cứu sống khi ngài mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là Tekicchakàrì (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình.

Phụ thân ngài vì trí tuệ và chánh sách của mình, nên bị vua Candagotta, vua Bà-la-nại ganh ghét và bỏ tù. Tekicchakàrì nghe vậy, sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tinh xá của một vị Trưởng lão, và tường thuật cho vị ấy biết nỗi khó khăn của mình.

Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, *chọn cho ngài một đề tài tu tập* và ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho được Thánh quả.

Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối vị Trưởng lão, đến gần dưới hình thức một người mục đồng, khi gặt hái đã xong, muốn cảm dỗ ngài nên nói như sau:

381. Lúa đã gặt thâu xong,
Gạo đã được đập, giã,
Nhưng một miếng, không có,
Ta sẽ làm gì đây?

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: *"Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phân việc để ta thuyết giảng"*. Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y:

382. *Hãy niệm Phật vô lượng!*
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phần chấn.

383. *Hãy niệm Pháp vô lượng!*
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phần chấn.

384. *Hãy niệm Tăng vô lượng!*
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phần chấn.

Rồi Ác ma, muốn ngài không sống hạnh viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng:

385. Ngài sống giữa ngoài trời,
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại ngài!
Hãy vào trong tịnh xá,
Cố cửa đóng then gài.

Vị Trưởng lão, nêu rõ ở trong nhà là một trói buộc và ở ngoài trời là giải thoát, nên trả lời:

386. Ta sẽ cảm thọ được,
Với **bốn tâm vô lượng**,
Ta sẽ sống an lạc,
Với những tâm tư ấy,
Giá lạnh không hại ta,
Ta sống không dao động.

Nói vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời vua Bindusàra, các bài kệ này cần được hiểu là được tụng đọc vào kỳ kiết tập thứ ba như là thuộc Kinh tạng.

613 Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 105

Tissa – Tiểu III, 105 (97)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lòng phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **dục** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika

và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.*

614 Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

615 Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hằng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

616 Trưởng lão Udàyin - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365

Udàyin – *Tiểu III*, 365 (247)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão Udàyin: con một Bộ trưởng, tên là *Kàludàyin* (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và *Đại Udàyin*.

Khi **kinh Ví dụ con voi** được thuyết giảng, trong kinh này, con voi Sela của vua *Pasenadi* được tán thán, ngài Udàyin này cảm thấy phẫn khởi khi nghĩ đến đức Phật, nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:

689. *Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiên định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,
Hoan hỷ trong tâm tịnh.*

690. Loài người đánh lễ Ngài,
Bạc đạt được bờ kia,
Đối với hết thấy pháp,
Chư Thiên đánh lễ Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.

691. Vượt qua mọi kiết sử,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.

692. Vị ấy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ,
Đứng trên đỉnh núi cao,
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.

693. Rồi ta sẽ tán thán,
Nàga này cho người,
Nàga không làm ác,
Nên được gọi Nàga,
Từ tổn, không làm hại,
Là hai chân Nàga.

694. **Chánh niệm và tỉnh giác,**
Hai chân khác Nàga,
Voi Nàga là **tín**,
Nàga màu trắng là **xả**.

695. **Chánh niệm** là cổ họng,
Trí tuệ chỉ cho đầu,
Suy tầm với cái **vòi**,
Chỉ cho tư duy pháp.
Hòa trú là bụng pháp,
Viễn ly ví đuôi voi.

696. Tu thiền, thờ vô lạc,
Nội tâm, khéo định tỉnh,
Nàga **đi**, **định tỉnh**,
Nàga **đứng**, định tỉnh.

697. Nàga **nằm**, định tỉnh,
Nàga **ngồi**, định tỉnh,
Trong tất cả tình huống,
Nàga sống chế ngự,
Đây thành tích Nàga.

698. **Ăn đồ ăn không tội,**
Đồ có tội không ăn;
Được đồ ăn, y phục,
Từ bỏ, không tích trữ.

699. *Kiệt sử tế, hay thô,
Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi,
Bước đi, không kỳ vọng.*

700. *Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.*

701. *Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.*

702. *Như đồng lửa cháy đỏ,
Không củi tự tắt dần,
Trong than tro lắng dịu,
Được gọi lửa diệt tận.*

703. *Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.*

704. *Vô tham và vô sân,
Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

617 Trưởng lão Ugga - Kinh Ugga – Tiểu III, 90

Ugga – Tiểu III, 90 (80)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, tại thành phố Ugga, **con một gia đình nghị sĩ**, được đặt tên là Ugga.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, khi đức Thế Tôn đến thành này, khởi lòng tin xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chặt đứt sợi dây chướng ngại tái sanh và nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

*80. Mọi nghiệp ta đã làm,
Dầu ít hay là nhiều,
Tất cả được đoạn trừ,
Nay không còn tái sanh.*

618 Trưởng lão Ujiaya - Kinh Ujiaya – Tiểu III, 58

Ujiaya – Tiểu III, 58 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thống.

Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt tủy. Với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, **thiền tư về giới hạnh** trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Thế Tôn đánh lễ ngài, ngòì xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của ngài:

*47. Đánh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo điển,
Con sống không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.*

619 Trưởng lão Ukkhepakàta Vaccha - Kinh Ukkhepakàta Vaccha – Tiểu III, 76

Ukkhepakàta Vaccha – *Tiểu III*, 76 (65)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một Bà-la-môn thuộc dòng họ Vaccha.

Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp phát tâm xuất gia, sống tại một làng Kosala. Nhờ các Tỷ-kheo đến thăm, ngài thâm hiểu Chánh pháp, nhưng ngài không phân biệt được Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng (???). Tuy vậy ngài học hỏi được từ tôn giả Sàriputta, nên có các vị Tỷ-kheo giỏi về Luật tạng hay một bộ phận của ba Tạng, ngài học thuộc lòng cả ba Tạng, trước khi ba Tạng được kiết tập. Sau khi thuộc lòng cả ba Tạng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành vị giảng dạy giáo lý.

Một hôm, ngài nói với chính mình như với một người khác trong bài kệ sau đây:

*65. Tài sản được chất chứa,
Trải nhiều tháng nhiều năm,
Do Vaccha tác thành,
Nay Vaccha quăng bỏ.*

*Ngài thuyết giảng như vậy,
Cho các hàng cư sĩ,
Khéo ngồi chỗ trịnh trọng,
Tâm hân hoan rộng lớn.*

620 Trưởng lão Upàli - Kinh Upàli – Tiểu III, 203

Upàli – Tiểu III, 203 (180)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà.

Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: *"Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về **kinh học và thiền quán**".* Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu **thiền quán** và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả **Luật tạng**. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về *Tỷ-kheo Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.

249. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.

250. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.

621 Trưởng lão Upasena - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena (anh của Sàriputta)**. Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xứ viễn ly, không ổn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học **hạnh tịnh cư.***

578. *Từ những đồng rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. ***Với tâm tư hạ mình,**
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. ***Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.***

581. ***Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,
Tại gia và xuất gia.***

582. ***Như kẻ ngu, người câm,***

*Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

*383. Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

*584. Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh **chỉ**,
Đúng thời tu thiền **quán**.*

*585. Đủ tinh tấn **nhẫn** nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí **tin** tưởng tiến.*

*586. Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

622 Trưởng lão Upavàna - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna. Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. Bậc ỨNG CÚNG, Thiện Thệ,
Ẩn sĩ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ẩn sĩ.*

*186. Cúng dường người đáng cúng,
Cúng kính người đáng kính,*

*Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

623 Trưởng lão Uruvelà Kassapa - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254

Uruvelà Kassapa – *Tiểu III*, 254 (210)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm **anh cả** trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên *Kassapa*, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà.

Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ.

Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là *Uruvelà Kassapa* vì ngài ở Uruvelà.

Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bò-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, **sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh**, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con *rắn*, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng *kinh Adittapariyàya* cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông,
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn, ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng tế tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch,
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,
Thiên nhãn ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.*

*380. Do đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi kiết sử tận diệt.*

624 Trưởng lão Usabha - Kinh Usabha – Tiểu III, 116

Usabha – *Tiểu III*, 116 (110)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên **nghĩ rằng**: "*Các cây và các **cây lau** này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?*"

Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với **tinh tấn nghị lực**, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,*

*Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

625 Trưởng lão Usabha - Kinh Usabha – Tiểu III, 173

Usabha – *Tiểu III*, 173 (159)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua Sakka, được đặt tên là *Usabha*.

Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bốn phân của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khát thực; tại đây, thấy quân chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa.

Ngài thức dậy, suy nghĩ: "*Vì sao, đây là con mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm **ưu não***", ngài an trú **thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Như vậy lấy con mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

197. Vai đắp phủ tấm y,
Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khát thực.

198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất ngạo mạn,
Nay ta thật lắng dịu,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.

626 Trưởng lão Uttara - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

627 Trưởng lão Uttara - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – *Tiểu III*, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

628 Trưởng lão Uttarapàla - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – Tiểu III, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiên quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

251. *Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vức ma,
Bị tên mạnh xung kích,**

*Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

*253. Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

629 Trưởng lão Uttiya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

630 Trưởng lão Uttiya - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sanh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, **thiền định của ngài bị thôi thất và lòng *dục* khởi lên.** Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán,** chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các ***dục*** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,
Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,*

Đưa đến nhiệm luân hồi.

631 Trưởng lão Uttiya - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

632 Trưởng lão Vacchagotta - Kinh Vacchagotta – Tiểu III, 118

Vacchagotta – Tiểu III, 118 (112)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có. Vì có đến bốn vị Trưởng lão tên Vaccha, ngài được gọi là Vacchagotta.

Khi đến tuổi trưởng thành, giỏi về Bà-la-môn giáo điển, ngài cảm thấy **không thỏa mãn, vì không tìm thấy lỗi cây trong sự học hỏi ấy**, sau ngài trở thành một du sĩ. Nhờ vậy, ngài gặp bậc Đạo Sư, bằng lòng với những câu trả lời, ngài xuất gia, và sau một thời gian, chúng được **sáu thắng trí**, hân hoan với quả chúng và nếp sống của mình, ngài nói lên bài kệ:

112. Ta chứng được **Ba minh**,
Đạt được đại thiên định,
Tâm **chỉ** được thiện xảo,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.

633 Trưởng lão Vacchapàla - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83

Vacchapàla – *Tiểu III*, 83 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và *Vacchapàla*.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của *Uruvela Kassapa* trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo **giới luật**,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,
Chứng được không khó khăn.*

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

634 Trưởng lão Vaddha - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – *Tiểu III*, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lâu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

635 Trưởng lão Vaddhamàna - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

636 Trưởng lão Vajji Putta - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu tháng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,
Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!*

*Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lành xướng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

637 Trưởng lão Vajji Putta - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,
Hơn bất hạnh chúng tôi.*

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.

Rồi vị Tỷ-kheo, như con ngựa hay được thúc đẩy, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

638 Trưởng lão Vajjita - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – Tiểu III, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với hạnh không phóng dật,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

639 Trưởng lão Vakkali - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiên quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: "*Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp*".

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "*Tỷ-kheo này, nếu không*

được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập số của bộ Anguttara Nikàya và tập số của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế

Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và
bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

*349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

*350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.*

*352. Con thấy bạn đồng tu,
Sống hòa hiệp, đồng mãnh,*

*Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

640 Trưởng lão Valliya - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

641 Trưởng lão Valliya - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

125. *Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

126. *Này khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,*

*Ngươi đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

642 Trưởng lão Valliya Kanhamitta - Kinh Valliya Kanhamitta – Tiểu III, 155

Valliya Kanhamitta – *Tiểu III*, 155 (144)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhamitta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp).

Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là **Valliya (loài cây leo)**, vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì.

Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venudatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. Những bốn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,
Những bốn phận cần làm,
Với người muốn giác ngộ.

*Con sẽ làm tất cả,
Con không có thói thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.*

*168. Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt **Thánh yên lặng**,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.*

643 Trưởng lão VanaVaccha - Kinh VanaVaccha – Tiểu III, 118

VanaVaccha – Tiểu III, 118 (113)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên là Vanavaccha. Ngài khởi lòng tin khi bậc Đạo Sư hội kiến với vua Bimbisàra (Bình-sa). Sau ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài sống trong rừng, thiên tu **hạnh viễn ly**, do vậy được gọi là Vanavaccha.

Một hôm, ngài muốn giúp ích cho bà con đi đến Ràjagaha, sống trong một chỗ ở nhỏ, và nói với họ nếp sống của mình. Các bà con yêu cầu ngài dùng bài kệ này nói lên ngài ưa thích sống ở rừng núi và hành trì hạnh viễn ly:

*113. Dưới tảng đá, băng đá
Có nước suối, trong chảy,
Có khỉ và có nai,
Lại vắng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Núi rừng ấy, ta ưa.*

Bài kệ này trở thành lời nói chánh trí của ngài.

644 Trưởng lão VanaVaccha - Kinh VanaVaccha – Tiểu III, 23

VanaVaccha – Tiểu III, 23 (13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ ngài đi vào rừng viếng cảnh, và sanh tại đây.

Ngài trở thành **một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật** trong tương lai. Vì ngài **thích rừng núi, ngài được biết với tên là *Vanavaccha***. Về sau, khi ngài xuất gia, ngài sống trong rừng **tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán.**

Để tán thán **hạnh ở rừng**, ngài nói lên bài kệ này, đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: "Ngài thích thú gì ở rừng núi?" Ngài đáp: "Thích thú thay, các ngôi rừng các ngọn núi!"

*3. Đẹp sắc, mây xanh biếc,
Nước mát lạnh, chảy trong,
Kẻ chăn bò Inda,
Che kín cả ngôi rừng,
Những ngôi núi đá ấy,
Làm hân hoan tâm ta.*

645 Trưởng lão Vangisa - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – Tiểu III, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người

kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

**Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.**

**Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.**

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185)

và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi **bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp**, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. Vớ*l* ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắ*n* cung thiện xảo,
Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắ*n* khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.

1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phạm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Ty-kheo.

1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.

III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. **Đệ tử Gotama,**

*Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với mình, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại **bị kích thích và tham dục khởi lên**. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

**1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.***

Và Tôn giả Ananda trả lời:

**1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,
Hệ lụy đến tham dục.***

**1225. *Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,***

*Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,

*Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.*

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

*1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.*

*1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.*

*1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.*

1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bạc nhỏ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cầu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.

1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,

*Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

- Vậy nay Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,*

Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.

1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.

1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.

1245. Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,

Hãy đánh lễ, tu học.

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (Anh-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng

Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **tho**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỬ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BÓN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vì có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,

*Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhãn biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài người.

1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

1269. **Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!**

1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Gương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
*Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!

1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bạc tình tấn tới cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!

1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.

Thế Tôn:

1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,

Bạc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

1276. *Nghe vậy, con tịnh tín,
Vớ lời nói của ngài,
Bạc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.*

1273. *Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thân chết xảo quyết.*

1278. *Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.*

1279. *Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tối thượng hai chân,*

Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

646 Trưởng lão Vappa - Kinh Vappa – Tiểu III, 72

Vappa – Tiểu III, 72 (61)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha.

Khi nghe Tu sĩ **Asita** đoán tướng *Thái tử Siddhatta* sẽ thành đạo, **Vappa** cùng bốn người con Bà-la-môn với **Kondannà (Kiều Trần Như)** là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ.

Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạnh. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana.

Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán.

Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào Thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

61. *Vị đã thấy, thấy được,*

*Người thấy, người không thấy,
Vị không thấy, không thấy,
Người không thấy, người thấy.*

647 Trưởng lão Vàrana - Kinh Vàrana – Tiểu III, 198

Vàrana – Tiểu III, 198 (176)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, trong gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vàrana.

Khi đến tuổi trưởng thành, vị ấy nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp trong một ngôi rừng, và với lòng tin, xuất gia.

Một ngày kia đi đến hầu hạ đức Phật, ngài chứng kiến một cuộc ẩu đả trong gia đình và có nhiều người bị giết. Hốt hoảng, bị dao động, ngài đi gấp đến Thế Tôn và tường thuật sự việc. Thế Tôn thấy sự tiến bộ trong tâm tư của ngài, nên nói lên bài kệ khích lệ ngài:

236. Ai ở đời, giữa người,
Làm hại chúng sanh khác,
Vị ấy tự hại mình,
Đời này và đời sau.

237. Ai với **tâm từ bi**,
Thương tưởng mọi hữu tình,
Một người làm như vậy,

Gặt phước đức thật nhiều.

238. *Hãy học tập khéo nói,
Hãy hầu hạ Sa-môn,
Sống một mình kín đáo,
Với tâm tư tịnh chỉ.*

648 Trưởng lão Vasabha - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137

Vasabha – Tiểu III, 137 (130)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì.

Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dân cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiếu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ **Sakka** (Đế Thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "*Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?*" Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,*

*Họ khéo giết tự ngã,
Như chim mỗi, mỗi chim.*

*140. Không phải Bà-la-môn,
Vội dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Vội ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujà.*

649 Trưởng lão Vigitasena - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài như sau**:

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,
Người do thân sanh ra.

355. *Chế ngự người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này **tâm**, **kẻ phù thủy**,
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực**.*

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức **nặng tinh tấn**,
Người được ta áp lực,
Do vậy, hồi này tâm,*

Người sẽ không xa ta.

650 Trưởng lão Vijaya - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,
Hành xứ, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dấu chân thật khó tìm.*

651 Trưởng lão Vimala - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – *Tiểu III, 209* (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiên định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

652 Trưởng lão Vimala - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – Tiểu III, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

653 Trưởng lão Vimala Kondanna - Kinh Vimala Kondanna – Tiểu III, 75

Vimala Kondanna – *Tiểu III*, 75 (64)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của Ambapàli và thân phụ ngài là vua Bimbisàra. Ambapàli đặt tên con là Vimala và sau ngài được biết với tên là Vimala-Kondanna.

Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ này:

*64. Dưới cờ trắng ta sanh,
Từ nàng tên một cây,
Với cờ đánh đổ cờ,
Lá cờ lớn hủy diệt.*

654 Trưởng lão Vira - Kinh Vira – Tiểu III, 18

Vira – Tiểu III, 18 (8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), và được gọi là **Vira**.

Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bằng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, **vợ của ngài muốn cám dỗ** ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: *"Người đàn bà này muốn cám dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ruồi"*. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cám dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

**8. Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Vira tự thỏa mãn,
Nghỉ ngơi được vượt qua,**

**Thắng trận, không kinh hoàng,
Vừa trú tịch tịnh.**

Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: "*Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta*". Rồi đi đến tinh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chúng được **ba minh**.

655 Trưởng lão Visàkha - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,**

Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuê,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

656 Trưởng lão Vitàsoka - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài **phát triển thiền quán**, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

169. *Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

170. ***Thân được thấy trống rỗng,***

*Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.*

657 Trưởng lão Yasa - Kinh Yasa – Tiểu III, 122

Yasa – *Tiểu III*, 122 (117)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài **sanh trong một gia đình nhân sĩ rất giàu có** ở Benares (Ba-la-nại). Ngài được nuôi dưỡng rất tinh tế, và có ba lâu đài hợp với ba mùa.

Một đêm, do nhân duyên quá khứ thúc đẩy ngài **thấy cảnh bất tịnh** của những người hầu cận ngài. Quá xúc động trước cảnh tượng ấy, ngài đi đôi dép vàng, từ bỏ thành, nhà và được chư Thiên mở cửa thành cho. Ngài đi đến Isipatana (Chư Thiên đạo xứ), vừa đi vừa than: "Ôi sầu khổ thay! Ôi nguy hiểm thay!"

Lúc ấy, Thế Tôn đang đi ngoài trời ở Isipatana, thấy Yasa như vậy liền gọi: *"Hãy đến đây, này Yasa! Ở đây, không có sầu khổ, không có nguy hiểm!"*.

Nghे vậy, ngài rất hoan hỷ, cởi dép để một bên, ngồi xuống bên cạnh Thế Tôn. **Bậc Đạo Sư** thứ lớp thuyết giảng cho Yasa về **Bốn sự thật**, khi giảng xong. Ngài trở thành một Phật tử. Và khi đức Phật thuyết giảng cho phụ thân Yasa đến kiểng ngài, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi đức Phật đưa bàn tay mặt ra đón Yasa và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo', khi nói vậy, tóc của Yasa được cắt ngắn lại bằng hai ngón tay và có được đầy đủ tám vật cần dùng. Suy tư đến quả chúng và nếp sống của mình, ngài cảm thấy hân hoan khi nghe hai chữ: 'Hãy đến đây, Tỷ-kheo' và nói lên bài kệ:

*117. Khéo thoa xức, khéo mặc,
Dùng mọi loại thời trang,
Ta chứng được **Ba minh**,
Lời Phật dạy làm xong.*

658 Trưởng lão Yasadatta - Kinh Yasadatta – Tiểu III, 248

Yasadatta – *Tiểu III*, 248 (207)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ vua Malla, được đặt tên là *Yasadatta*, ngài được học ở Takkasilà.

Sau khi đi du hành với du sĩ Sabhiya, cả hai đến Sàvatthi, tại đây hỏi Thế Tôn một số câu hỏi. Yasadatta ngồi nghe những câu trả lời, **ý muốn ra chỉ trích**: "*Ta sẽ nêu lên những khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn Gotama*".

Thế Tôn hiểu tâm tư của Yasadatta, nên sau khi nói **kinh Sabhiya**, Thế Tôn giáo huấn Yasadatta như sau:

359. Với tâm, muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã thắng trận,
Người ấy, thái độ vậy,
Rất xa vời Chánh pháp,
Như đất xa bầu trời.

360. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,

*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Tồn giảm xa Chánh pháp,
Như trăng nửa tháng đen.*

361. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Khô cạn trong diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.

362. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.

363. Ai tâm tư thỏa mãn,
Nghe bậc Thánh giảng dạy,
Tì bỏ mọi lậu hoặc,
Chứng ngộ không dao động,
Đạt tịch tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

659 Trưởng lão Yasoja - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200

Yasoja – Tiểu III, 200 (178)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại cửa thành ở Sàvatthi, trong một làng người đánh cá, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là Yasoja.

Đến tuổi trưởng thành, một hôm ngài đánh cá với những người con các người đánh cá trên sông Aciravati, quăng lưới, ngài bắt được con cá lớn có màu sắc vàng. Họ dâng con cá lên vua Pasenadi và vua nói chỉ có đức Phật mới biết nguyên nhân, màu sắc của con cá.

Đức Phật dạy, **tiền thân con cá là một ác Tỷ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp**, nay vẫn đang sống trong cõi địa ngục. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục. Chỉ có anh nó là vị Trưởng lão, sống đời sống tốt đẹp, và Thế Tôn thuyết pháp về **kinh Kapila**. Nghe xong, Yasoja cảm thấy xúc động và xin xuất gia, và các bạn cũng xin xuất gia theo.

Họ đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) để yết kiến đức Phật, nhưng khi đến họ làm quá ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi. Bị đuổi, và sống trên sông Vaggumudà,

Yasoja như con người thuần thực, quyết tâm quyết chí tu trì, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi Thế Tôn cho gọi Yasoja, và ngài vì tu khổ hạnh đặc biệt, nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau:

242. *Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.*

Yasoja được tán thán như vậy, đề cao **hạnh cô độc** và dạy như sau:

243. *Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm chịu đựng.*

244. *Sống một, như Phạm thiên,
Sống hai, như chư Thiên,
Sống ba, như làng mạc,
Nhiều hơn, như ở chợ.*

660 Trường thọ - Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường thọ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

661 Từ bỏ - Hạnh từ bỏ - Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119

Adhimutta – Tiểu III, 119 (114)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sàvatthi, tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản.

Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

*114. Trong nếp sống tâm tư,
Hướng về **hạnh từ bỏ**,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nề như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?*

662 Từ bỏ ngôi vua để xuất gia - Trưởng lão Kimliba - Kinh Kimliba – Tiểu III, 123

Kimliba – *Tiểu III*, 123 (118)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều.

Bậc Đạo Sư thấy được thiên quán của ngài chín mươi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già.

Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

*118. Như bị lời trù yểm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.*

Nghĩ đến lẽ **vô thường**, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhân mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

663 Từ bỏ sáu xúc xú, Căn môn khéo chế ngự - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121

Pàràpariya – Tiểu III, 121 (116)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá) và trở thành rất giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ Pàràpara, ngài được gọi là Pàràpariya và dạy các **bùachú**.

Ngài thấy oai nghi đức độ của đức Bôn Sư ở Pàràjagaha, xin xuất gia và **chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán**.

Nghĩ đến đời sống hành đạo của mình, ngài nói lên sự phấn khởi hân hoan của ngài, ngang qua bài kệ:

*116. Từ bỏ sáu xúc xú,
Căn môn khéo chế ngự,
Gốc tà ác, nhỏ sạch,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

664 Từ đâu phần nô khởi, Với người không phần nô - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – *Tiểu III, 277* (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *ngũ*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. ***Từ đâu phần nô khởi,
Với người không phần nô,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

665 Tứ Động tâm - Nhân duyên ba một kiếp trước - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây Bô-đề và **nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. Dưới gốc cây Bô-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.

218. Đã qua **ba một kiếp**,

*Tướng ấy ta không chứng,
Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lâu hoặc diệt.*

666 Từ khi ta xuất gia, Bỏ nhà, sống không nhà - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59

Sanjaya – Tiểu III, 59 (48)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có.

Khi lớn lên, ngài theo gương Brahmàya, Pokkhanrasāti và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả.

Về sau, ngài xuất gia và chứng được *sáu thắng trí*. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

*48. Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,
Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi Thánh,
Liên hệ đến sân hận.*

667 Tự kiêu - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – *Tiểu III*, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,

Trong nung nấu hối tiếc.

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

668 Từ mẫn ngài hộ trì - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

*331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

*333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.*

669 Tự mình sách tấn và chứng quả - Kinh Sivaka – Tiểu III, 24

Sivaka – Tiểu III, 24 (14) (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chi của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sivaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sivaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sivaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
"Hãy đi, Sívaka!"
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dẫu còn nằm ta đi,
Người biết, không trối buộc.*

670 Tự ngã - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – Tiểu III, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quý,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tưởng, Phi phi tưởng.*

259. *Ta khéo biết sanh hữu,*

*Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

671 Tự ngã - Người khác tán thán nó, Kẻ tự ngã chưa định - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150

Sirimat – Tiểu III, 150 (140)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong nhà một thị dân, được đặt tên là **Sirimat**, vì gia đình ngài được luôn luôn may mắn, và thành công. Em trai của ngài, tăng trưởng tài sản được đặt tên là **Sirivaddha** (tăng trưởng sự may mắn).

Cả hai thấy được uy nghi đức độ của đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng đức Phật, khởi lòng tin xuất gia.

Sirivaddha dầu chưa chứng được pháp thượng nhân, nhưng được hàng cư sĩ, hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh.

Nhưng Sirimat, vì nghiệp không được tốt đẹp nên ít được cung kính, tuy vậy, luôn luôn tu tập về **chỉ và quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Các Tỷ-kheo tầm thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường

ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đọc lên bài kệ, nói lên sự sai lầm của họ:

159. *Người khác tán thán nó,
Kẻ tự ngã chưa định,
Người khác khen sai lầm,
Kẻ tự ngã chưa định.*

160. *Người khác chỉ trích nó,
Kẻ tự ngã đã định,
Người khác chê sai lầm,
Kẻ tự ngã khéo định.*

Rồi Sirivaddha nghe bài kệ, tâm sanh dao động, **phát triển thiền quán**, không bao lâu đạt được chơn giải thoát; và những ai chỉ trích bậc Trưởng lão, chúng tôi xin lỗi ngài.

672 Tự ngã - Thầy hãy làm tự ngã, Được thấm nhuần hương thượng - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài,** ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,
Được thắm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

673 Tự ngã - Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137

Vasabha – Tiểu III, 137 (130)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì.

Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dân cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiếu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ **Sakka** (Đế Thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "*Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?*" Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,
Họ khéo giết tự ngã,
Như chim môi, môi chim.*

140. *Không phải Bà-la-môn,
Vớ dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Vớ ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujà.*

674 Tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – *Tiểu III*, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (*không thể so sánh được*).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi ngươi,**
Kẻ bề gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,

Đến chỗ có hại ta!

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

675 Tứ như ý túc - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và **là một vị hùng biện vô địch.**

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

676 Tứ niệm xứ - Trưởng lão Kelakàni - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – *Tiểu III*, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng **đâm**, ta run,
Như lá bị **gió thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** sanh.

756. Ta không thấy **lượng y**,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tạt đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

677 Tự phụ với địa vị của mình - Kinh Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

678 Tự phụ, tự đắc - Kinh Channa – Tiểu III, 80

Channa – Tiểu III, 80 (69)

Khi Thế Tôn còn sống trong gia đình vua Suddhodana (Tịnh Phạn), ngài xuất thân từ con một người nô lệ và được đặt tên là *Channa*.

Sống đồng thời với đức Phật, ngài khởi lòng tin đức Thế Tôn, khi bậc Đạo Sư về thăm lại gia đình, rồi ngài xuất gia. Vì lòng thương mến Thế Tôn, vì **tự phụ tự đắc** đối với "*Đức Phật của chúng ta, giáo pháp của chúng ta*" ngài **không** thể chinh phục khuyết điểm này và **không** làm tròn bổn phận của một người Sa-di.

Khi Thế Tôn mệnh chung, theo lời dặn của Thế Tôn cần phải phạt nặng Channa, ngài xấu hổ, chế ngự được khuyết điểm này, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sung sướng với quả chứng của mình, ngài nói lên sự sung sướng của mình trong bài kệ như sau:

*69. Sau khi nghe Chánh pháp,
Vị ngọt lớn pháp lớn,
Do nhất thiết thắng trí,*

*Thuyết giảng và trình bày,
Ta dẫn thân trên đường,
Đường đưa đến bất tử,
Ngài thật bậc thiện xảo,
Con đường diệt khổ ách.*

679 Tự sách tấn mình nhiếp phục Dục tướng - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đê tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tướng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "**Ta sẽ giết nó!**" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,*

Che kín trùm tất cả.

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

680 Tự sách tấn mình với ví dụ cây lau - Kinh Usabha – Tiểu III, 116

Usabha – *Tiểu III*, 116 (110)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên **nghĩ rằng**: "*Các cây và các **cây lau** này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?*"

Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với **tinh tấn nghị lực**, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,*

*Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

681 Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cỡi dây cho con bò, cho nó

rom và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "**Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh táo, sau khi rơi vào rình nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành**".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. *Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

682 Tự sách tấn mình với ví dụ con nai mẹ - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

683 Tự sát - Định tự sát vì bị dục tưởng quấy rối - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đê tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tưởng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "**Ta sẽ giết nó!**" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,*

Che kín trùm tất cả.

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

684 Tu tập - 3 phương pháp nhiếp phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn nắn,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

685 Tu tập - Không nhiệt tâm tu tập do... - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chúng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

686 Tử thần - Thường tiền đến sự chết, Đến gần cảnh tử thần - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – *Tiểu III*, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng *Kappa* có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phân uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bọc lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,*

*Dẫn đi bởi xe nghiệp,
Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

687 Tứ thực - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99

Paripunnaka – Tiểu III, 99 (91)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình dòng họ Thích-ca. **Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn.** Ngài được biết với tên là *Paripumaka* (viên mãn).

Ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khát thực, ngài nghĩ: "*Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hưởng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?*"

Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy **đề tài tu tập về thân** từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

*91. Dầu có hưởng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay.
Đây là Pháp vi diệu,*

*Được Phật Go-ta-ma,
Bậc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.*

688 Tự tử - Định dùng con dao thì chứng quả - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264

Sappadàsa – Tiểu III, 264 (215)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của vị cố vấn tế lễ của vua Suddhodhana, và được đặt tên là Sappadàsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Bị chi phối bởi những tập tục xấu, những tánh tình tâm lý không tốt đẹp, ngài không sao được thiền định và nhất tâm.

Sự kiện này khiến ngài quá sầu não đến nỗi ngài gần tự tử, nhưng bỗng ánh sáng nội tâm chói sáng lan rộng thành lành, ngài chứng quả A-la-hán, nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

405. Đã được **hăm lẫn năm**,
Từ khi ta xuất gia,
Nhưng đến một búng tay,
Ta không đạt tâm tịnh.

406. **Nhứt tâm** không đạt được,
Bị dục tham chi phối,

*Khoa tay, ta than khóc,
Bỏ tình xá, ta đi.*

407. Ta sẽ đem **dao** lại,
Sự sống ta, nghĩa gì?
Học tập bị tước bỏ,
Như ta, chết tốt hơn.

408. Rồi ta cầm con dao,
Ta vào chỗ giường nằm,
Con dao được rút ra,
Để cắt cổ của ta.

409. *Rồi ta **tự tác ý,**
Như lý, khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

410. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

689 Tư tưởng ta lắng dịu, Tâm ta thật định tĩnh - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – *Tiểu III*, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

690 Từ vô lượng đệ nhất - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

691 Từ vô lượng tâm - Triển khai lòng từ để trời mưa - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng.

Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển khai lòng từ**. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,*

*Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

692 Tứ vô lượng tâm - Vị Hạnh Từ vô lượng đệ nhất - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được

xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

*1. Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*

***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***

***Thần mưa**, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!*

693 Túc mạng minh - Ba một kiếp trước - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây **Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

*217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.*

*218. Đã qua ba một kiếp,
Tưởng ấy ta không chứng,*

*Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lậu hoặc diệt.*

694 Túc mạng thông đệ nhất - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154

Sobhita – *Tiểu III*, 154 (143)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita.

Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu **túc mạng thông**, được đức Phật xác nhận là vị **nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất**. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu **Bốn niệm xứ**,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

695 Tuổi trẻ trác táng, sau xuất gia chứng quả - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cỡi dây cho con bò, cho nó

rom và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "**Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh tấn, sau khi rơi vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bốn phận của người tu hành**".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. *Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ **chánh kiến**,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

696 Tướng - Hai mươi lăm năm không khởi dục tướng, sân tướng - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của **Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm *thị giả* đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một *thị giả thường trực*, có Tỷ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy.**

Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hầu hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

1018. Hai lười và phần nộ,

*Xan tham, thích phá hoại,
Bạc trí không giao du,
Kẻ ác bạn kẻ xấu.*

*1019. Với bạc tin, dễ thương,
Với bạc trí, nghe nhiều,
Bạc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

*1021. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.***

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chúng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. *Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,
Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

1023. *Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

1024. *Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallāna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

1025. *Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,*

Thêm hai ngàn pháp nữa,

*Tổng cộng tám tư ngàn,
Là pháp ta chuyển vận.*

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đảng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

1029. Biết câu trước câu sau,

***Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Nắm giữ điều khéo nắm,
Suy tìm trên nghĩa lý.***

***1030. Chính nhờ đức kham nhẫn,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.***

***1031. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.***

***1032. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.***

***1033. Ưa pháp, vui thích pháp,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.***

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. *Thân ích kỷ năng chẳng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo thân lạc,
Từ đâu, Sa-môn lạc?*

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên khi nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. *Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.*

1036. *Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.*

1037. *Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.*

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bốn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bậc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1043. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1044. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1045. Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.

1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.

1047. Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,
Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

697 Tướng cướp - Bị cướp bắt đem tế thần nhưng không sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III, 370* (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

698 Tướng cướp - Xuất gia từ bỏ làm tướng cướp - Kinh Herannakàni – Tiểu III, 141

Herannakàni – Tiểu III, 141 (133)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một tay sai của vua *Kosala* và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy.

Được cảm hóa khi chứng kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), ngài cho người em trai thế chức vụ. Ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tìm cách khuyến em ngài từ bỏ nghề cũ, và thấy em ngài thích thú nghề của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau:

145. *Đêm ngày chạy, trôi qua,
Mạng sống bị tổn giảm,
Tuổi thọ người hủy diệt,
Như nước dòng suối con.*

146. *Kẻ ngu làm ác hạnh,
Không hiểu việc mình làm,
Về sau bị khổ đau,*

Khi ác nghiệp chín muồi.

Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua
nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

699 Tương lai người tu thể nào - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,
Khi bậc Tối thượng nhân,*

*Bạc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại dược phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.

926. Sống khiêm tốn giản dị,

Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vớỉ cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiện, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,
Tài sản, con và vợ,

Do nhân muốn đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. **Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.**

936. **Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.**

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
**Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.**

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. **Với các loại dược phẩm,
Họ giống như thầy thuốc,**

*Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Vớ rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,
Họ tự mình nuôi sống,*

Với quyền lợi kẻ khác.

944. **Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.**

945. **Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.**

946. **Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.**

947. **Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,
Vẫn có thể xúc chứng,**

Con đường đạo bất tử.

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

700 Tương lai Tỳ kheo sẽ thế nào - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỳ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỳ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. Ẩn sĩ Pan-đa-ra,

Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. Trong thời gian tương lai,
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. Ấn sĩ Pan-đa-ra,
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. **Phẫn nộ và hiềm hận,
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,**

953. **Họ tự cho có trí,
Pháp sâu, chỉ đến bờ,
Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thu nhận tất cả,
Trong tương lai là vậy.

958. Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ư đánh nhau.

959. Họ trở thành thảo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.

960. Với tóc bôi dầu lóng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.

961. **Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhàm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.

962. Họ trở thành tham lợi,
Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,

Thích sống gần xóm làng.

963. *Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.*

964. *Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.*

965. *Kinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.*

966. *Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.*

967. *Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.
Voi ta không nghĩ nghĩ.*

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kẻ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo **định** trong **giới** luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phẩn chán,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng dăng,
Ngu si, không giới hạnh,**

*Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.*

974. *Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ỨC HIẾP,
Đối vị có **tâm từ**.*

975. *Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.*

976. *Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.*

977. *Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.*

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. **Hãy có tâm từ bi,**
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,*
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

701 Tướng quân - Tôn giả Sàriputta thừa tự Như Lai vị - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám tánh thuần thực của Sela** và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh

niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,

*Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.*

*822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.*

*823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!*

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

*824. Sela, Ta là vua!
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.*

Phạm chí Sela nói:

*825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.*

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,*

Hỡi này Bà-la-môn.

*830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

*831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.*

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

*832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!*

*833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.*

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỳ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sự, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán** và **chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. Kính bạch bậc Pháp nhĩn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.

839. Ngài là bậc Giác giả,

*Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

702 Tưởng ta bay tràn khắp, Tưởng dung hòa viễn ly - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn** Tỷ-kheo được nói đến trong **tập số Dhammapàla**.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,

Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hồi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.

599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.

600. **Người kẻ khác không hộ,**
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.

601. Tầng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,

*Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tảng đá ấy ta thích.*

*602. Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

703 Tỳ kheo - Chư Thiên đánh lễ Trưởng lão Sunita - Kinh Sunita – Tiểu III, 342

Sunita – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunita, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỳ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường Sunita đang quét dọn. Sunita đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bậc Đạo Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỳ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được tám thiền chứng và năm thắng trí. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được thắng trí thứ sáu.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài **rống tiếng con sư tử** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghê ta rất hèn hạ,

Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,**
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

704 Tỳ kheo nhiều hân hoan, trong pháp Phật tuyên bố - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22

Cùla Gavaccha – *Tiểu* III, 22 (11)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia.

Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavachha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, **phát triển trí tuệ** và chứng quả A-la-hán.

Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

*11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được **đạo tịch tịnh**,
Hành dừng lại an lạc.*

705 Tỷ kheo trong tương lai - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,
Khi bậc Tối thượng nhân,*

*Bạc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại dược phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.

926. Sống khiêm tốn giản dị,

Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vớỉ cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,
Tài sản, con và vợ,

Do nhân muốn đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,
Họ giống như thầy thuốc,*

*Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,
Họ tự mình nuôi sống,*

Với quyền lợi kẻ khác.

944. **Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.**

945. **Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.**

946. **Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.**

947. **Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,
Vẫn có thể xúc chứng,**

Con đường đạo bất tử.

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

706 Tỳ kheo trong tương lai - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. Ẩn sĩ Pan-đa-ra,

Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. Trong thời gian tương lai,
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. Ấn sĩ Pan-đa-ra,
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. **Phẫn nộ và hiềm hận,
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,**

953. **Họ tự cho có trí,
Pháp sâu, chỉ đến bờ,
Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thu nhận tất cả,
Trong tương lai là vậy.

958. Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ưa đánh nhau.

959. Họ trở thành thảo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.

960. Với tóc bôi dầu lóng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.

961. **Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bạc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhàm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.

962. Họ trở thành tham lợi,
Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,

Thích sống gần xóm làng.

963. *Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.*

964. *Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.*

965. *Kinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.*

966. *Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.*

967. *Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.
Voi ta không nghĩ nghĩ.*

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kẻ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo **định** trong **giới** luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phẩn chán,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng đãng,
Ngu si, không giới hạnh,**

*Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.*

974. *Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có **tâm từ**.*

975. *Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.*

976. *Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.*

977. *Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.*

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. **Hãy có tâm từ bi,**
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,*
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.